BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁO TRÌNH
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

(Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)

(Tái bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung)

ST NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

GIÁO TRÌNH

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Mã số: $\frac{\text{3K5H4 (075)}}{\text{CTQG - 2006}}$

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁO TRÌNH
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

(Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)

(Tái bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 2006

CHỦ BIÊN

PGS, TS. Mạch Quang Thắng

TẬP THỂ TÁC GIẢ

- PGS. Lê Mậu Hãn	Chương I
- TS. Vũ Quang Hiển	Chương II
- TS. Phạm Ngọc Anh	Chương III
- PGS, TS. Ngô Đăng Tri	Chương IV
- PGS, TS. Mạch Quang Thắng	Chương V, VII
- PGS, TS. Bùi Đình Phong	Chương VI
- TS. Ngô Văn Thạo	Chương tham khảo

Cộng tác viên

Vũ Thanh Bình

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đại hội VII của Đảng (năm 1991) đã khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Đại hội IX của Đảng khẳng định: "lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta". Thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, ngày 27-3-2003, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 23/CT-TW *Về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới*.

Sau khi được Ban Khoa giáo Trung ương thẩm định tại Công văn số 1987-CV/BKGTW ngày 25-1-2005 và Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương thẩm định tại Công văn số 5628-CV/TTVH ngày 27-1-2005, Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản *Giáo trình* ***Tư tưởng Hồ Chí Minh*** dùng trong các trường đại học, cao đẳng.

Giáo trình do các giảng viên, các nhà khoa học của một số trường đại học và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh biên soạn. Trên cơ sở quán triệt nội dung cơ bản của giáo trình quốc gia môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh của Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trong quá trình biên soạn, các tác giả đã nhận được sự giúp đỡ của các tập thể và cá nhân các nhà khoa học, đặc biệt là của GS. Đặng Xuân Kỳ và GS. Song Thành.

Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh này được các tác giả bám t Đề cương môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành kèm eo Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 31-7-2003 của ộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và bổ sung 1 chương dùng để am khảo cho giảng viên và sinh viên trong quá trình giảng .y và học tập.

Tái bản lần này, chúng tôi cố gắng khắc phục một số hạn chế ất bản lần đầu. Tuy nhiên, do những điều kiện khách quan và ủ quan nên khó tránh khỏi còn những nội dung cần tiếp tục sung và sửa đổi, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến góp ý những lần xuất bản sau được hoàn chỉnh hơn.

Thư góp ý xin gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Đại học và ıu Đại học), 49 Đại Cồ Việt - Hà Nội hoặc Nhà xuất bản Chính quốc gia, 24 Quang Trung - Hà Nội.

Tháng 8 năm 2006

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG I

NGUỒN GỐC, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Việt Nam là một quốc gia dân tộc tự chủ từ sớm. Nền độc lập, tự chủ của Việt Nam gắn liền với quá trình dựng nước và giữ nước trải qua hàng ngàn năm lịch sử.

Vào giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp tiến hành xâm lược nước ta, đánh sập thành trì chế độ phong kiến mục ruỗng của triều đình nhà Nguyễn, biến nước ta thành thuộc địa của Pháp, nhân dân Việt Nam bị sống trong kiếp đọa đày nô lệ.

Bắt đầu từ mùa xuân năm 1930, dưới ngọn cờ độc lập, tự do của Hồ Chí Minh, dân tộc Việt Nam đã đoàn kết thành một khối, kiên cường chiến đấu và dựng xây đất nước, giành được những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử vĩ đại và có tính thời đại sâu sắc. Có được những thắng lợi vĩ đại đó là nhờ Đảng và nhân dân ta được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng

ıao động Việt Nam khoá III lúc Chủ tịch Hồ Chí Minh ua đời có viết: "Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất ước ta đã sinh ra HỒ CHỦ TỊCH, người anh hùng dân tộc ĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ı và non sông đất nước ta"[1].

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng nêu rõ: Hồ Chí Minh đã ề xướng đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa ã hội. Sau này được đúc kết lại trong khẩu hiệu nổi tiếng: hông có gì quý hơn độc lập, tự do[2].

Đại tướng Võ Nguyên Giáp khái quát: "Tư tưởng Hồ hí Minh là *hệ thống lý luận về đường lối chiến lược, sách ược của cách mạng Việt Nam*... Đó là tư tưởng cách mạng hông ngừng, từ cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên chủ ghĩa xã hội, nội dung cốt lõi là giải phóng dân tộc, giải hóng xã hội (giai cấp), giải phóng con người. Nói ngắn ọn là *độc lập dân tộc, dân chủ, chủ nghĩa xã hội*; hay nói ọn hơn: *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*"[3].

Chủ tịch Phiđen Caxtrô Rudơ (Cuba) cho rằng: Hồ Chí inh đã kết hợp một cách thiên tài cuộc đấu tranh giành ộc lập dân tộc và cuộc đấu tranh vì quyền lợi quần chúng bọn phong kiến và giai cấp bóc lột áp bức... Sự nghiệp

---

. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, 2, tr. 516.

. Xem: Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh, quá khứ, hiện tại và tương* . Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 18.

. Võ Nguyên Giáp: *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng ệt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 98.

giải phóng dân tộc và sự nghiệp giải phóng xã hội là hai điểm then chốt trong học thuyết của Người[1].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh và đã quyết định ghi vào Cương lĩnh và Điều lệ của mình: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động"[2].

Vì vậy, nghiên cứu, học tập một cách có hệ thống môn học *Tư tưởng Hồ Chí Minh* trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, trong cán bộ, đảng viên, nhất là học sinh, sinh viên thuộc hệ thống nhà trường của cả nước là nhiệm vụ hết sức quan trọng.

I. NGUỒN GỐC, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên trong một gia đình sĩ phu yêu nước, ở quê hương giàu truyền thống cách mạng, trong một đất nước sớm định hình một quốc gia dân tộc có chủ quyền lâu đời, trong đó tinh thần yêu nước là dòng chảy chủ yếu xuyên suốt chiều dài lịch sử.

Cuối thế kỷ XIX, đất nước ta bị rơi vào cảnh nô lệ lầm than dưới ách thuộc địa của thực dân Pháp. Nhân dân Việt Nam đã liên tiếp nổi dậy chống lại ách thống trị của

---

1. Xem: *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr .76.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 127.

thực dân Pháp dưới ngọn cờ của một số nhà yêu nước tiêu biểu nối tiếp nhau, song đều lần lượt thất bại. Đám mây đen của chủ nghĩa thực dân vẫn bao phủ bầu trời Việt Nam. Dân tộc Việt Nam rơi vào khủng hoảng đường lối cách mạng.

Giữa lúc đó, Hồ Chí Minh ra nước ngoài để học hỏi, tìm một giải pháp mới để cứu nước, giải phóng dân tộc. Lúc này, chủ nghĩa đế quốc đã xác lập được sự thống trị của chúng trên một phạm vi rộng lớn của thế giới. Ách áp bức và thôn tính dân tộc càng nặng, sự phản kháng dân tộc của nhân dân bị nô dịch càng tăng. Phương Đông đã thức tỉnh. Chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ. Cách mạng Tháng Mười Nga đã thành công, nước Nga Xôviết đã ra đời. Quốc tế Cộng sản được thành lập. Các đảng cộng sản đã lần lượt ra đời tại một số nước ở châu Âu, châu Á...

Hồ Chí Minh đã hoạt động trong phong trào công nhân và lao động một số nước trên thế giới; đến với nhân dân cần lao ở các nước thuộc địa đang bị chủ nghĩa thực dân nô dịch; học tập, nghiên cứu các trào lưu tư tưởng, các thể chế chính trị; tiếp thu tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin; chọn lựa con đường cứu nước, giải phóng dân tộc là con đường cách mạng vô sản; đứng về phía Quốc tế Cộng sản; tham gia Đảng Cộng sản Pháp. Từ đó, Hồ Chí Minh càng đi sâu tìm hiểu các học thuyết cách mạng trên thế giới, xây dựng lý luận về cách mạng thuộc địa, trước hết là lý luận cách mạng để giải phóng dân tộc Việt Nam, xây dựng các nhân tố cách mạng của dân tộc, tổ chức và lãnh

đạo cách mạng Việt Nam tiến lên giành những thắng lợi vĩ đại vì độc lập của dân tộc, tự do của toàn dân, v.v..

1. Nguồn gốc tư tưởng Hồ Chí Minh

a) Giá trị truyền thống dân tộc

Lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước đã hình thành cho Việt Nam các giá trị truyền thống dân tộc phong phú, vững bền. Đó là ý thức chủ quyền quốc gia dân tộc, ý chí tự lập, tự cường, yêu nước, kiên cường, bất khuất... tạo thành động lực mạnh mẽ của đất nước; là tinh thần tương thân, tương ái, nhân nghĩa, cố kết cộng đồng dân tộc; thủy chung, khoan dung, độ lượng; là thông minh, sáng tạo, quý trọng hiền tài, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm phong phú văn hóa dân tộc... Trong nguồn giá trị tinh thần truyền thống đó, chủ nghĩa yêu nước là cốt lõi, là dòng chảy chính của tư tưởng văn hóa truyền thống Việt Nam, xuyên suốt trường kỳ lịch sử, là động lực mạnh mẽ cho sự trường tồn và phát triển của dân tộc. Chính sức mạnh truyền thống tư tưởng và văn hóa đó của dân tộc đã thúc giục Hồ Chí Minh ra đi tìm tòi, học hỏi, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại để làm giàu cho tư tưởng cách mạng và văn hóa của Người.

b) Tinh hoa văn hóa nhân loại

Hồ Chí Minh đã biết làm giàu vốn văn hóa của mình bằng cách học hỏi, tiếp thu tư tưởng văn hóa phương Đông và phương Tây.

Về tư tưởng và văn hóa phương Đông, Hồ Chí Minh đã tiếp thu những mặt tích cực của Nho giáo về triết lý hành

ộng, nhân nghĩa, ước vọng về một xã hội bình trị, hòa ục, thế giới đại đồng; về một triết lý nhân sinh, tu thân, ề gia; đề cao văn hóa trung hiếu "dân vi quý, xã tắc thứ hi, quân vi khinh".

Người nói: "Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong ọc thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng song hững điều hay trong đó thì chúng ta nên học"[1]. Người ẫn lời của V.I. Lênin: "Chỉ có những người cách mạng hân chính mới thu hái được những điều hiểu biết quý báu ủa các đời trước để lại"[2].

Về Phật giáo, Hồ Chí Minh đã tiếp thu tư tưởng vị tha, ừ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn; coi trọng tinh thần bình ẳng, chống phân biệt đẳng cấp, chăm lo điều thiện, v.v..

Về chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, Hồ Chí Iinh tìm thấy những điều thích hợp với điều kiện nước ta, ó là dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh húc.

Về tư tưởng và văn hóa phương Tây, Hồ Chí Minh đã ghiên cứu tiếp thu tư tưởng văn hóa dân chủ và cách ạng của cách mạng Pháp, cách mạng Mỹ.

Về tư tưởng dân chủ của cách mạng Pháp, Hồ Chí Minh ã tiếp thu tư tưởng của các nhà khai sáng: Vônte /oltaire), Rútxô (Rousso), Môngtexkiơ (Moutesquieu). ặc biệt, Người chịu ảnh hưởng sâu sắc về tư tưởng tự ɔ, bình đẳng của Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, ;, tr. 46.

năm 1791 của Đại cách mạng Pháp. Về tư tưởng dân chủ của cách mạng Mỹ, Người đã tiếp thu giá trị về quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776, quyền của nhân dân kiểm soát chính phủ.

c) Chủ nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa Mác- Lênin là nguồn gốc lý luận trực tiếp, quyết định bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh khẳng định:

"Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái "cẩm nang" thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản"[1].

Đối với chủ nghĩa Mác- Lênin, Hồ Chí Minh đã nắm vững cái cốt lõi, linh hồn sống của nó, là phương pháp biện chứng duy vật; học tập lập trường, quan điểm, phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác- Lênin để giải quyết các vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

Các tác phẩm, bài viết của Hồ Chí Minh phản ánh bản chất cách mạng tư tưởng của Người theo thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

d) Phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh

Ngoài nguồn gốc tư tưởng, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh còn chịu sự tác động sâu

---

1. *Sđd*, t.10, tr. 128.

ắc của thực tiễn dân tộc và thời đại mà Người đã sống và ıoạt động. Chính quá trình hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh ở trong nước và khi còn bôn ba khắp thế giới để ıọc tập, nghiên cứu và hoạt động đã làm cho Người có một ıiểu biết sâu sắc về dân tộc và thời đại, nhất là thực tiễn ıhương Đông để xem xét, đánh giá và bổ sung cơ sở triết ý phương Đông cho học thuyết Mác - Lênin.

Từ hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh đã khám phá quy uật vận động xã hội, đời sống văn hóa và cuộc đấu tranh ủa các dân tộc trong hoàn cảnh cụ thể của các quốc gia và hời đại mới để khái quát thành lý luận, đem lý luận chỉ ạo hoạt động thực tiễn, qua kiểm nghiệm của thực tiễn ể hoàn thiện, làm cho lý luận có giá trị khách quan, tính ách mạng và khoa học.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm hoạt động tinh hần của cá nhân, do Người sáng tạo trên cơ sở những hân tố khách quan. Do đó, tư tưởng Hồ Chí Minh phụ ıuộc rất lớn vào các yếu tố nhân cách, phẩm chất và năng ực tư duy của chính người sáng tạo ra nó.

Không chỉ ở nước ta mà có nhiều chính khách, nhiều hà hoạt động văn hóa-xã hội ở nước ngoài đã nêu nhiều ý iến sâu sắc về nhân cách, phẩm chất, về tài năng trí tuệ ủa Hồ Chí Minh. Ngay từ năm 1923, lúc Hồ Chí Minh ào trạc tuổi 33, nhà báo Liên Xô Ô. Manđenxtam khi tiếp úc với Hồ Chí Minh đã sớm nhận biết: "Từ Nguyễn Ái uốc đã tỏa ra một thứ văn hóa, không phải văn hóa Âu hâu, mà có lẽ là một nền văn hóa tương lai"[1]. Văn hóa

1. *Sđd*, t. 1, tr. 478.

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh ngày càng tỏa sáng theo dòng thời gian của dân tộc và thời đại.

Nhân cách, phẩm chất, tài năng của Hồ Chí Minh đã tác động rất lớn đến sự hình thành và phát triển tư tưởng của Người. Đó là một con người sống có hoài bão, có lý tưởng, yêu nước, thương dân, có bản lĩnh kiên định, có lòng tin vào nhân dân, khiêm tốn, bình dị, ham học hỏi, nhạy bén với cái mới, thông minh, có hiểu biết sâu rộng, có phương pháp biện chứng, có đầu óc thực tiễn, v.v.. Chính nhờ vậy, Người đã khám phá sáng tạo về lý luận cách mạng thuộc địa trong thời đại mới, xây dựng được một hệ thống quan điểm toàn diện, sâu sắc và sáng tạo về cách mạng Việt Nam, đã vượt qua mọi thử thách, sóng gió trong hoạt động thực tiễn, kiên trì chân lý, định ra các quyết sách đúng đắn và sáng tạo, biến tư tưởng thành hiện thực cách mạng.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự tổng hòa và phát triển biện chứng tư tưởng văn hóa truyền thống của dân tộc, tinh hoa tư tưởng văn hóa của phương Đông và phương Tây với chủ nghĩa Mác- Lênin làm nền tảng, cùng với thực tiễn của dân tộc và thời đại qua sự tiếp biến và phát triển của Hồ Chí Minh- một con người có tư duy sáng tạo, có phương pháp biện chứng, có nhân cách, phẩm chất cách mạng cao đẹp tạo nên. *Tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng Việt Nam hiện đại.*

2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

Nêu rõ sự phân chia các thời kỳ lịch sử tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ giúp chúng ta nắm được những nội dung tư tưởng

cơ bản của Người trong từng thời kỳ, phản ánh khách quan hiện thực lịch sử và tài năng trí tuệ của Hồ Chí Minh. Vì vậy, tiêu chí cơ bản để phân kỳ là phải dựa vào nội dung chuyển biến về mặt tư tưởng của Hồ Chí Minh trong từng thời kỳ lịch sử cụ thể chứ không phải dựa vào mốc thời gian hoạt động của Người. Chúng ta có thể phân chia thành 5 thời kỳ như sau:

a) Thời kỳ hình thành tư tưởng yêu nước, thương nòi (trước năm 1911)

Đây là thời kỳ Hồ Chí Minh lớn lên và sống trong nỗi đau của người dân mất nước, được sự giáo dục của gia đình, quê hương, dân tộc về lòng yêu nước thương dân; sớm tham gia phong trào đấu tranh chống Pháp; băn khoăn trước những thất bại của các sĩ phu yêu nước chống Pháp; ham học hỏi, muốn tìm hiểu những tinh hoa văn hóa tiên tiến của các cuộc cách mạng dân chủ tư sản ở châu Âu, muốn đi ra nước ngoài xem họ làm gì để trở về giúp đồng bào thoát khỏi vòng nô lệ. Trong thời kỳ này, ở Hồ Chí Minh đã *hình thành tư tưởng yêu nước, thương dân, tha thiết bảo vệ những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc, ham muốn học hỏi những tư tưởng tiến bộ của nhân loại*.

b) Thời kỳ tìm tòi con đường cứu nước, giải phóng dân tộc (1911-1920)

Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước, trước tiên Người đến nước Pháp, nơi đã sản sinh ra tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái; tiếp tục đến nhiều nước ở châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, sống và hoạt động với những người dân bị áp bức ở phương Đông và những người làm thuê ở

phương Tây. Người đã khảo sát, tìm hiểu cuộc cách mạng Pháp, cách mạng Mỹ, tham gia Đảng Xã hội Pháp, tìm hiểu Cách mạng Tháng Mười Nga, học tập và đã tìm đến với chủ nghĩa Lênin, tham dự Đại hội Tua, đứng về phía Quốc tế cộng sản, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Đây là *thời kỳ Hồ Chí Minh đã có sự chuyển biến vượt bậc về tư tưởng; từ giác ngộ chủ nghĩa dân tộc tiến lên giác ngộ chủ nghĩa Mác- Lênin, từ một chiến sĩ chống thực dân phát triển thành một chiến sĩ cộng sản Việt Nam*. Đây là một bước chuyển biến cơ bản về tư tưởng cứu nước của Hồ Chí Minh: *"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"*[1].

c) Thời kỳ hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam (1921 - 1930)

Hồ Chí Minh đã có thời kỳ hoạt động thực tiễn và lý luận sôi nổi, phong phú ở Pháp (1921-1923), ở Liên Xô (1923-1924), ở Trung Quốc (1924-1927), ở Thái Lan (1928-1929)... Trong thời gian này, *tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam đã hình thành cơ bản*. Hồ Chí Minh đã kết hợp nghiên cứu xây dựng lý luận, kết hợp với tuyên truyền tư tưởng giải phóng dân tộc và vận động tổ chức quần chúng đấu tranh, xây dựng tổ chức cách mạng, chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Những tác phẩm như *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), *Đường Kách mệnh* (1927) và những bài viết của

1. *Sđd*, t.9, tr. 314.

Hồ Chí Minh trong thời kỳ này đã thể hiện những quan điểm lớn và độc đáo, sáng tạo về con đường cách mạng Việt Nam. Có thể tóm tắt nội dung chính của những quan điểm đó như sau:

- Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải đi theo con đường cách mạng vô sản. Giải phóng dân tộc phải gắn liền với giải phóng nhân dân lao động, giải phóng giai cấp công nhân, phải kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

- Cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc có quan hệ mật thiết với nhau. Cách mạng thuộc địa không lệ thuộc vào cách mạng ở chính quốc mà có tính chủ động, độc lập. Cách mạng thuộc địa có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng ở chính quốc và giúp cho cách mạng ở chính quốc trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn.

- Cách mạng thuộc địa trước hết là một cuộc "dân tộc cách mệnh", đánh đuổi đế quốc xâm lược, giành lại độc lập, tự do.

- Giải phóng dân tộc là việc chung của cả dân chúng; phải tập hợp lực lượng dân tộc thành một sức mạnh lớn để chống đế quốc và tay sai.

- Phải đoàn kết và liên minh với các lực lượng cách mạng quốc tế, song phải nêu cao tinh thần tự lực tự cường, không được ỷ lại chờ đợi sự giúp đỡ của quốc tế.

- Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, của cả dân tộc đại đoàn kết. Phải tổ chức quần chúng, lãnh đạo và tổ chức đấu tranh bằng các hình thức và khẩu hiệu thích hợp. Phương pháp đấu tranh để giành chính quyền, giành

lại độc lập tự do là bằng bạo lực của quần chúng và có thể bằng phương thức khởi nghĩa dân tộc.

- Cách mạng muốn thành công trước hết phải có đảng cách mạng lãnh đạo, vận động và tổ chức quần chúng đấu tranh. Đảng có vững cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy đúng hướng, tới đích. Đảng phải có lý luận làm cốt...

Cùng với chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng cách mạng của Hồ Chí Minh trong những năm 20 của thế kỷ XX được truyền bá vào Việt Nam, làm cho phong trào dân tộc và giai cấp ở nước ta trở thành một phong trào tự giác, dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3-2-1930, thông qua Cương lĩnh đầu tiên của Đảng.

d) Thời kỳ thử thách, kiên trì giữ vững quan điểm, nêu cao tư tưởng độc lập, tự do và quyền dân tộc cơ bản (1930-1945)

Trên cơ sở tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam đã hình thành về cơ bản, trong mấy năm đầu của những năm 1930, Hồ Chí Minh đã kiên trì giữ vững quan điểm cách mạng của mình, vượt qua khuynh hướng "tả" đang chi phối Quốc tế Cộng sản, chi phối Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phát triển thành chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc, xác lập tư tưởng độc lập, tự do, dẫn đến thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra đời. *Tuyên ngôn độc lập* do Hồ Chí Minh trịnh trọng công bố trước quốc dân đồng bào và toàn thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước của dân, do dân, vì dân đã

khẳng định về mặt pháp lý quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam. Đây là mốc lịch sử không chỉ đánh dấu kỷ nguyên tự do, độc lập mà còn là bước phát triển mở rộng tư tưởng dân quyền và nhân quyền của cách mạng tư sản thành quyền tự do, độc lập của các dân tộc trên thế giới. Nhân dân Việt Nam nêu cao ý chí để bảo vệ quyền tự do, độc lập của mình. Đó là: ""*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*"... Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do"[1].

đ) Thời kỳ tiếp tục phát triển mới về tư tưởng kháng chiến và kiến quốc (1945-1969)

Đây là thời kỳ Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân ta vừa tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, vừa xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1945 - 1954) mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ; tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Thời kỳ này, tư tưởng Hồ Chí Minh có bước phát triển mới, trong đó nổi bật là các nội dung lớn như sau:

- Tư tưởng kết hợp kháng chiến với kiến quốc, tiến hành kháng chiến kết hợp với xây dựng chế độ dân chủ nhân dân; tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng

---

1. *Sđd*, t. 4, tr. 1.

khác nhau, đó là cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nhằm một mục tiêu chung trước mắt là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

- Tư tưởng chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

- Xây dựng quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

- Xây dựng Đảng Cộng sản với tư cách là một Đảng cầm quyền v.v..

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh trải qua hơn nửa thế kỷ hình thành và phát triển, là sản phẩm tất yếu của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới, là ngọn cờ thắng lợi của dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, vì giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

II. ĐỊNH NGHĨA, ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Định nghĩa và hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh

Khi nói khái niệm tư tưởng là nói đến một hệ thống quan điểm, lý luận mang giá trị như một học thuyết được xây dựng trên một thế giới quan và phương pháp luận nhất quán, đại biểu cho ý chí, nguyện vọng của một giai cấp, một dân tộc, phù hợp với nhu cầu tiến hóa của thực tiễn nhất định, trở lại chỉ đạo và cải tạo thực tiễn đó.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đọc trước Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX

viết: "***Tư tưởng Hồ Chí Minh*** là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu văn hoá nhân loại..."[1].

Định nghĩa trên là một bước tiến mới trong nhận thức của Đảng về tư tưởng Hồ Chí Minh, làm định hướng cho các nhà nghiên cứu tiếp tục đi sâu tìm hiểu về tư tưởng của Người, đặc biệt là xác định nội dung giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động cho toàn Đảng, toàn dân ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là bộ phận trung tâm của chuyên ngành "Hồ Chí Minh học" thuộc ngành *Khoa học chính trị Việt Nam*. Hồ Chí Minh đã xây dựng được hệ thống lý luận toàn diện về cách mạng Việt Nam phù hợp với thực tiễn của đất nước và dòng chảy thời đại. Hệ thống đó bao gồm một số nội dung cơ bản sau:

- Giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người;

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại;

- Sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc;

- Quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân;

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 83.

- Quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân;

- Phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân;

- Đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư;

- Chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau;

- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đày tớ trung thành của nhân dân...

2. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp và ý nghĩa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh

a) Đối tượng, nhiệm vụ

Đối tượng nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm hệ thống quan điểm, lý luận về cách mạng Việt Nam trong dòng chảy của thời đại mới mà cốt lõi là tư tưởng độc lập, tự do; về mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn của hệ thống quan điểm lý luận cách mạng Hồ Chí Minh; về mối liên hệ biện chứng trong sự tác động qua lại của tư tưởng độc lập, tự do với tư tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, về các quan điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở đối tượng, bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh, có nhiệm vụ đi sâu nghiên cứu làm rõ:

- Nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Nội dung, bản chất cách mạng và khoa học, đặc điểm của các quan điểm trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Vai trò nền tảng, kim chỉ nam hành động của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và giá trị tư tưởng của Người trong kho tàng tư tưởng, lý luận cách mạng thế giới của thời đại.

b) Phương pháp

Muốn nghiên cứu, học tập có kết quả, vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, cần nắm vững một số vấn đề cơ bản về phương pháp nghiên cứu sau:

- Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử là cơ sở phương pháp luận khoa học để nghiên cứu, học tập, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh ưu điểm lớn của học thuyết Mác là phép duy vật biện chứng. Phép biện chứng duy vật một phương pháp duy nhất khoa học là linh hồn của toàn bộ học thuyết Mác. Hồ Chí Minh thường nhắc nhở chúng ta phải đứng trên lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để tổng kết kinh nghiệm, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của đất nước mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng đến thắng lợi. Chính nhờ nắm vững phép biện chứng duy vật, Hồ Chí Minh từ rất sớm đã nêu vấn đề cần bổ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà ở thời kỳ đó, Mác không thể có được; phải xem lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông. Với phương

pháp biện chứng, khi nghiên cứu thực tiễn đất nước, lịch sử dân tộc Việt Nam, Người kết luận: "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước"[1]; Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế cộng sản là một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời. "Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ"[2]. Điều này thể hiện sự sáng tạo của Hồ Chí Minh trong việc nắm vững và sử dụng phương pháp biện chứng duy vật của Mác.

Phương pháp tư tưởng Hồ Chí Minh là phương pháp biện chứng duy vật, không giáo điều, rập khuôn, luôn luôn xem xét sự vật trong sự vận động và phát triển.

- Cùng với chủ nghĩa duy vật biện chứng, chúng ta cần vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử vào việc nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong nghiên cứu khoa học, theo V.I. Lênin, chúng ta không được quên mối liên hệ lịch sử căn bản, nghĩa là phải xem xét một hiện tượng nhất định đã xuất hiện trong lịch sử như thế nào, hiện tượng đó đã trải qua những giai đoạn phát triển chủ yếu nào và đứng trên quan điểm của sự phát triển đó để xem xét hiện nay nó đã trở thành như thế nào? Nắm vững quan điểm này giúp chúng ta hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh mang đậm dấu ấn của quá trình phát triển lịch sử, quá trình phát triển sáng tạo, đổi mới.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.1. tr. 466, 467.

toàn diện và sâu sắc về cách mạng Việt Nam, có quan hệ thống nhất biện chứng nội tại của nó. Một yêu cầu về phương pháp luận khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trên bình diện tổng thể hay từng bộ phận là phải luôn luôn quán triệt mối liên hệ qua lại của các yếu tố, các bộ phận khác nhau trong sự gắn kết tất yếu của hệ thống tư tưởng đó quanh hạt nhân cốt lõi là tư tưởng độc lập, tự do. V.I. Lênin cũng đã viết: "Muốn thực sự hiểu được sự vật, cần phải nhìn bao quát và nghiên cứu tất cả các mặt, tất cả mối liên hệ và "quan hệ gián tiếp" của sự vật đó"[1].

- Hồ Chí Minh là một nhà lý luận - thực tiễn. Người xây dựng lý luận, vạch cương lĩnh, đường lối, chủ trương cách mạng và trực tiếp tổ chức, lãnh đạo thực hiện. Và từ thực tiễn Người tổng kết, bổ sung để hoàn chỉnh và phát triển, cho nên tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh luôn luôn sáng tạo, không lạc hậu, giáo điều. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ căn cứ vào các tác phẩm, bài viết mà cần coi trọng hoạt động thực tiễn của Người, thực tiễn cách mạng dưới sự tổ chức và lãnh đạo của Đảng do Người đứng đầu. Hơn nữa, Hồ Chí Minh có một phong cách nói và viết rất ngắn gọn không theo lối viết kiểu hàn lâm. Vì vậy, chỉ căn cứ vào bài viết, bài nói, tác phẩm của Người là chưa đầy đủ. Hành động thực tiễn, chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu và dựng xây của nhân dân Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh cũng chính là lời giải thích rõ ràng giá trị khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh. Chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo. Sự sáng

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1979, t.42, tr. 364.

tạo cách mạng của Hồ Chí Minh trước hết là sự sáng tạo về tư duy lý luận, về chiến lược, về đường lối cách mạng. Điều đó giữ vai trò quyết định hàng đầu dẫn đến thắng lợi cách mạng. Tư tưởng lý luận cách mạng Hồ Chí Minh đã góp phần phát triển phong phú thêm lý luận cách mạng của thời đại, trước hết là về cách mạng thuộc địa. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã tỏa sáng vượt ra ngoài biên giới Việt Nam, đến với những người nô lệ ở các nước phương Đông và người lao động làm thuê ở phương Tây.

c) Ý nghĩa học tập

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho Đảng và nhân dân Việt Nam trên con đường xây dựng đất nước vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Vì vậy, phải nghiêm túc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh để nâng cao tư duy lý luận, rèn luyện bản lĩnh chính trị, nâng cao đạo đức cách mạng, năng lực công tác, thực hiện tốt các nhiệm vụ cách mạng trọng đại của Đảng, của Nhà nước ta trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đối với thế hệ trẻ nói chung, với học sinh, sinh viên trong các trường cao đẳng và đại học nói riêng, cần đặc biệt coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng, đặc biệt là giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm nâng cao lý luận, phương pháp tư duy biện chứng, góp phần đào tạo sinh viên thành những chiến sĩ đi tiên phong trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước Việt Nam đàng hoàng hơn và to đẹp hơn như Di chúc của Người để lại: "ĐOÀN VIÊN VÀ THANH NIÊN ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có

chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên".

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết"[1].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002. t 12, tr. 510.

CHƯƠNG II

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Dân tộc là một vấn đề rộng lớn. C.Mác, Ph.Ăngghen không đi sâu giải quyết vấn đề dân tộc, vì thời đó ở Tây Âu vấn đề dân tộc đã được giải quyết trong cách mạng tư sản; hơn nữa, các ông chưa có điều kiện nghiên cứu sâu về vấn đề dân tộc thuộc địa.

Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, cách mạng giải phóng dân tộc trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, V.I. Lênin có cơ sở thực tiễn để phát triển vấn đề dân tộc thuộc địa thành một hệ thống lý luận. Tuy cả C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin đã nêu lên những quan điểm cơ bản về mối quan hệ biện chứng giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, tạo cơ sở lý luận và phương pháp luận cho việc xác định chiến lược, sách lược của các Đảng Cộng sản về vấn đề dân tộc và thuộc địa, nhưng từ thực tiễn cách mạng vô sản ở châu Âu, các ông vẫn tập trung nhiều hơn vào vấn đề giai cấp. Điều kiện những năm đầu thế kỷ XX trở đi đặt ra yêu cầu cần vận dụng và phát triển

sáng tạo lý luận Mác - Lênin cho phù hợp với thực tiễn ở các nước thuộc địa; chính Hồ Chí Minh là người đã đáp ứng yêu cầu đó.

1. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc

Độc lập, tự do là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa. Hồ Chí Minh nói: "Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn; đấy là tất cả những điều tôi hiểu"[1]. Trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tìm hiểu và tiếp nhận những nhân tố về quyền con người trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của Mỹ, *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* năm 1791 của cách mạng Pháp. Từ đó, Người đã khái quát và nâng lên thành quyền của các dân tộc: "Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do"[2].

Năm 1919, vận dụng nguyên tắc dân tộc tự quyết thiêng liêng đã được các nước Đồng minh thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất thừa nhận, thay mặt những người Việt Nam yêu nước, Người gửi tới Hội nghị Vécxây (Pháp) bản *Yêu sách* gồm tám điểm, đòi các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam. Bản Yêu sách chưa đề cập vấn đề độc lập hay tự trị, mà tập trung vào hai nội dung cơ bản:

Một là, đòi quyền bình đẳng về chế độ pháp lý cho

---

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 44.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 4, tr. 1.

người bản xứ Đông Dương như đối với người châu Âu. Cụ thể là, phải xóa bỏ các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ khủng bố, đàn áp bộ phận trung thực nhất trong nhân dân (tức những người yêu nước); phải xóa bỏ chế độ cai trị bằng sắc lệnh và thay thế bằng chế độ ra các đạo luật.

Hai là, đòi các quyền tự do dân chủ tối thiểu cho nhân dân, đó là các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do lập hội, tự do hội họp, tự do cư trú...

Bản *Yêu sách* đó không được bọn đế quốc chấp nhận. Nguyễn Ái Quốc kết luận: Muốn giải phóng dân tộc, không thể bị động trông chờ vào sự giúp đỡ bên ngoài, mà trước hết phải dựa vào sức mạnh của chính dân tộc mình.

Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Hồ Chí Minh xác định mục tiêu: "Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến", "Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập"[1].

Tháng 5-1941, Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng nêu cao vấn đề giải phóng dân tộc. Tháng 6-1941, Người viết thư *Kính cáo đồng bào*, chỉ rõ: "Trong lúc này *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*"[2]. Người chỉ đạo thành lập *Việt Nam độc lập đồng minh* (Việt Minh), ra báo *Việt Nam độc lập*, ban bố *Mười chính sách của Việt Minh*, trong đó mục tiêu đầu tiên là: "Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền".

Cách mạng Tháng Tám thành công, Người thay mặt Chính phủ lâm thời đọc *Tuyên ngôn độc lập*, long trọng

---

1. *Sđd*, t.3, tr. 1.

2. *Sđd*, t.3, tr. 198.

khẳng định trước toàn thế giới: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"[1].

Trong các thư và điện văn gửi tới Liên hợp quốc và Chính phủ các nước vào thời gian sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh trịnh trọng tuyên bố: "... Nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hòa bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước"[2]. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ thể hiện quyết tâm bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc, Người ra lời kêu gọi vang dội núi sông: "Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"[3]. Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh leo thang ra miền Bắc, Hồ Chí Minh nêu một chân lý có giá trị cho mọi thời đại: "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*"[4]. Không có gì quý hơn độc lập, tự do là mục tiêu chiến đấu, là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng là nguồn động viên lớn đối với các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Vì vậy, Người không chỉ được tôn vinh là "Anh hùng giải phóng dân tộc" của Việt Nam mà còn được thừa nhận là "Người khởi xướng cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa trong thế kỷ XX".

---

1. *Sđd*, t.4, tr. 4.
2. *Sđd*, t.4, tr. 469.
3. *Sđd*, t.4, tr. 480.
4. *Sđd*, t.12, tr. 108.

2. Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn ở các nước đang đấu tranh giành độc lập

Theo Hồ Chí Minh, do kinh tế còn lạc hậu, chưa phát triển, nên sự phân hóa giai cấp ở Đông Dương chưa triệt để, vì thế cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây. Các giai cấp vẫn có sự tương đồng lớn: dù là địa chủ hay nông dân, họ đều chịu chung số phận là người nô lệ mất nước. Từ sự phân tích đó, Người kiến nghị về Cương lĩnh hành động của Quốc tế cộng sản là: "Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế cộng sản... Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi... nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế"[1].

Như vậy, xuất phát từ sự phân tích quan hệ giai cấp trong xã hội thuộc địa, từ truyền thống dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đánh giá cao sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc mà những người cộng sản phải nắm lấy và phát huy. Người cho đó là một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời. Chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế cộng sản mà Hồ Chí Minh đề cập ở đây là chủ nghĩa dân tộc chân chính, chứ không phải là chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi.

3. Kết hợp nhuần nhuyễn dân tộc với giai cấp, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế

Ngay từ khi lựa chọn con đường cách mạng vô sản, ở Hồ Chí Minh đã có sự gắn bó thống nhất giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Năm 1930, trong *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên của

---

1. *Sđd*, t.1, tr. 467.

Đảng, Người xác định phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là: làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

Tư tưởng Hồ Chí Minh vừa phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Xóa bỏ ách áp bức dân tộc mà không xóa bỏ tình trạng bóc lột và áp bức giai cấp thì nhân dân lao động vẫn chưa được giải phóng. Chỉ có xóa bỏ tận gốc tình trạng áp bức, bóc lột, chỉ có thiết lập một nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân mới bảo đảm cho người lao động có quyền làm chủ, mới thực hiện được sự phát triển hài hòa giữa cá nhân và xã hội, giữa độc lập dân tộc với tự do và hạnh phúc của con người. Do đó, sau khi giành độc lập, phải tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho dân giàu, nước mạnh, mọi người đều được sung sướng, tự do. Sự phát triển đất nước theo con đường chủ nghĩa xã hội là một bảo đảm vững chắc cho nền độc lập của dân tộc. Hồ Chí Minh nói: "yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm"[1].

Hồ Chí Minh đưa ra quan điểm: Độc lập cho dân tộc mình, đồng thời độc lập cho tất cả các dân tộc.

---

1. *Sđd*, t.9, tr. 173.

Theo Hồ Chí Minh, độc lập tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của các dân tộc. Là một chiến sĩ quốc tế chân chính, Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh cho độc lập của dân tộc mình mà còn đấu tranh cho độc lập của tất cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

Năm 1914, khi Chiến tranh thế giới thứ nhất vừa nổ ra, Hồ Chí Minh đã đem toàn bộ số tiền dành dụm được từ đồng lương ít ỏi của mình ủng hộ quỹ kháng chiến của người Anh. Theo Người, chúng ta phải tranh đấu cho tự do, độc lập của các dân tộc khác như là tranh đấu cho dân tộc ta vậy.

Nêu cao tinh thần dân tộc tự quyết, nhưng Hồ Chí Minh không quên nghĩa vụ quốc tế trong việc ủng hộ các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. Người nhiệt liệt ủng hộ cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Lào và Campuchia, đề ra khẩu hiệu "giúp bạn là tự giúp mình", và chủ trương phải bằng thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà đóng góp vào thắng lợi chung của cách mạng thế giới.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

1. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

Thất bại của các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX chứng tỏ rằng, những con đường giải phóng dân tộc dưới ngọn cờ tư

tưởng phong kiến hoặc tư tưởng tư sản là không đáp ứng được yêu cầu khách quan là giành độc lập, tự do của dân tộc do lịch sử đặt ra. Hồ Chí Minh rất khâm phục tinh thần cứu nước của ông cha, nhưng Người không tán thành các con đường cứu nước ấy, mà quyết tâm ra đi tìm một con đường cứu nước mới.

Tháng 7-1920, khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin, Người thấy "tin tưởng, sáng tỏ và cảm động". Người khẳng định: "Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta"[1]. Người đã tìm thấy trong lý luận của V.I. Lênin một con đường cứu nước mới: con đường cách mạng vô sản.

Đầu năm 1923, trong *Truyền đơn cổ động mua báo Người cùng khổ (Le Paria)*, Người viết: "Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc..."[2].

Như vậy là, vượt qua sự hạn chế về tư tưởng của các sĩ phu và của các nhà cách mạng có xu hướng tư sản đương thời, Hồ Chí Minh đã đến với học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin và lựa chọn con đường cách mạng vô sản. Từ đó, Người quyết tâm đưa dân tộc Việt Nam đi theo con đường đó.

---

1. *Sđd*, t.10, tr. 127.

2. *Sđd*, t.1, tr. 461.

Con đường cách mạng vô sản, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, bao hàm những nội dung chủ yếu sau:

- Tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc và dần dần từng bước "đi tới xã hội cộng sản".

- Lực lượng lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân mà đội tiền phong của nó là Đảng Cộng sản.

- Lực lượng cách mạng là khối đoàn kết toàn dân, nòng cốt là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và lao động trí óc.

- Sự nghiệp cách mạng của Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, cho nên phải đoàn kết quốc tế.

2. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo

Các nhà yêu nước Việt Nam đã ý thức được tầm quan trọng và vai trò của tổ chức cách mạng. Phan Châu Trinh cho rằng: ngày nay, muốn độc lập, tự do, phải có đoàn thể. Rất tiếc là ông chưa kịp thực hiện ý tưởng của mình. Phan Bội Châu đã tổ chức ra *Duy tân hội* (1904) và *Việt Nam Quang phục hội* (1912), dự định sau sẽ cải tổ thành Việt Nam quốc dân đảng theo kiểu Tôn Trung Sơn, chưa kịp thực hiện thì ông đã bị bắt và giam lỏng tại Huế.

Dù đã thành lập hay chưa thì các tổ chức cách mạng kiểu cũ không thể đưa cách mạng giải phóng dân tộc đi đến thành công, vì nó thiếu một đường lối chính trị đúng đắn và một phương pháp cách mạng khoa học, không có cơ sở rộng rãi trong quần chúng. Những nỗ lực đấu tranh cứu nước nhưng không thành công của *Việt Nam quốc dân đảng*,

tổ chức chính trị tiêu biểu nhất của giai cấp tư sản Việt Nam, đã chứng minh điều đó.

Hồ Chí Minh khẳng định: Muốn giải phóng dân tộc thành công trước hết phải có đảng cách mệnh. Người phân tích: "cách mệnh trước phải làm cho dân giác ngộ, phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu, phải hiểu phong triều thế giới, phải bày sách lược cho dân... Vậy nên sức cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh"[1].

Đầu năm 1930, Người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, một chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, có tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh và liên hệ mật thiết với quần chúng.

3. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc

Theo Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc "là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người". Người phân tích: "dân tộc cách mệnh chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền". Trong lực lượng đó, công nông "là gốc cách mệnh", "là người chủ cách mệnh"; "còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông; 3 hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi"[2].

Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của nhân dân

---

1. Xem: *Sđd*, t.2, tr. 267.

2. *Sđd*, t.2, tr. 262, 266

trong khởi nghĩa vũ trang. Người coi sức mạnh vĩ đại và năng lực sáng tạo vô tận của quần chúng là then chốt bảo đảm thắng lợi. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh,* Người phê phán việc lấy ám sát cá nhân và bạo động non làm phương thức hành động. Người khẳng định: "Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại"[1].

Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Người xác định lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân tộc: Đảng phải tập hợp đại bộ phận giai cấp công nhân, tập hợp đại bộ phận nông dân và phải dựa vào hạng dân cày nghèo, lãnh đạo nông dân làm cách mạng ruộng đất; lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông... đi vào phe vô sản giai cấp; đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, chí ít là làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập hiến) thì phải đánh đổ.

Chủ trương tập hợp lực lượng của Hồ Chí Minh phản ánh tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Người. Trong *Bài ca du kích* (1942), Người chủ trương mọi người già, trẻ, gái, trai, dân, lính đều tham gia đánh giặc. Trong *Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* (ngày 22-12-1944), Người viết: "Cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân, cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân"[2].

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.2, tr. 274.

2. *Sđd*, t.3, tr. 507.

chống đế quốc Mỹ, Hồ Chí Minh lấy nhân dân làm nguồn sức mạnh. Quan điểm "lấy dân làm gốc" xuyên suốt quá trình chỉ đạo chiến tranh của Người. Người đặt niềm tin ở truyền thống yêu nước nồng nàn của nhân dân Việt Nam. Người khẳng định: "Địch chiếm trời, địch chiếm đất, nhưng chúng không làm sao chiếm được lòng nồng nàn yêu nước của nhân dân ta".

Khi phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (tháng 12-1946), Người kêu gọi toàn dân đánh giặc và đánh giặc bằng mọi vũ khí có trong tay: "Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước"[1].

Kêu gọi toàn dân kháng chiến chống đế quốc Mỹ, Hồ Chí Minh khẳng định: Chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước. "Cuộc kháng chiến của ta là toàn dân, thực sự là cuộc chiến tranh nhân dân"[2]. "31 triệu đồng bào ta ở cả hai miền, bất kỳ già trẻ, gái trai, phải là 31 triệu chiến sĩ anh dũng diệt Mỹ, cứu nước, quyết giành thắng lợi cuối cùng"[3]. Ngày 9-4-1965, trả lời phóng viên báo *Acahata* (Nhật Bản) Hồ Chí Minh khẳng định, trong thời đại chúng ta, một dân

1. *Sđd*, t.4, tr. 480.

2. *Sđd*, t.12, tr. 24.

3. *Sđd*, t.12, tr. 323.

tộc đoàn kết chặt chẽ, đấu tranh kiên quyết, hoàn toàn có thể đánh bại bọn đế quốc xâm lược hung hãn, gian ác và có nhiều vũ khí.

Xuất phát từ tương quan lực lượng lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, Hồ Chí Minh không chủ trương tiến hành kiểu chiến tranh thông thường, chỉ dựa vào lực lượng quân đội và tiến hành một số trận quyết tử với kẻ thù, mà chủ trương phát động chiến tranh nhân dân.

Kháng chiến toàn dân gắn với kháng chiến toàn diện. Lực lượng toàn dân là điều kiện để đấu tranh toàn diện với kẻ thù đế quốc, giải phóng dân tộc. Hồ Chí Minh nói: "Không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó, không thể nào thắng lợi được"[1].

Trong chiến tranh, "quân sự là việc chủ chốt", nhưng đồng thời phải kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị. Theo Người, thắng lợi quân sự đem lại thắng lợi chính trị, thắng lợi chính trị sẽ làm cho thắng lợi quân sự to lớn hơn.

Đấu tranh ngoại giao cũng là một mặt trận có ý nghĩa chiến lược, có tác dụng thêm bạn bớt thù, phân hóa và cô lập kẻ thù, phát huy yếu tố chính nghĩa của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ quốc tế. Hồ Chí Minh chủ trương: "vừa đánh vừa đàm", "đánh là chủ yếu, đàm là hỗ trợ"[2].

Đấu tranh kinh tế là ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát triển kinh tế của ta, phá hoại kinh tế

---

1. *Sđd*, t.4, tr. 298.

2. Võ Nguyên Giáp (chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 245.

của địch. Người kêu gọi "hậu phương thi đua với tiền phương", coi "ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ", "tay cày tay súng, tay búa tay súng, ra sức phát triển sản xuất để phục vụ kháng chiến".

"Chiến tranh về mặt văn hóa hay tư tưởng so với những mặt khác cũng không kém quan trọng"[1].

Mục đích cách mạng và chiến tranh chính nghĩa - vì độc lập tự do, làm cho khả năng tiến hành chiến tranh nhân dân trở thành hiện thực, làm cho toàn dân tự giác tham gia kháng chiến. Tư tưởng chiến tranh nhân dân của Hồ Chí Minh là ngọn cờ cổ vũ, dẫn dắt cả dân tộc ta đứng lên kháng chiến và kháng chiến thắng lợi, đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ trong 30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam, làm nên thắng lợi vĩ đại có tính thời đại sâu sắc.

4. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

Trong phong trào cộng sản quốc tế đã từng tồn tại quan điểm xem thắng lợi của cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc. *Đề cương về phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa* được thông qua tại Đại hội VI Quốc tế cộng sản (ngày 1-9-1928) cho rằng: Chỉ có thể thực hiện hoàn

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 4, tr. 319.

toàn công cuộc giải phóng các thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến. Quan điểm này, vô hình chung đã làm giảm tính chủ động, sáng tạo của các phong trào cách mạng ở thuộc địa.

Theo Hồ Chí Minh, giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc. Đó là mối quan hệ bình đẳng chứ không phải là quan hệ lệ thuộc, hoặc quan hệ chính - phụ. Năm 1925, Hồ Chí Minh viết: "Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản; con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra"[1].

Nhân dân các dân tộc thuộc địa có khả năng cách mạng to lớn. Theo Hồ Chí Minh, khối liên minh các dân tộc thuộc địa là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản. Phát biểu tại Đại hội V Quốc tế cộng sản (tháng 6-1924), Người khẳng định vai trò, vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa: "Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa... nọc độc và sức sống của con rắn độc

---

1. *Sđd*. t.1. tr. 298.

tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc"[1], nếu xem thường cách mạng ở thuộc địa tức là "muốn đánh chết rắn đằng đuôi"[2]. Vận dụng công thức của C.Mác: sự giải phóng của giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân, Người đưa ra luận điểm: "Công cuộc giải phóng anh em, (tức nhân dân thuộc địa - TG) chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em"[3].

Do nhận thức được vai trò, vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa, đánh giá đúng sức mạnh dân tộc, năm 1921, Nguyễn Ái Quốc cho rằng cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Người viết: "Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn"[4].

Trong tác phẩm *Đường kách mệnh*, Hồ Chí Minh có sự phân biệt về nhiệm vụ của cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc và cho rằng: hai thứ cách mạng đó tuy có khác nhau, nhưng có quan hệ chặt chẽ với nhau. Người nêu ví dụ: "An Nam dân tộc cách mệnh thành công

1, 2. *Sđd*, t.1, tr. 273, 274.

3. *Sđd*, t.2, tr. 128.

4. *Sđd*, t.1, tr. 36.

thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ. Và nếu công nông Pháp làm cách mệnh thành công, thì dân tộc An Nam sẽ được tự do"[1].

Đây là một luận điểm sáng tạo, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn; một cống hiến rất quan trọng của Hồ Chí Minh vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã được thắng lợi của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên toàn thế giới trong gần một thế kỷ qua chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

5. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực

a) Bạo lực cách mạng trong cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam

Các thế lực đế quốc sử dụng bạo lực để xâm lược và thống trị thuộc địa, đàn áp dã man các phong trào yêu nước. Chế độ thực dân, tự bản thân nó đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu. Chưa đè bẹp ý chí xâm lược của chúng thì chưa thể có thắng lợi hoàn toàn. Vì thế con đường để giành và giữ độc lập dân tộc chỉ có thể là con đường cách mạng bạo lực. Đánh giá đúng bản chất cực kỳ phản động của bọn đế quốc và tay sai, Hồ Chí Minh cho rằng: "Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và của dân tộc, *cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền*"[2].

---

1. *Sđd*, t.2, tr. 266.

2. *Sđd*, t.12, tr.304.

Quán triệt quan điểm sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Hồ Chí Minh cho rằng bạo lực cách mạng cũng là bạo lực của quần chúng. *Hình thức của bạo lực cách mạng bao gồm cả đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang*, nhưng phải "tùy tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức đấu tranh cách mạng thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị để giành thắng lợi cho cách mạng"[1].

Trong chiến tranh cách mạng, lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang giữ vị trí quyết định trong việc tiêu diệt lực lượng quân sự địch, làm thất bại những âm mưu quân sự và chính trị của chúng. Nhưng đấu tranh vũ trang không tách biệt với đấu tranh chính trị. Theo Hồ Chí Minh, các đoàn thể cách mạng càng phát triển, quần chúng đấu tranh chính trị càng mạnh thì càng có cơ sở vững chắc để tổ chức lực lượng vũ trang và tiến hành đấu tranh vũ trang.

Xuất phát từ tình yêu thương con người, quý trọng sinh mạng con người, Hồ Chí Minh luôn tranh thủ khả năng giành và giữ chính quyền ít đổ máu. Người tìm mọi cách ngăn chặn xung đột vũ trang, tận dụng mọi khả năng giải quyết xung đột bằng biện pháp hòa bình, chủ động đàm phán, thương lượng, chấp nhận những nhượng bộ có nguyên tắc.

Việc tiến hành các hội nghị Việt - Pháp và ký các hiệp định trong năm 1946 là thể hiện tư tưởng nhân đạo và hòa

---

1. *Sđd*, t.12, tr. 304.

bình của Hồ Chí Minh. Theo Người, tinh thần thiện chí của Việt Nam khi ký hiệp ước còn giá trị hơn mọi văn bản và lời nói, vì chúng ta bảo đảm những lợi ích tinh thần, văn hóa và vật chất của Pháp, và ngược lại, Pháp phải bảo đảm nền độc lập của chúng ta. Một chữ "Độc lập " là đủ để đưa lại một sự tín nhiệm đang cần được khẳng định. "Tôi không muốn trở về Hà Nội tay không. Tôi muốn khi trở về nước sẽ đem về cho nhân dân Việt Nam những kết quả cụ thể với sự cộng tác chắc chắn mà chúng tôi mong đợi ở nước Pháp"[1].

Sau khi miền Bắc nước ta được giải phóng, Người kiên trì yêu cầu đối phương thi hành Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương, thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Việc tiến hành chiến tranh chỉ là giải pháp bắt buộc cuối cùng. Chỉ khi không còn khả năng thương lượng, hòa hoãn, khi kẻ thù ngoan cố bám giữ lập trường thực dân, chỉ muốn giành thắng lợi bằng quân sự, thì Hồ Chí Minh mới kiên quyết phát động chiến tranh.

Trong khi tiến hành chiến tranh, Người vẫn tìm mọi cách vãn hồi hòa bình. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Người nhiều lần gửi thư cho Chính phủ và nhân dân Pháp, cho tướng lĩnh, binh sĩ trong quân đội Pháp và những kiều dân Pháp ở Việt Nam, cho các chính phủ, các nhà hoạt động chính trị, văn hóa và nhân dân các nước,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr. 279.

vừa tố cáo cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, vừa kêu gọi đàm phán hòa bình.

Người viết: "Chúng tôi muốn hòa bình ngay để máu người Pháp và Việt ngừng chảy. Những dòng máu đó chúng tôi đều quý như nhau.

Chúng tôi mong đợi ở Chính phủ và nhân dân Pháp một cử chỉ mang lại hòa bình. Nếu không, chúng tôi bắt buộc phải chiến đấu đến cùng để giải phóng hoàn toàn đất nước"[1].

Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, Người gửi nhiều thông điệp cho các nhà cầm quyền Mỹ, đề nghị đàm phán hòa bình để kết thúc chiến tranh. Khi quân Mỹ tăng cường chiến tranh, một mặt Người kêu gọi quân dân ta "quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", đồng thời chủ trương vừa đánh vừa đàm để kết thúc chiến tranh.

Tư tưởng bạo lực cách mạng và tư tưởng nhân đạo hòa bình thống nhất biện chứng với nhau trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Người chủ trương, yêu nước, thương dân, yêu thương con người, yêu chuộng hòa bình, tự do, công lý, tranh thủ mọi khả năng hòa bình để giải quyết xung đột, nhưng một khi không thể tránh khỏi chiến tranh thì phải kiên quyết tiến hành chiến tranh, kiên quyết dùng bạo lực cách mạng, dùng khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng để giành, giữ và bảo vệ hòa bình, vì độc lập tự do.

---

1. *Sđd*, t. 5, tr. 19.

b) Phương châm chiến lược đánh lâu dài trong cách mạng giải phóng dân tộc

Trước những kẻ thù lớn mạnh, Hồ Chí Minh chủ trương sử dụng phương châm chiến lược đánh lâu dài. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Người nói: "Địch muốn tốc chiến, tốc thắng. Ta lấy *trường kỳ kháng chiến* trị nó, thì địch nhất định thua, ta nhất định thắng"[1], "Trường kỳ kháng chiến... nhất định thắng lợi"[2]. Kháng chiến phải trường kỳ vì đất ta hẹp, dân ta ít, nước ta nghèo, ta phải chuẩn bị lâu dài và phải có sự chuẩn bị toàn diện của toàn dân. Theo Người, họa thực dân cũng như một chứng bệnh trầm trọng. Muốn chữa bệnh ấy, ta phải thật gan dạ để chịu đau đớn khi mổ xẻ, phải có đủ thời giờ để bồi dưỡng lại sức, kết quả nhất định tẩy trừ được bệnh ấy. Công cuộc kháng chiến cũng như vậy. Người phân tích: "Với binh nhiều, tướng đủ, khí giới tối tân, chúng định *đánh mau thắng mau*.

Với quân đội mới tổ chức, với vũ khí thô sơ, ta quyết *kế trường kỳ kháng chiến... thắng lợi với trường kỳ phải đi đôi với nhau*"[3].

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Người khẳng định: Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm, hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!.

---

1. *Sđd*, t.4, tr. 485.

2, 3. *Sđd*, t.6, tr. 82, 81-82.

Tự lực cánh sinh cũng là một phương châm chiến lược rất quan trọng, nhằm phát huy cao độ nguồn sức mạnh chủ quan, tránh tư tưởng bị động trông chờ vào sự giúp đỡ bên ngoài. Trong tác phẩm *Đường kách mệnh,* Người chỉ rõ: muốn người ta giúp cho thì trước hết mình phải tự giúp lấy mình đã. Tháng Tám (1945) khi thời cơ tổng khởi nghĩa xuất hiện, Hồ Chí Minh kêu gọi Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy, đem sức ta mà tự giải phóng cho ta.

Tại Hội nghị cung cấp toàn quân lần thứ nhất (tháng 6-1952), Người nói, muốn thắng lợi phải trường kỳ gian khổ, muốn trường kỳ phải tự lực cánh sinh.

Mặc dù rất coi trọng sự giúp đỡ quốc tế nhưng Hồ Chí Minh luôn đề cao sức mạnh bên trong, phát huy đến mức cao nhất mọi nỗ lực của dân tộc, đề cao tinh thần độc lập tự chủ. Người nói: "Kháng chiến trường kỳ gian khổ *đồng thời lại phải tự lực cánh sinh*. Trông vào sức mình... Cố nhiên sự giúp đỡ của các nước bạn là quan trọng, nhưng không được ỷ lại, không được ngồi mong chờ người khác"[1].

Độc lập tự chủ, tự lực tự cường kết hợp với tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế là một quan điểm nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Người đã động viên sức mạnh của toàn dân tộc, đồng thời ra sức vận động, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế to lớn và có hiệu quả, cả về vật chất và tinh thần, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để kháng chiến thắng lợi.

---

1. *Sđd*, t.6, tr. 522.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY

1. Khơi dậy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, nguồn động lực mạnh mẽ để xây dựng và bảo vệ đất nước

Trong sự nghiệp đổi mới, càng phải xác định rõ các nguồn lực và phải phát huy tối đa các nguồn nội lực (bao gồm con người, trí tuệ, truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng, đất đai, tài nguyên, vốn liếng...), trong đó yếu tố quan trọng nhất, quyết định nhất vẫn là nguồn lực con người với tất cả sức mạnh thể chất và tinh thần của nó.

Con người Việt Nam vốn có nhiều truyền thống tốt đẹp. Trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, truyền thống quý báu ấy cần được tiếp tục khơi dậy mạnh mẽ, biến nó thành một nguồn nội lực vô tận để đưa đất nước vượt qua mọi nguy cơ, thử thách, vững bước tiến lên.

2. Nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc trên quan điểm giai cấp

Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong mối quan hệ thống nhất biện chứng. Trong khi rất coi trọng vấn đề dân tộc, đề cao sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, thì Người cũng luôn luôn đứng vững trên quan điểm giai cấp để nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc.

Mục tiêu của cách mạng do Hồ Chí Minh và Đảng ta

nêu lên thể hiện kết hợp vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp. Nó chứng tỏ ở Việt Nam chỉ có Đảng Cộng sản và giai cấp công nhân mới là lực lượng đại biểu trung thành cho lợi ích của dân tộc, mới xây dựng được mặt trận đại đoàn kết dân tộc để thực hiện được mục tiêu trên.

Vì vậy, đi đôi với tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, cần làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh về sự kết hợp dân tộc và giai cấp, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được quán triệt sâu sắc trong toàn Đảng, toàn dân, lấy đó làm định hướng cho việc nhận thức và giải quyết các vấn đề của dân tộc và của thời đại hiện nay.

CHƯƠNG III

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ BẢN CHẤT VÀ MỤC TIÊU CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Con đường hình thành tư duy Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Hồ Chí Minh tiếp thu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội, đã vận dụng và phát triển một cách sáng tạo, đưa ra nhiều kiến giải mới nhằm bổ sung vào lý luận Mác - Lênin, phù hợp với thực tế Việt Nam.

Trước hết, Hồ Chí Minh luận giải sự ra đời và bản chất của chủ nghĩa xã hội từ phương diện kinh tế, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Người cho rằng, sự hình thành, phát triển và chín muồi của chủ nghĩa xã hội là một tất yếu mà nguyên nhân sâu xa chính là do sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội. Trên cơ sở một nền tảng kinh tế mới, chủ nghĩa xã hội sẽ xác lập một hệ thống,

các giá trị đặc thù mang tính nhân bản thấm sâu vào mỗi quan hệ và lĩnh vực xã hội. Sự thống nhất giữa tính khoa học và tính giá trị thể hiện rất rõ trong nhận thức của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội.

Nét sáng tạo của Hồ Chí Minh trước hết là ở chỗ, Người đến với chủ nghĩa xã hội, luận giải nó *từ khát vọng giải phóng dân tộc* và nhu cầu giải phóng con người một cách triệt để.

Hồ Chí Minh còn tiếp cận chủ nghĩa xã hội *từ văn hóa*, đã đưa văn hóa thâm nhập vào bên trong của chính trị và kinh tế, tạo nên một sự thống nhất biện chứng giữa văn hóa và chính trị, kinh tế, giữa các mục tiêu phát triển xã hội. Điều này cho thấy, ở Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội chính là một hình thái phát triển của văn hóa, một đỉnh cao của nền văn minh nhân loại. Do đó, quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội lại càng phải gắn với văn hóa, và chỉ có đứng trên đỉnh cao của văn hóa, chủ nghĩa xã hội mới có thể phát triển theo đúng quy luật xã hội khách quan, phù hợp với tiến trình phát triển chung của nhân loại.

Tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ phương diện đạo đức, Hồ Chí Minh cho rằng: chủ nghĩa xã hội đối lập, xa lạ với chủ nghĩa cá nhân, nhưng không hề phủ nhận cá nhân, trái lại, đề cao, tôn trọng con người cá nhân, các giá trị cá nhân, phát triển mọi năng lực cá nhân vì phát triển xã hội và hạnh phúc con người. Chủ nghĩa xã hội tạo mọi điều kiện cho sự phát triển hài hòa giữa cá nhân và xã hội. Xã hội tôn trọng mọi cá nhân, đồng thời cá nhân biết đề cao lợi ích xã hội, có thể hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích xã hội.

Hồ Chí Minh luận giải tính tất yếu và bản chất của chủ nghĩa xã hội trên cơ sở kế thừa và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam, của phương Đông. Từ việc phân tích một cách khoa học truyền thống tư tưởng - văn hóa, điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, các nước phương Đông, sự tàn bạo của chế độ thuộc địa tại các nước đó, Hồ Chí Minh đi đến một nhận thức mới lạ: Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản không những thích ứng được ở châu Á, phương Đông mà còn thích ứng dễ hơn ở châu Âu.

Hồ Chí Minh đã nhận thức tính tất yếu và bản chất của chủ nghĩa xã hội như là kết quả tác động tổng hợp của các nhân tố: truyền thống và hiện tại; dân tộc và quốc tế; kinh tế, chính trị, đạo đức, văn hóa. Người không tuyệt đối hóa một mặt nào và đánh giá đúng vị trí của chúng. Như vậy, Hồ Chí Minh đã làm phong phú cách tiếp cận về chủ nghĩa xã hội, có những cống hiến xuất sắc vào việc phát triển lý luận Mác - Lênin.

2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội

C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, ngay trong điều kiện của xã hội xã hội chủ nghĩa, nhờ công cuộc cải tạo mang tính cách mạng mà xã hội đã đạt được một trạng thái phát triển mới về chất: làm cho tất cả mọi tư liệu sản xuất trở thành tài sản chung của toàn xã hội, qua đó tạo điều kiện để phát triển kinh tế theo một kế hoạch thống nhất, bảo đảm tính chất xã hội của lao động; theo nguyên tắc "làm theo năng lực, hưởng theo lao động"...

V.I. Lênin đã phát triển học thuyết của C.Mác và

Ph.Ăngghen, Người cho rằng, trong xã hội xã hội chủ nghĩa, một mặt, có chế độ sở hữu nhà nước về tư liệu sản xuất quan trọng, mặt khác, có các xí nghiệp hợp tác (nghĩa là xí nghiệp không phải của toàn dân), xã viên hợp tác xã. Như vậy họ cũng như công nhân đều là những người đại biểu cho phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa. Theo V.I. Lênin, việc tiến lên chủ nghĩa xã hội không loại trừ nền sản xuất hàng hóa do giai cấp công nhân tổ chức. V.I. Lênin đề ra việc sử dụng các quan hệ hàng hóa - tiền tệ và những phạm trù liên quan tới chúng như hàng hóa, giá cả, lợi nhuận, hạch toán kinh tế. Đồng thời, việc phân phối phải được xây dựng nhờ các quan hệ hàng hóa - tiền tệ, thương nghiệp, chứ không phải xây dựng trên việc cung cấp trực tiếp từ nguồn dự trữ của xã hội, trên việc trao đổi sản phẩm trực tiếp.

Từ những điểm đã trình bày ở trên, có thể rút ra một số kết luận: *Một là*, thực tiễn sinh động là cơ sở xây dựng quan điểm về các đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội. *Hai là*, các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội được các nhà kinh điển đưa ra có ý nghĩa trong cuộc đấu tranh chống lại tư tưởng, học thuyết phi mácxít nhằm giành thắng lợi quyết định cho học thuyết cách mạng. Vì thế, những đặc trưng ấy sẽ dần dần được nhận thức thêm, phù hợp với biện chứng khách quan của hiện thực.

Phần lớn thời gian của cuộc đời mình, Hồ Chí Minh cùng với Đảng dồn tâm trí lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta. Tuy vậy, những quan điểm của Người về chủ nghĩa xã hội vẫn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Hầu hết các cách tiếp cận, định nghĩa của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội được diễn đạt, trình bày một cách dung dị, mộc mạc, dễ hiểu và mang tính phổ thông, đại chúng. Xét dưới góc độ khái quát nguyên lý thì Hồ Chí Minh về cơ bản không khác với các nhà kinh điển Mác - Lênin. Điểm đặc sắc ở Hồ Chí Minh là phát triển các nguyên lý lý luận phức tạp, khoa học bằng ngôn ngữ của cuộc sống hàng ngày. Một số định nghĩa cơ bản mà Hồ Chí Minh đã đề cập về chủ nghĩa xã hội:

- *Định nghĩa tổng quát, xem xét chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản như là một chế độ xã hội hoàn chỉnh*, bao gồm nhiều mặt khác nhau của đời sống, là con đường giải phóng nhân loại cần lao, áp bức. Hồ Chí Minh viết: "Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau"[1]. Hoặc ở dưới dạng tổng hợp hơn, Người cho rằng: "Muốn cho chủ nghĩa cộng sản thực hiện được, cần phải có kỹ nghệ, nông nghiệp và tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình"[2]. Cách định nghĩa chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng

---

1. *Sđd*, t.1, tr. 461.

2. *Sđd*, t. 4, tr. 272.

sản như trên thường được Người sử dụng thời kỳ trước năm 1954, khi chủ nghĩa xã hội là xu thế tất yếu mà quá trình cách mạng Việt Nam cần đạt tới.

- *Định nghĩa chủ nghĩa xã hội bằng cách chỉ ra một mặt nào đó của nó* (kinh tế, chính trị, văn hóa...). Hồ Chí Minh viết: "... chủ nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng, v.v. làm của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau yếu và trẻ con..."[1]. Khi đề cập về kinh tế, Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh hai yếu tố: chế độ sở hữu (công cộng hoặc xã hội) và quan hệ phân phối: làm theo năng lực, hưởng theo lao động. Còn trong lĩnh vực chính trị, Người nhấn mạnh mặt bản chất nhất của chủ nghĩa xã hội, đó là nhà nước dân chủ kiểu mới, nhà nước của dân, do dân và vì dân. Người viết: "Nhà nước xã hội chủ nghĩa và dân chủ nhân dân chỉ lo làm lợi cho nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, ngày càng được tiến bộ về vật chất và tinh thần, làm cho trong xã hội không có người bóc lột người"[2]. Khi tìm hiểu cách định nghĩa này của Người, chúng ta phải đặt trong tổng thể quan niệm chung về chủ nghĩa xã hội, nếu tuyệt đối hóa một mặt nào đó mà Người đưa ra, dễ dẫn đến sai lầm trong chỉ đạo thực tiễn.

- *Định nghĩa bằng cách xác định mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, chỉ rõ phương hướng, phương tiện để đạt được mục tiêu đó*. Đây là cách định nghĩa phổ biến mà

---

1. *Sđd,* t. 8, tr. 226.

2. *Sđd,* t. 8, tr. 276.

Hồ Chí Minh hay dùng nhất. Trong hơn 20 định nghĩa về chủ nghĩa xã hội thống kê được thì hơn 2/3 định nghĩa thuộc loại này. Chẳng hạn, Hồ Chí Minh hỏi: "chủ nghĩa xã hội là gì" và Người tự trả lời: "là mọi người được ăn no mặc ấm, sung sướng tự do", "là đoàn kết, vui khỏe"...

- *Định nghĩa chủ nghĩa xã hội bằng cách xác định động lực xây dựng nó*: "*Chủ nghĩa xã hội là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân* và do nhân dân tự xây dựng lấy"[1]. Nhấn mạnh động lực tinh thần và ý thức xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh coi: chủ nghĩa xã hội không phải là cái gì cao xa, mà đó là những gì rất cụ thể như ý thức lao động tập thể, ý thức kỷ luật, tinh thần thi đua yêu nước, tăng sản xuất cho hợp tác xã, tăng thu nhập cho xã hội, tinh thần đoàn kết tương trợ, tinh thần dám nghĩ , dám nói, dám làm, không sợ khó, ý thức cần kiệm. Tinh thần cơ bản của một luận đề mácxít về chủ nghĩa xã hội được Hồ Chí Minh nhắc lại với một quy mô lớn hơn: chủ nghĩa xã hội là của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân lao động.

Những định nghĩa dung dị, dễ hiểu của Hồ Chí Minh đã phản ánh đầy đủ những đặc trưng cốt lõi của chủ nghĩa xã hội. Khái quát những đặc trưng này, chúng ta thấy nội dung của nó bao hàm hết thảy mọi mặt đời sống xã hội, làm hiện diện ra một chế độ xã hội ưu việt. Đó là:

- Chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội có lực lượng sản xuất phát triển cao, gắn liền với sự phát triển tiến bộ của khoa học - kỹ thuật và văn hóa, dân giàu, nước mạnh.

---

1. *Sđd*, t. 10, tr. 556.

- Thực hiện chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất và thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động.

- Chủ nghĩa xã hội có chế độ chính trị dân chủ, nhân dân lao động là chủ và nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước là của dân, do dân và vì dân, dựa trên khối đại đoàn kết toàn dân mà nòng cốt là liên minh công - nông - lao động trí óc, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

- Chủ nghĩa xã hội có hệ thống quan hệ xã hội lành mạnh, công bằng, bình đẳng, không còn áp bức, bóc lột, bất công, không còn sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc, giữa thành thị và nông thôn, con người được giải phóng, có điều kiện phát triển toàn diện, có sự hài hòa trong phát triển của xã hội và tự nhiên.

- Chủ nghĩa xã hội là của quần chúng nhân dân và do quần chúng nhân dân tự xây dựng lấy.

Các đặc trưng bản chất nêu trên là hình thức thể hiện một hệ thống giá trị vừa kế thừa các di sản của quá khứ, vừa được sáng tạo mới trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là hiện thân đỉnh cao của tiến trình tiến hóa lịch sử nhân loại. Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa xã hội là sự tổng hợp, quyện chặt ngay trong cấu trúc nội tại của nó, một hệ thống giá trị làm nền tảng điều chỉnh các quan hệ xã hội, đó là độc lập, tự do, bình đẳng, công bằng, dân chủ, bảo đảm quyền con người, bác ái, đoàn kết, hữu nghị... Trong đó có những giá trị tạo tiền đề, có giá trị hạt nhân. Tất cả những giá trị cơ bản này là mục tiêu chủ yếu của chủ nghĩa xã hội. Một khi tất cả các giá trị đó đã đạt được thì loài người sẽ vươn tới lý tưởng

cao nhất chủ nghĩa xã hội, đó là "liên hợp tự do của những người lao động" mà C.Mác, Ph.Ăngghen đã dự báo. Ở đó, cá tính của con người được phát triển đầy đủ, năng lực con người được phát huy cao nhất, giá trị con người được thực hiện toàn diện. Nhưng theo Hồ Chí Minh, đó là một quá trình phấn đấu khó khăn, gian khổ, lâu dài, dần dần và không thể nôn nóng.

3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội

a) Những mục tiêu cơ bản

Hồ Chí Minh ý thức được rõ ràng giá trị của chủ nghĩa xã hội về mặt lý luận là quan trọng, nhưng vấn đề quan trọng hơn là tìm ra con đường để thực hiện những giá trị này. Điểm then chốt, có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng trong quan niệm của Hồ Chí Minh là Người đã đề ra các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong mỗi giai đoạn cách mạng khác nhau. Chính thông qua quá trình đề ra các mục tiêu đó, chủ nghĩa xã hội được biểu hiện với việc thỏa mãn các nhu cầu, lợi ích thiết yếu của người lao động, theo các nấc thang từ thấp đến cao, tạo ra tính hấp dẫn, năng động của chế độ xã hội mới.

Ở Hồ Chí Minh, mục tiêu chung của chủ nghĩa xã hội và mục tiêu phấn đấu của Người là một, đó là độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân. Người nói: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được

học hành"[1]. Đó cũng chính là mục tiêu tổng quát theo cách diễn đạt của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội.

Từ cách đặt vấn đề này, theo Hồ Chí Minh, hiểu mục đích của chủ nghĩa xã hội, nghĩa là nắm bắt nội dung cốt lõi con đường lựa chọn và bản chất thực tế chế độ xã hội mà chúng ta phấn đấu xây dựng. Tiếp cận chủ nghĩa xã hội về phương diện mục đích là một nét đặc sắc, thể hiện phong cách và năng lực tư duy lý luận khái quát của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh có nhiều cách đề cập mục đích của chủ nghĩa xã hội. Có khi Người trả lời một cách trực tiếp: "Mục đích của chủ nghĩa xã hội là gì? Nói một cách đơn giản và dễ hiểu là: *không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân,* trước hết là nhân dân lao động"[2]. Hoặc "Mục đích của chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân"[3]. Có khi Người diễn giải mục đích tổng quát này thành các tiêu chí cụ thể: "chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ... Tóm lại, xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội"[4]. Có khi Người nói một cách gián tiếp, không nhắc đến chủ nghĩa xã hội, nhưng xét về bản chất, đó cũng chính là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội theo quan niệm của Người. Kết thúc *Di chúc*, Hồ Chí Minh viết: "Điều mong muốn cuối cùng của tôi là:

---

1. *Sđd,* t.4, tr. 161.

2, 3, 4. *Sđd,* t. 10, tr. 271, 159, 591.

Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"[1].

Hồ Chí Minh quan niệm mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là nâng cao đời sống nhân dân. Đó là sự tin tưởng cao độ vào lý tưởng vì dân, vừa là một sự mạnh dạn trong lý luận. Theo Người, muốn nâng cao đời sống nhân dân thì phải tiến lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội là nâng cao đời sống nhân dân có ý nghĩa sâu sắc đối với chúng ta. Cách tư duy lấy chủ nghĩa xã hội làm điểm xuất phát tuyệt đối, làm cơ sở cho mọi hoạt động thực tiễn cần phải được bổ sung bằng sự tác động trở lại và chủ nghĩa xã hội cũng phải được làm rõ bởi hàng loạt quan hệ khác. Mục đích nâng cao đời sống toàn dân đó là tiêu chí tổng quát để khẳng định và kiểm nghiệm tính chất xã hội chủ nghĩa của các lý luận chủ nghĩa xã hội và chính sách thực tiễn. Trượt ra khỏi quỹ đạo đó thì hoặc là chủ nghĩa xã hội giả hiệu hoặc không có gì tương hợp với chủ nghĩa xã hội.

Chỉ rõ và nêu bật mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã khẳng định tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội so với các chế độ xã hội đã tồn tại trong lịch sử, chỉ ra nhiệm vụ giải phóng con người một cách toàn diện, theo các cấp độ: từ giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xã hội đến giải phóng từng cá nhân con người, hình thành các nhân cách phát triển tự do.

Quá trình đi tới mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa xã

---

1. *Sđd,* t.12, tr. 512.

hội là một quá trình lâu dài, trải qua một thời kỳ quá độ, nhiều bước trung gian, quá độ nhỏ. Đối với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh cho rằng: "Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Chúng ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm. Chúng ta phải thay đổi quan hệ sản xuất cũ, xóa bỏ giai cấp bóc lột, xây dựng quan hệ sản xuất mới không có bóc lột áp bức. Muốn thế, chúng ta phải dần dần biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp. Chúng ta phải dần dần tập thể hóa nông nghiệp. Chúng ta phải tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư nhân, đối với thủ công nghiệp. Chúng ta phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc"[1]. Như vậy, Hồ Chí Minh đã xác định các mục tiêu cụ thể của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- *Mục tiêu chính trị:* Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chế độ chính trị phải là do nhân dân lao động làm chủ, nhà nước là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước có hai chức năng: dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ thù của nhân dân. Hai chức năng đó không tách rời nhau, mà luôn luôn đi đôi với nhau. Một mặt, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phải phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của nhân dân; mặt khác, lại yêu cầu phải chuyên chính với thiểu số phản

1. *Sđd,* t. 8, tr. 493-494.

động chống lại lợi ích của nhân dân, chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa.

Để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, Hồ Chí Minh chỉ rõ con đường và biện pháp thực hiện các hình thức dân chủ trực tiếp, nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng; củng cố các hình thức dân chủ gián tiếp, tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, xử lý và phân định rõ chức năng của chúng.

- *Mục tiêu kinh tế:* Theo Hồ Chí Minh, chế độ chính trị của chủ nghĩa xã hội chỉ được bảo đảm và đứng vững trên cơ sở một nền kinh tế vững mạnh. Nền kinh tế mà chúng ta xây dựng là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công - nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến, cách bóc lột theo chủ nghĩa tư bản được xóa bỏ dần, đời sống vật chất của nhân dân ngày càng được cải thiện.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta cần phát triển toàn diện các ngành mà những ngành chủ yếu là công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, trong đó "công nghiệp và nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế nước nhà".

Kết hợp các loại lợi ích kinh tế là vấn đề rất được Hồ Chí Minh quan tâm. Người đặc biệt nhấn mạnh chế độ khoán là một trong những hình thức của sự kết hợp lợi ích kinh tế.

- *Mục tiêu văn hóa - xã hội:* Theo Hồ Chí Minh, văn hóa là một mục tiêu cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Văn hóa thể hiện trong mọi sinh hoạt tinh thần của xã hội, đó là xóa nạn mù chữ, xây dựng, phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, xây dựng phát triển văn hóa nghệ thuật,

thực hiện nếp sống mới, thực hành vệ sinh phòng bệnh, giải trí lành mạnh, bài trừ mê tín dị đoan, khắc phục phong tục tập quán lạc hậu...

Về bản chất của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Người khẳng định: "phải xã hội chủ nghĩa về nội dung"; để có một nền văn hóa như thế ta phải phát huy vốn văn hóa truyền thống quý báu của dân tộc, đồng thời học tập và tiếp thu có chọn lọc văn hóa tiên tiến của thế giới. Phương châm xây dựng nền văn hóa mới là: dân tộc, khoa học, đại chúng. Hồ Chí Minh nhắc nhở phải làm cho phong trào văn hóa có bề rộng, đồng thời phải có bề sâu. Trong khi đáp ứng mặt giải trí thì không được xem nhẹ việc nâng cao tri thức của quần chúng, đồng thời Người luôn luôn nhắc nhở phải làm cho văn hóa gắn liền với lao động sản xuất...

Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa là đào tạo con người. Bởi lẽ, mục tiêu cao nhất, động lực quyết định nhất công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội chính là con người. Trong lý luận xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh quan tâm trước hết đến mặt tư tưởng. Người cho rằng: Muốn có con người xã hội chủ nghĩa, phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở mỗi con người là kết quả của việc học tập, vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh đến trau dồi, rèn luyện đạo đức cách mạng; đồng thời Người cũng rất quan tâm đến mặt tài năng, luôn tạo điều kiện để mỗi người rèn luyện tài năng, đem tài năng cống hiến cho xã hội. Tuy

vậy, Hồ Chí Minh luôn gắn tài năng với đạo đức. Theo Người, "có tài mà không có đức là hỏng"; dĩ nhiên đức phải đi đôi với tài, nếu không có tài thì không thể làm việc được. Cũng như vậy, Người luôn gắn phẩm chất chính trị với trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ trong đó "chính trị là tinh thần, chuyên môn là thể xác". Hai mặt đó gắn bó thống nhất trong một con người. Do vậy, tất cả mọi người đều phải luôn luôn trau dồi đạo đức và tài năng.

b) Các động lực của chủ nghĩa xã hội

Để thực hiện những mục tiêu đó, cần phát hiện những động lực và những điều kiện bảo đảm cho động lực đó thực sự trở thành sức mạnh thúc đẩy công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là những động lực bên trong, nguồn nội lực của chủ nghĩa xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, những động lực đó biểu hiện ở hai phương diện: vật chất và tư tưởng. Người khẳng định, động lực quan trọng và quyết định nhất là con người, là nhân dân lao động, nòng cốt là công - nông - trí thức. Con người là động lực quan trọng nhất, Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm đến lợi ích chính đáng, thiết thân của họ; đồng thời chăm lo bồi dưỡng sức dân. Đó là lợi ích của nhân dân và từng cá nhân.

Nói con người là động lực của chủ nghĩa xã hội, hơn nữa là động lực quan trọng nhất, Hồ Chí Minh đã nhận thấy ở động lực này có sự kết hợp giữa cá nhân (sức mạnh cá thể) với xã hội (sức mạnh cộng đồng). Truyền thống yêu nước của dân tộc, sự đoàn kết cộng đồng, sức lao động sáng tạo của nhân dân, đó là sức mạnh tổng hợp tạo nên động lực quan trọng của chủ nghĩa xã hội.

Nhà nước đại diện cho ý chí và quyền lực của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện chức năng quản lý xã hội, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đến thắng lợi. Người đặc biệt quan tâm đến hiệu lực của tổ chức, bộ máy, tính nghiêm minh của kỷ luật, pháp luật, sự trong sạch, liêm khiết của đội ngũ công chức các cấp từ Trung ương tới địa phương.

Hồ Chí Minh rất coi trọng động lực kinh tế, phát triển kinh tế, sản xuất, kinh doanh, giải phóng mọi năng lực sản xuất, làm cho mọi người, mọi nhà trở nên giàu có, ích quốc lợi dân, gắn liền kinh tế với kỹ thuật, kinh tế với xã hội.

Cùng với động lực kinh tế, Hồ Chí Minh cũng quan tâm tới văn hóa, khoa học, giáo dục, coi đó là động lực tinh thần không thể thiếu của chủ nghĩa xã hội.

Tất cả những nhân tố động lực nêu trên là những nguồn lực tiềm tàng của sự phát triển. Làm thế nào để những khả năng, năng lực tiềm tàng đó trở thành sức mạnh và không ngừng phát triển. Hồ Chí Minh nhận thấy sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội. Đây là hạt nhân trong hệ động lực của chủ nghĩa xã hội.

Ngoài các động lực bên trong, theo Hồ Chí Minh, phải kết hợp được với sức mạnh thời đại, tăng cường đoàn kết quốc tế, chủ nghĩa yêu nước phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, phải sử dụng tốt những thành quả khoa học - kỹ thuật của thế giới...

Nét độc đáo trong phong cách tư duy biện chứng Hồ Chí Minh là ở chỗ bên cạnh việc chỉ ra các nguồn động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội, Người còn lưu ý, cảnh báo

và ngăn ngừa các yếu tố kìm hãm, triệt tiêu nguồn năng lượng vốn có của chủ nghĩa xã hội, làm cho chủ nghĩa xã hội trở nên trì trệ, xơ cứng, không có sức hấp dẫn.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I. Lênin đều khẳng định tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và chỉ rõ vị trí lịch sử, nhiệm vụ đặc thù của nó trong quá trình vận động, phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Theo quan điểm của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, thì có hai con đường quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. *Con đường thứ nhất* là con đường quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa xã hội từ những nước tư bản phát triển ở trình độ cao. *Con đường thứ hai* là quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa xã hội ở những nước chủ nghĩa tư bản phát triển còn thấp hoặc các nước tiền tư bản.

Trên cơ sở vận dụng lý luận về cách mạng không ngừng, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin và xuất phát từ đặc điểm tình hình thực tế của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khẳng định *con đường cách mạng Việt Nam là tiến hành giải phóng dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến dần lên chủ nghĩa xã hội*. Như vậy, quan niệm Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là

quan niệm về một hình thái quá độ gián tiếp cụ thể - quá độ từ một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội. Chính ở nội dung cụ thể này, Hồ Chí Minh đã cụ thể hóa và làm phong phú thêm lý luận Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nước ta có đặc điểm lớn nhất là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đặc điểm này chi phối các đặc điểm khác, thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và làm cơ sở nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Trong đó, Hồ Chí Minh đặc biệt lưu ý đến mâu thuẫn cơ bản của thời kỳ quá độ, đó là mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển cao của đất nước theo xu hướng tiến bộ và thực trạng kinh tế - xã hội quá thấp kém của nước ta.

a) Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Theo Hồ Chí Minh, thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình cải biến nền sản xuất lạc hậu thành nền sản xuất hiện đại. Thực chất phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân cũng là cuộc đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp trong điều kiện mới, khi mà nhân dân ta hoàn thành cơ bản cách mạng dân tộc dân chủ, so sánh lực lượng trong nước và quốc tế đã có những biến đổi. Điều này đòi hỏi phải áp dụng toàn diện các hình thức đấu tranh cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm chống lại các thế lực đi ngược lại con đường xã hội chủ nghĩa.

Theo Hồ Chí Minh, do những đặc điểm và tính chất quy định, quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một quá trình dần dần, khó khăn, phức tạp và lâu dài. Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam bao gồm hai nội dung lớn:

Một là, xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, xây dựng các tiền đề về kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng cho chủ nghĩa xã hội.

Hai là, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo và xây dựng, trong đó lấy xây dựng làm trọng tâm, làm nội dung cốt yếu nhất, chủ chốt, lâu dài.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến tính chất tuần tự, dần dần của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tính chất phức tạp và khó khăn của nó được Hồ Chí Minh lý giải trên các điểm sau:

Thứ nhất, đây thực sự là một cuộc cách mạng làm đảo lộn mọi mặt đời sống xã hội, cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cả cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Nó đặt ra và đòi hỏi đồng thời giải quyết hàng loạt mâu thuẫn khác nhau.

Thứ hai, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta chưa có kinh nghiệm, nhất là trên lĩnh vực kinh tế. Đây là công việc hết sức mới mẻ đối với Đảng ta, nên phải vừa làm, vừa học và có thể có vấp váp và thiếu sót. Xây dựng xã hội mới bao giờ cũng khó khăn, phức tạp hơn đánh đổ xã hội cũ đã lỗi thời.

Thứ ba, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta luôn luôn bị các thế lực phản động trong và ngoài nước tìm cách chống phá.

Từ việc chỉ rõ tính chất của thời kỳ quá độ, Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên trong xây dựng chủ nghĩa xã hội phải thận trọng, tránh nôn nóng, chủ quan, đốt cháy giai đoạn. Vấn đề cơ bản là phải xác định đúng từng bước đi và hình thức phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất, biết kết hợp các khâu trung gian, quá độ, tuần tự từng bước, từ thấp đến cao. Vì vậy, xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi một năng lực lãnh đạo mang tính khoa học, vừa hiểu biết các quy luật vận động xã hội, lại phải có nghệ thuật khôn khéo cho thật sát với tình hình thực tế.

b) Quan điểm Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một sự nghiệp cách mạng mang tính toàn diện. Hồ Chí Minh đã xác định rõ nhiệm vụ cụ thể cho từng lĩnh vực:

- *Trong lĩnh vực chính trị*, nội dung quan trọng nhất là phải giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng. Đảng phải được chỉnh đốn, nâng cao sức chiến đấu, có hình thức tổ chức phù hợp để đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ mới. Bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã trở thành Đảng cầm quyền. Mối quan tâm lớn nhất của Người về Đảng cầm quyền là làm sao cho Đảng không trở thành Đảng quan liêu, xa dân, thoái hóa, biến chất, làm mất lòng tin của dân, có thể dẫn đến nguy cơ sai lầm về đường lối, cắt đứt mối quan hệ máu thịt với nhân dân và để cho chủ nghĩa cá nhan nảy nở dưới nhiều hình thức.

Một nội dung chính trị quan trọng trong thời kỳ quá độ

lên chủ nghĩa xã hội là củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, nòng cốt là liên minh công nhân, nông dân và trí thức, do Đảng Cộng sản lãnh đạo; củng cố và tăng cường sức mạnh toàn bộ hệ thống chính trị cũng như từng thành tố của nó.

- *Nội dung kinh tế* được Hồ Chí Minh đề cập trên các mặt: lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ chế quản lý kinh tế. Người nhấn mạnh đến việc tăng năng suất lao động trên cơ sở tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đối với cơ cấu kinh tế, Hồ Chí Minh đề cập cơ cấu ngành và cơ cấu các thành phần kinh tế, cơ cấu kinh tế vùng, lãnh thổ.

Người quan niệm hết sức độc đáo về cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp, lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, củng cố hệ thống thương nghiệp làm cầu nối tốt nhất giữa các ngành sản xuất xã hội, thỏa mãn nhu cầu thiết yếu của nhân dân.

Đối với kinh tế vùng, lãnh thổ, Hồ Chí Minh lưu ý phải phát triển đồng đều giữa kinh tế đô thị và kinh tế nông thôn. Người đặc biệt chú trọng chỉ đạo phát triển kinh tế vùng núi, hải đảo, vừa tạo điều kiện không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống của đồng bào, vừa bảo đảm an ninh, quốc phòng cho đất nước.

Ở nước ta, Hồ Chí Minh là người đầu tiên chủ trương phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Người xác định rõ vị trí và xu hướng vận động của từng thành phần kinh tế. Nước ta cần ưu tiên phát triển kinh tế quốc doanh để tạo nền tảng vật chất cho chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy việc cải tạo xã hội

chủ nghĩa. Kinh tế hợp tác xã là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động, Nhà nước cần đặc biệt khuyến khích, hướng dẫn và giúp đỡ nó phát triển. Về tổ chức hợp tác xã, Hồ Chí Minh nhấn mạnh nguyên tắc dần dần, từ thấp đến cao, tự nguyện, cùng có lợi, chống chủ quan, gò ép, hình thức. Đối với người làm nghề thủ công và lao động riêng lẻ khác, Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, ra sức hướng dẫn và giúp họ cải tiến cách làm ăn, khuyến khích họ đi vào con đường hợp tác. Đối với những nhà tư sản công thương, vì họ đã tham gia ủng hộ cách mạng dân tộc dân chủ, có đóng góp nhất định trong khôi phục kinh tế và sẵn sàng tiếp thu, cải tạo để góp phần xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội, nên Nhà nước không xóa bỏ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và của cải khác của họ, mà hướng dẫn họ hoạt động làm lợi cho quốc kế dân sinh, phù hợp với kinh tế nhà nước, khuyến khích và giúp đỡ họ cải tạo theo chủ nghĩa xã hội bằng hình thức tư bản nhà nước.

Bên cạnh chế độ và quan hệ sở hữu, Hồ Chí Minh rất coi trọng quan hệ phân phối và quản lý kinh tế. Quản lý kinh tế phải dựa trên cơ sở hạch toán, đem lại hiệu quả cao, sử dụng tốt các đòn bẩy trong phát triển sản xuất. Người chủ trương và chỉ rõ các điều kiện thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng. Gắn liền với nguyên tắc phân phối theo lao động, Hồ Chí Minh đề cập đến vấn đề khoán trong sản xuất, "Chế độ làm khoán là một điều kiện của chủ nghĩa xã hội, nó khuyến khích người công nhân luôn luôn tiến bộ, cho nhà máy tiến bộ. Làm khoán

là ích chung và lại lợi riêng... làm khoán tốt thích hợp và công bằng dưới chế độ ta hiện nay"[1].

Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến vấn đề xây dựng con người mới. Đặc biệt, Hồ Chí Minh đề cao vai trò của văn hóa, giáo dục và khoa học kỹ thuật trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Người cho rằng, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội nhất định phải có học thức, cần phải học cả văn hóa, chính trị, kỹ thuật và chủ nghĩa xã hội cộng với khoa học chắc chắn đưa loài người đến hạnh phúc vô tận. Hồ Chí Minh rất coi trọng việc nâng cao dân trí, đào tạo và sử dụng nhân tài. Hồ Chí Minh khẳng định vai trò to lớn của văn hóa trong đời sống xã hội.

2. Bước đi và các biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta

Hồ Chí Minh xác định rõ nhiệm vụ lịch sử, nội dung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Điều trăn trở khôn nguôi của Người là tìm ra hình thức, bước đi, biện pháp tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, biến nhận thức lý luận thành chương trình hành động, thành hoạt động thực tiễn hàng ngày. Để xác định bước đi và tìm cách làm phù hợp với Việt Nam, Hồ Chí Minh đề ra hai nguyên tắc có tính chất phương pháp luận:

Một là, xây dựng chủ nghĩa xã hội là một hiện tượng phổ biến mang tính quốc tế, cần quán triệt các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng chế độ mới,

---

1. *Sđd,* t. 8, tr. 341.

có thể tham khảo, học tập kinh nghiệm của các nước anh em.

Hai là, xác định bước đi và biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội chủ yếu xuất phát từ điều kiện thực tế, đặc điểm dân tộc, nhu cầu và khả năng thực tế của nhân dân.

Quán triệt hai nguyên tắc phương pháp luận này, Hồ Chí Minh xác định phương châm thực hiện bước đi trong xây dựng chủ nghĩa xã hội: dần dần, thận trọng từng bước một, từ thấp đến cao, không chủ quan nôn nóng và sự tuần tự của các bước đi do điều kiện khách quan quy định. Mặt khác, phải tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, nhưng tiến nhanh, tiến mạnh cũng không phải làm bừa, làm ẩu mà phải phù hợp với điều kiện thực tế. Trong các bước đi lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đặc biệt lưu ý đến vai trò của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, coi đó là "con đường phải đi của chúng ta", là nhiệm vụ trọng tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa chỉ có thể thực hiện thắng lợi trên cơ sở xây dựng và phát triển nền nông nghiệp toàn diện, vững chắc, một hệ thống tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nhẹ đa dạng nhằm giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm cho nhân dân, các nhu cầu tiêu dùng thiết yếu cho xã hội.

Cùng với các bước đi, Hồ Chí Minh đã gợi ý nhiều phương thức, biện pháp tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trên thực tế, Người đã sử dụng một số cách làm cụ thể sau đây:

- Thực hiện cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính.

- Kết hợp xây dựng và bảo vệ, đồng thời tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền khác nhau trong phạm vi một quốc gia.

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có kế hoạch, biện pháp, quyết tâm để thực hiện thắng lợi kế hoạch đã đề ra.

- Trong điều kiện nước ta, biện pháp cơ bản, quyết định, lâu dài trong xây dựng chủ nghĩa xã hội là đem của dân, tài dân, sức dân, làm lợi cho dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Hồ Chí Minh cho rằng, phải huy động hết mọi tiềm năng, nguồn lực có trong dân để đem lại lợi ích cho dân. Nói cách khác, phải biến sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội thành sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo. Vai trò lãnh đạo của đảng cầm quyền là tập hợp lực lượng, đề ra đường lối, chính sách để huy động và khai thác triệt để các nguồn lực của dân, vì lợi ích của quần chúng lao động.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam bao quát những vấn đề cốt lõi, cơ bản nhất, trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết Mác - Lênin. Đó là các luận điểm về bản chất, mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội; về tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ; về đặc điểm, nhiệm vụ lịch sử, nội dung, các hình thức, bước đi và biện pháp tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tư tưởng đó trở thành tài sản vô giá, cơ sở lý

luận và kim chỉ nam cho việc kiên trì, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng ta, đồng thời gợi mở nhiều vấn đề về xác định hình thức, biện pháp và bước đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với những đặc điểm dân tộc và xu thế vận động của thời đại ngày nay.

Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đạt được những thành tựu quan trọng, tạo ra thế và lực mới cho con đường phát triển xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Cùng với tổng kết thực tiễn, quan niệm của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sát thực, cụ thể hóa. Nhưng, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, bên cạnh những thời cơ, vận hội, nước ta đang phải đối đầu với hàng loạt thách thức, khó khăn cả trên bình diện quốc tế, cũng như từ các điều kiện thực tế trong nước tạo nên. Trong bối cảnh đó, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta cần tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng nhất.

1. Giữ vững mục tiêu của chủ nghĩa xã hội

Hồ Chí Minh là người tìm ra con đường giải phóng dân tộc Việt Nam: Con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cũng chính là mục tiêu cao cả, bất biến của toàn Đảng, toàn dân ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã đấu tranh giành được độc lập dân tộc, từng bước quá độ dần lên chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện nước ta, độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội, sau khi giành được độc lập dân tộc phải đi lên chủ nghĩa xã hội, vì đó là quy luật tiến hóa trong quá trình phát triển của xã hội loài người. Chỉ

có chủ nghĩa xã hội mới đáp ứng được khát vọng của toàn dân tộc: độc lập cho dân tộc, dân chủ cho nhân dân, cơm no áo ấm cho mọi người dân Việt Nam. Thực tiễn phát triển đất nước cho thấy, độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc.

Hiện nay, chúng ta đang tiến hành đổi mới toàn diện đất nước vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" là tiếp tục con đường cách mạng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Đổi mới, vì thế, là quá trình vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chứ không phải là thay đổi mục tiêu.

Tuy nhiên, khi chấp nhận kinh tế thị trường, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta phải tận dụng các mặt tích cực của nó, đồng thời phải biết cách ngăn chặn, phòng tránh các mặt tiêu cực, bảo đảm nhịp độ phát triển nhanh, bền vững trên tất cả mọi mặt đời sống xã hội: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa; không vì phát triển, tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá mà làm phương hại các mặt khác của cuộc sống con người.

Vấn đề đặt ra là trong quá trình phát triển vẫn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, biết cách sử dụng các thành tựu mà nhân loại đã đạt được để phục vụ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại, làm cho tăng trưởng kinh tế luôn đi liền với sự tiến bộ, công bằng xã hội, sự trong sạch, lành mạnh về đạo đức, tinh thần.

2. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy mạnh mẽ tất cả các nguồn lực, trước hết là nội lực để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là con đường tất yếu mà đất nước ta phải trải qua. Chúng ta phải tranh thủ thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ, của điều kiện giao lưu, hội nhập quốc tế để nhanh chóng biến nước ta thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, sánh vai với các cường quốc năm châu như mong muốn của Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh đã chỉ dẫn: xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của toàn dân, do Đảng lãnh đạo, phải đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân, nghĩa là phải biết phát huy mọi nguồn lực vốn có trong dân để xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Theo tinh thần đó, ngày nay, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải dựa vào nguồn lực trong nước là chính, có phát huy mạnh mẽ nội lực mới có thể tranh thủ sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài. Trong nội lực, nguồn lực con người là vốn quý nhất.

Nguồn lực của nhân dân, của con người Việt Nam bao gồm trí tuệ, tài năng, sức lao động, của cải thật to lớn. Để phát huy tốt sức mạnh của toàn dân tộc để xây dựng và phát triển đất nước, cần giải quyết tốt các vấn đề sau:

- Tin dân, dựa vào dân, xác lập quyền làm chủ của nhân dân trên thực tế, làm cho chế độ dân chủ được thực hiện trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người, nhất là ở địa phương, cơ sở, làm cho dân chủ thật sự trở thành động lực của sự phát triển xã hội.

- Chăm lo mọi mặt đời sống của nhân dân để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Thực hiện nhất quán chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh, trên cơ sở lấy liên minh công - nông - trí thức làm nòng cốt, tạo nên sự đồng thuận xã hội vững chắc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

3. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải biết tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi, tận dụng tối đa sức mạnh của thời đại. Ngày nay, sức mạnh của thời đại tập trung ở cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, xu thế toàn cầu hóa. Chúng ta phải tranh thủ tối đa các cơ hội do xu thế đó tạo ra để nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; phải có cơ chế, chính sách đúng để thu hút vốn đầu tư, kinh nghiệm quản lý và công nghệ hiện đại, thực hiện kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Muốn vậy, chúng ta phải có đường lối chính trị độc lập, tự chủ. Tranh thủ hợp tác phải đi đôi với thường xuyên khơi dậy chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc chân chính của mọi người Việt Nam nhằm góp phần làm gia tăng tiềm lực quốc gia.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế phải gắn liền với nhiệm vụ trau dồi bản lĩnh và bản sắc văn hóa dân tộc, nhất là cho thanh, thiếu niên - lực lượng rường cột của nước nhà, để không tự đánh mất mình bởi xa rời cội rễ dân tộc. Chỉ có bản lĩnh và bản sắc dân tộc sâu sắc, mạnh mẽ

đó mới có thể loại trừ các yếu tố độc hại, tiếp thu tinh hoa văn hóa loài người, làm phong phú, làm giàu thêm nền văn hóa dân tộc.

4. Chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh, làm trong sạch bộ máy nhà nước, đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thực hiện cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội

Thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân cần đến vai trò lãnh đạo của một Đảng cách mạng chân chính, một Nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân. Muốn vậy, phải:

- Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, một Đảng "đạo đức, văn minh". Cán bộ, đảng viên gắn bó máu thịt với nhân dân, vừa là người hướng dẫn, lãnh đạo nhân dân, vừa hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, gương mẫu trong mọi việc.

- Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mạnh mẽ, của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; thực hiện cải cách nền hành chính quốc gia một cách đồng bộ để phục vụ đời sống nhân dân.

- Bằng các giải pháp thiết thực, cụ thể, hình thành một đội ngũ cán bộ liêm khiết, tận trung với nước, tận hiếu với dân; kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy chính quyền những "ông quan cách mạng", lạm dụng quyền lực của dân để mưu cầu lợi ích riêng; phát huy vai trò của nhân dân trong cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

- Giáo dục mọi tầng lớp nhân dân ý thức biết cách làm giàu cho đất nước, hăng hái đẩy mạnh tăng gia sản xuất kinh doanh gắn liền với tiết kiệm để xây dựng nước nhà. Trong điều kiện đất nước còn nghèo, tiết kiệm phải trở thành quốc sách, thành một chính sách kinh tế lớn và cũng là một chuẩn mực đạo đức, một hành vi văn hóa như Hồ Chí Minh đã căn dặn: "Một dân tộc biết cần, biết kiệm" là một dân tộc văn minh, tiến bộ; dân tộc đó chắc chắn sẽ thắng được nghèo nàn, lạc hậu, ngày càng giàu có về vật chất, cao đẹp về tinh thần.

CHƯƠNG IV

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc được hình thành từ những cơ sở quan trọng sau đây:

a) Truyền thống yêu nước, nhân ái, tinh thần cố kết cộng đồng của dân tộc Việt Nam

Trải qua hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước, tinh thần yêu nước gắn liền với ý thức cộng đồng, ý thức cố kết dân tộc, đoàn kết dân tộc của dân tộc Việt Nam đã được hình thành và củng cố, tạo thành một truyền thống bền vững. Đối với mỗi người Việt Nam, yêu nước- nhân nghĩa- đoàn kết đã trở thành một tình cảm tự nhiên, in đậm dấu ấn trong cấu trúc xã hội truyền thống, tạo thành quan hệ ba tầng chặt chẽ: *gia đình - làng xã -*

quốc gia. Từ đời này sang đời khác, tổ tiên ta đã có rất nhiều chuyện cổ tích, ca dao, ngạn ngữ ca ngợi truyền thống đoàn kết dân tộc.

Hồ Chí Minh đã sớm hấp thụ và nhận thức được vai trò của truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc. Người khẳng định: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"[1].

Chủ nghĩa yêu nước, truyền thống đoàn kết, cộng đồng của dân tộc Việt Nam là cơ sở đầu tiên, sâu xa cho sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

b) Quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin coi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử; giai cấp vô sản muốn thực hiện được vai trò lãnh đạo cách mạng phải trở thành dân tộc; liên minh công nông là cơ sở để xây dựng lực lượng to lớn của cách mạng.

Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin là vì chủ nghĩa Mác- Lênin đã chỉ ra cho các dân tộc bị áp bức con đường tự giải phóng. V.I. Lênin cho rằng, sự liên minh giai cấp, trước hết là liên minh công nông là hết sức cần thiết

---

1. *Sđd,* t. 6, tr. 171.

bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng vô sản, rằng nếu không có sự đồng tình và ủng hộ của đa số nhân dân lao động với đội ngũ tiên phong của nó, tức giai cấp vô sản, thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được.

Như vậy, chủ nghĩa Mác-Lênin không những đã chỉ ra vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử mà còn chỉ ra vị trí của khối liên minh công nông trong cách mạng vô sản. Đó là những quan điểm lý luận hết sức cần thiết để Hồ Chí Minh có cơ sở khoa học trong sự đánh giá chính xác yếu tố tích cực cũng như những hạn chế trong các di sản truyền thống, trong tư tưởng tập hợp lực lượng của các nhà yêu nước Việt Nam tiền bối và các nhà cách mạng lớn trên thế giới, từ đó hình thành tư tưởng của Người về đại đoàn kết dân tộc.

c) Tổng kết những kinh nghiệm thành công và thất bại của các phong trào cách mạng Việt Nam và thế giới

Trong quá trình ra đi tìm đường cứu nước cũng như sau này, Hồ Chí Minh đã luôn chú ý nghiên cứu, tổng kết những kinh nghiệm của phong trào yêu nước Việt Nam và phong trào cách mạng ở nhiều nước trên thế giới, nhất là phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Đặc biệt, Hồ Chí Minh đã nghiên cứu những bài học của cuộc Cách mạng Tháng Mười. Những là bài học về huy động, tập hợp lực lượng quần chúng công nông đông đảo để giành và giữ chính quyền cách mạng, để xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa đã giúp Hồ Chí Minh thấy rõ tầm quan trọng của việc đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng, trước hết là công nông.

Đối với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đến Trung Quốc và Ấn Độ là hai nước có thể đem lại cho Việt Nam nhiều bài học rất bổ ích về tập hợp các lực lượng yêu nước tiến bộ để tiến hành cách mạng. Những kinh nghiệm rút ra từ thành công hay thất bại của các phong trào dân tộc dân chủ, nhất là kinh nghiệm thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga là cơ sở thực tiễn cần thiết cho việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

2. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

a) Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, bảo đảm thành công của cách mạng

Hồ Chí Minh cho rằng, cuộc đấu tranh cứu nước của nhân dân ta cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX bị thất bại có một nguyên nhân sâu xa là cả nước đã không đoàn kết được thành một khối thống nhất. Người thấy rằng, muốn đưa cách mạng đến thành công phải có lực lượng cách mạng đủ mạnh để chiến thắng kẻ thù và xây dựng thành công xã hội mới; muốn có lực lượng cách mạng mạnh phải thực hiện đại đoàn kết, quy tụ mọi lực lượng cách mạng thành một khối vững chắc. Do đó, đoàn kết trở thành vấn đề chiến lược lâu dài của cách mạng, là nhân tố bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng.

Hồ Chí Minh đi đến kết luận: *muốn được giải phóng, các dân tộc bị áp bức và nhân dân lao động phải tự mình cứu lấy mình bằng đấu tranh cách mạng, bằng cách mạng vô sản*. Người đã vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng vô sản vào thực tiễn Việt Nam,

xây dựng lý luận cách mạng thuộc địa, trong đó Người quan tâm nhiều đến vấn đề lực lượng cách mạng và phương pháp cách mạng.

Trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, có thể và cần thiết phải điều chỉnh chính sách và phương pháp tập hợp lực lượng cho phù hợp với những đối tượng khác nhau, nhưng đại đoàn kết dân tộc luôn luôn được Người nhận thức là vấn đề sống còn của cách mạng.

Hồ Chí Minh đã đưa ra nhiều luận điểm về vấn đề đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế: Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công; Đoàn kết là điểm mẹ; điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt; Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công.

Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần quan điểm coi sức mạnh của cách mạng là sức mạnh của nhân dân: "Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong". Đồng thời, Người lưu ý rằng, nhân dân bao gồm nhiều lứa tuổi, nghề nghiệp, nhiều tầng lớp, giai cấp, nhiều dân tộc, tôn giáo, do đó phải đoàn kết nhân dân vào trong *Mặt trận dân tộc thống nhất*. Để làm được việc đó, Người yêu cầu Đảng, Nhà nước phải có chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp với các giai cấp, tầng lớp, trên cơ sở lấy lợi ích chung của Tổ quốc và những quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động, làm "*mẫu số chung*" cho sự đoàn kết.

b) Đại đoàn kết toàn dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng

Đối với Hồ Chí Minh, yêu nước phải thể hiện thành

thương dân, không thương dân thì không thể có tinh thần yêu nước. Dân ở đây là số đông, phải làm cho số đông đó ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, sống tự do, hạnh phúc.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, chúng ta không chỉ thấy rõ việc Người nhấn mạnh vai trò to lớn của dân mà còn coi đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu của cách mạng. Do đó, tư tưởng đại đoàn kết dân tộc phải được quán triệt trong mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Trong Lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam ngày 3-3-1951, Hồ Chí Minh đã thay mặt Đảng tuyên bố trước toàn thể dân tộc: Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc.

Xem dân là gốc, là lực lượng tự giải phóng nên Hồ Chí Minh coi vấn đề đoàn kết dân tộc, đoàn kết toàn dân để tạo ra sức mạnh là vấn đề cơ bản của cách mạng. Hồ Chí Minh còn cho rằng, *đại đoàn kết dân tộc không chỉ là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng mà còn là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc*. Bởi vì, đại đoàn kết dân tộc chính là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng, vì quần chúng. Đảng có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, đoàn kết quần chúng tạo thành sức mạnh vô địch trong cuộc đấu tranh vì độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, hạnh phúc cho con người.

c) Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, khái niệm *Dân*, có nội hàm rất rộng. Người dùng các khái niệm này để chỉ "*mọi*

con dân nước Việt", "*con Rồng cháu Tiên*", không phân biệt dân tộc thiểu số với dân tộc đa số, người tín ngưỡng với người không tín ngưỡng, không phân biệt già, trẻ, gái trai, giàu, nghèo. Nói đến đại đoàn kết dân tộc cũng có nghĩa phải tập hợp được mọi người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh chung. Người đã nhiều lần nêu rõ: "Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ"[1]. Với tinh thần đoàn kết rộng rãi, Người đã dùng khái niệm đại đoàn kết dân tộc để định hướng cho việc xây dựng khối đoàn kết toàn dân trong suốt tiến trình cách mạng, bao gồm mọi giai cấp, dân tộc, tôn giáo.

Muốn thực hiện được đại đoàn kết toàn dân thì phải kế thừa truyền thống yêu nước- nhân nghĩa- đoàn kết của dân tộc, phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng với con người. Người đã nhiều lần nhắc nhở: "Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ"[2]. Để thực hiện được đoàn kết, Người còn căn dặn: Cần xóa bỏ hết mọi thành kiến, cần phải thật thà đoàn kết với nhau, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ để phục vụ nhân dân.

Tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh có lập trường giai cấp rõ ràng, đó là đại đoàn kết toàn dân với nòng cốt là khối liên minh công - nông - trí thức do Đảng của giai

---

1, 2. *Sđd*, t.7, tr. 438.

cấp công nhân lãnh đạo. Muốn xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc rộng lớn như vậy, thì phải xác định rõ đâu là nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc và những lực lượng nào tạo nên cái nền tảng đó. Người đã chỉ rõ: Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Người coi công nông cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác. "Lực lượng chủ yếu trong khối đoàn kết dân tộc là công nông, cho nên liên minh công nông là nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất"[1]. Về sau, Người nêu thêm: lấy liên minh công - nông - lao động trí óc làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân. Nền tảng càng được củng cố vững chắc thì khối đại đoàn kết dân tộc càng được mở rộng, không e ngại bất cứ thế lực nào có thể làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc.

d) Đại đoàn kết dân tộc phải biến thành sức mạnh vật chất, có tổ chức là Mặt trận dân tộc thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng

Theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết là để tạo nên lực lượng cách mạng, để làm cách mạng xóa bỏ chế độ cũ, xây dựng chế độ mới. Do đó, đại đoàn kết dân tộc không thể chỉ dừng lại ở quan niệm, ở tư tưởng, ở những lời kêu gọi, mà phải trở thành một chiến lược cách mạng, trở thành khẩu hiệu hành động của toàn Đảng, toàn dân ta. Nó phải biến thành sức mạnh vật chất, thành lực lượng vật chất có tổ chức và tổ chức đó chính là *Mặt trận dân tộc thống nhất.*

---

1. *Sđd*, t.10, tr. 18.

Cả dân tộc hay toàn dân chỉ trở thành lực lượng to lớn, trở thành sức mạnh vô địch khi được giác ngộ về mục tiêu chiến đấu chung, được tổ chức lại thành một khối vững chắc và hoạt động theo một đường lối chính trị đúng đắn; nếu không, quần chúng nhân dân dù có hàng triệu, hàng triệu con người cũng chỉ là một số đông không có sức mạnh.

Hồ Chí Minh *đi tìm đường cứu nước, xét trên một khía cạnh nào đó, chính là đi tìm sức mạnh để giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân lao động. Và sức mạnh mà Người đã tìm được là đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.*

Từ khi tìm thấy con đường và sức mạnh để cứu nước, Hồ Chí Minh đã rất chú ý đến việc đưa quần chúng nhân dân vào những tổ chức yêu nước phù hợp với từng giai cấp, tầng lớp, từng giới, từng ngành nghề, từng lứa tuổi, từng tôn giáo. Đó là các già làng, trưởng bản, các hội ái hữu, tương trợ, công hội, nông hội, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, đội thiếu niên nhi đồng, hội phụ lão, hội Phật giáo cứu quốc, Công giáo yêu nước, các nghiệp đoàn, v.v., *bao trùm nhất là Mặt trận dân tộc thống nhất*. Mặt trận chính là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước, tập hợp mọi người dân nước Việt, không chỉ ở trong nước mà còn cả những người Việt Nam định cư ở nước ngoài, dù ở bất cứ phương trời nào, nếu tấm lòng vẫn hướng về quê hương đất nước, về Tổ quốc Việt Nam...

Tùy theo từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xây dựng được Mặt trận dân tộc

thống nhất có cương lĩnh, điều lệ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng. Các tổ chức Mặt trận ở nước ta đều là tổ chức chính trị - xã hội rộng rãi, tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, các tổ chức và cá nhân yêu nước ở trong và ngoài nước, phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập, thống nhất của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Để Mặt trận dân tộc thống nhất trở thành một tổ chức cách mạng to lớn, theo Hồ Chí Minh, nó cần được xây dựng theo những nguyên tắc cơ bản sau:

Thứ nhất: *Đoàn kết phải xuất phát từ mục tiêu vì nước, vì dân, trên cơ sở yêu nước, thương dân, chống áp bức bóc lột, nghèo nàn lạc hậu.*

Hồ Chí Minh cho rằng, Nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì. Sự đoàn kết phải lấy lợi ích tối cao của dân tộc, lợi ích căn bản của nhân dân lao động làm mục tiêu phấn đấu.

Thứ hai: *Đại đoàn kết dân tộc phải được xây dựng trên nền tảng liên minh công - nông - lao động trí óc.*

Phải trên cơ sở của khối liên minh cơ bản đó mà mở rộng Mặt trận, làm cho Mặt trận thực sự quy tụ được cả dân tộc, tập hợp được toàn dân, kết thành một khối vững chắc.

Thứ ba: *Hoạt động của Mặt trận theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ.*

Khi có những lợi ích riêng biệt không phù hợp, Mặt trận sẽ giải quyết bằng việc nêu cao lợi ích chung của dân

tộc, bằng sự vận động hiệp thương dân chủ, tạo ra nhận thức ngày càng đúng đắn hơn cho mỗi người, mỗi bộ phận về mối quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng, cùng nhau bàn bạc để đi đến nhất trí, loại trừ mọi sự áp đặt hoặc dân chủ hình thức. Trong bài nói chuyện tại lớp bồi dưỡng cán bộ về công tác Mặt trận (tháng 8-1962), Người yêu cầu: Chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ các tầng lớp nhân dân... Phải đoàn kết tốt các đảng phái, các đoàn thể, các nhân sĩ trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thực hiện hợp tác lâu dài, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tiến bộ. Phải đoàn kết các dân tộc anh em, cùng nhau xây dựng Tổ quốc... Phải đoàn kết chặt chẽ giữa đồng bào lương và đồng bào các tôn giáo, cùng nhau xây dựng đời sống hòa thuận ấm no, xây dựng Tổ quốc.

Thứ tư: *Khối đoàn kết trong Mặt trận là lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự, chân thành; thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.*

Giữa các thành viên của khối đại đoàn kết dân tộc, bên cạnh những điểm tương đồng vẫn có những điểm khác nhau cần phải bàn bạc để đi đến nhất trí; bên cạnh những nhân tố tích cực vẫn có những nhân tố tiêu cực cần phải khắc phục. Để giải quyết vấn đề này, *một mặt,* Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm "*cầu đồng tồn dị*", lấy cái chung để hạn chế cái riêng, cái khác biệt; *mặt khác,* Người nêu rõ: "*Đoàn kết phải gắn với đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết*". Người thường xuyên căn dặn phải khắc phục tình trạng đoàn kết xuôi chiều, phải nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình để biểu dương mặt tốt,

khắc phục mặt chưa tốt, củng cố đoàn kết nội bộ. Đoàn kết thật sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí. Đoàn kết thật sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân. Trong quá trình xây dựng, củng cố và phát triển Mặt trận dân tộc thống nhất, Đảng ta luôn đấu tranh chống khuynh hướng cô độc, hẹp hòi, coi nhẹ việc tranh thủ tất cả những lực lượng có thể tranh thủ được; đồng thời chống khuynh hướng đoàn kết một chiều, đoàn kết mà không có đấu tranh đúng mức trong nội bộ Mặt trận.

Trong Mặt trận, Đảng Cộng sản vừa là thành viên vừa là lực lượng lãnh đạo. Đảng Cộng sản Việt Nam không có lợi ích riêng mà là gắn liền với lợi ích toàn xã hội, toàn dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền không phải chỉ vì lợi ích của giai cấp mình mà vì "*phải trở thành dân tộc*" mới có thể giải phóng được dân tộc và giai cấp.

Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam là một thành viên của Mặt trận dân tộc thống nhất, đồng thời là lực lượng lãnh đạo Mặt trận. Nhưng Người cho rằng, quyền lãnh đạo Mặt trận không phải do Đảng tự phong cho mình, mà phải được nhân dân thừa nhận. Người nói: "Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và

năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo"[1].

Đảng lãnh đạo Mặt trận trước hết bằng việc xác định chính sách Mặt trận đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng. Đảng phải dùng phương pháp *vận động, giáo dục, thuyết phục, nêu gương, lấy lòng chân thành để đối xử, cảm hóa, khơi gợi tinh thần tự giác, tự nguyện, hết sức tránh gò ép, quan liêu mệnh lệnh.*

Sự đoàn kết trong Đảng là cơ sở vững chắc để xây dựng sự đoàn kết trong Mặt trận. Đảng đoàn kết, dân tộc đoàn kết và sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân sẽ tạo nên sức mạnh bên trong, để dân tộc vượt qua mọi khó khăn, chiến thắng mọi kẻ thù, đi tới thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI

1. Quá trình nhận thức của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

Hồ Chí Minh có niềm tin vững chắc vào *sức mạnh dân tộc. Đó là chủ nghĩa yêu nước nồng nàn, là tinh thần đoàn kết, ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập, tự do, ý thức tự lập, tự cường,...*

Để phát triển, xã hội cần tới nhiều hoạt động, nhiều nguồn động lực khác nhau, như chính trị, kinh tế, văn

---

1. *Sđd*, t.3, tr. 139.

hóa, khoa học công nghệ, tinh thần, tình cảm,... và mỗi loại hoạt động có vai trò, vị trí riêng đối với sự phát triển xã hội. Hoạt động chính trị có mục tiêu cơ bản là nhằm đoạt lấy quyền lực chính trị, sử dụng quyền lực chính trị phục vụ cho sự tồn tại và phát triển của con người, giai cấp, cộng đồng, quốc gia. Nhu cầu, lợi ích chính trị của con người, cộng đồng, quốc gia, nhân loại và sự khát khao nhu cầu, lợi ích đó chính là động cơ thúc đẩy các hoạt động chính trị của con người, giai cấp, dân tộc, quốc gia và nhân loại.

Khát vọng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã thôi thúc Hồ Chí Minh hy sinh cả cuộc đời mình để thực hiện, cũng là lý do hy sinh của bao thế hệ người Việt Nam hôm qua và hôm nay. Khát vọng đó chính là sức mạnh mà Hồ Chí Minh ý thức được và ra sức giáo dục cán bộ, đảng viên và toàn dân ta quán triệt, giữ gìn và phát huy, biến thành hiện thực.

Nhận thức của Hồ Chí Minh về sức mạnh thời đại được hình thành từng bước, từ cảm tính đến lý tính, thông qua hoạt động thực tiễn mà tổng kết thành lý luận.

Ra đi tìm đường cứu nước trong tư cách người lao động, hòa mình trong môi trường hoạt động của giai cấp công nhân, Hồ Chí Minh đã chứng kiến cuộc sống khổ cực của nhân dân các nước thuộc địa, đã phát hiện ra mối tương đồng giữa các dân tộc bị áp bức: "Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột"[1]. Người cho rằng trong hai hạng

---

1. *Sđd*, t.1, tr. 266.

người đó, chỉ có hạng người nghèo, bị bóc lột là có tình hữu ái giai cấp thực sự. Đó là cơ sở đầu tiên để hình thành nhận thức: *muốn giải phóng dân tộc mình cần thiết phải đoàn kết với các dân tộc khác cùng chung cảnh ngộ*. Những năm 1917-1919, khi sống với những người lao động ở Pari, Hồ Chí Minh phân biệt được hai loại: người Pháp vô sản và người Pháp thực dân, trong đó chỉ có bọn thực dân là kẻ thù, còn những người vô sản là bạn của nhân dân Việt Nam, họ đều là anh em cùng một giai cấp và khi tới lúc phải chiến đấu, thì cả hai bên đều phải cùng đánh bọn chủ chung của mình, chứ anh em không nên đánh lẫn nhau. Đó là cơ sở hình thành nhận thức về sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản của Hồ Chí Minh.

Sau khi tiếp thu tư tưởng của V.I. Lênin trong *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*, Hồ Chí Minh càng ý thức được mối quan hệ mật thiết giữa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, nên đã coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới. Để chiến thắng kẻ thù, cách mạng Việt Nam phải dựa vào sức mạnh bên trong, đồng thời phải tranh thủ sự đồng tình, giúp đỡ của quốc tế. Hồ Chí Minh kêu gọi hãy vì nền hòa bình thế giới, vì tự do và ấm no, những người bị bóc lột thuộc mọi chủng tộc cần đoàn kết lại và chống bọn áp bức.

Như vậy, qua khảo sát thực tế, từ kinh nghiệm bản thân, Hồ Chí Minh đã nhận thức được rằng: *chủ nghĩa đế quốc là một lực lượng phản động quốc tế, là kẻ thù chung*

của nhân dân lao động ở cả chính quốc và thuộc địa. Muốn đánh thắng chúng, phải thực hiện khối liên minh chiến đấu giữa lao động ở các thuộc địa với nhau và giữa lao động ở thuộc địa với vô sản ở chính quốc; nếu tách riêng mỗi lực lượng thì không thể nào thắng lợi được. Điểm vượt lên của Hồ Chí Minh so với các lãnh tụ yêu nước và chí sĩ cách mạng đầu thế kỷ XX chính là ở đó, nó nâng cao nhận thức của Người về sức mạnh thời đại.

Hồ Chí Minh cho rằng, sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại chính là kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, là phải xây dựng được khối liên minh chiến đấu giữa vô sản ở chính quốc với lao động ở thuộc địa, nhằm cùng một lúc tiến công chủ nghĩa đế quốc ở cả hai đầu. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã viết nhiều bài trên báo *Người cùng khổ* (Le Paria) và báo *Nhân đạo* (L' Humanité) để truyền bá tư tưởng của mình trong giai cấp vô sản và nhân dân lao động khác cả ở chính quốc và cả thuộc địa. Người đã tranh thủ diễn đàn các đại hội của Đảng Xã hội, Đảng Cộng sản Pháp, diễn đàn các câu lạc bộ để "thức tỉnh" những người anh em ở phương Tây về nhiệm vụ phải giúp đỡ một cách tích cực nhất phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa; phải coi cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa là "một trong những cái cánh của cách mạng vô sản".

Từ tuyên truyền đến tổ chức, Người tham gia thành lập *Hội Liên hiệp thuộc địa* ở Pháp, tham gia xuất bản tờ báo *Người cùng khổ* (*Le Paria*) - cơ quan ngôn luận của Hội liên hiệp thuộc địa. Sau khi đến Quảng Châu (Trung Quốc), Người tích cực tham gia vào việc thành lập *Hội*

Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông, sát cánh chiến đấu bên cạnh những người cộng sản và nhân dân Trung Quốc, coi "*giúp bạn là tự giúp mình*".

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, *sự hình thành, tồn tại và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã trở thành một nhân tố làm nên sức mạnh thời đại*. Các nước xã hội chủ nghĩa đã có vai trò to lớn trong việc ủng hộ và giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Ngược lại, phong trào giải phóng dân tộc cùng với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong các nước tư bản đã góp phần làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc, cũng tức là góp phần tích cực vào việc bảo vệ các nước xã hội chủ nghĩa. Đối với cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh chủ trương phát huy sức mạnh thời đại là huy động sức mạnh của các trào lưu cách mạng trên thế giới phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Cũng từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật ngày càng phát triển mạnh mẽ, trở thành một nhân tố làm nên sức mạnh thời đại. Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Thế giới ngày nay đang tiến những bước khổng lồ về mặt kiến thức của con người. Khoa học tự nhiên cũng như khoa học xã hội không ngừng mở rộng ra những chân trời mới, con người ngày càng làm chủ được thiên nhiên, cũng như làm chủ được vận mệnh của xã hội và của bản thân mình"[1]. Người nhắc nhở các thế hệ thanh

---

1. *Sđd*, t.9, tr. 355.

niên phải ra sức học tập để chiếm lĩnh được những đỉnh cao của khoa học, tận dụng sức mạnh mới của thời đại để nhân lên sức mạnh của dân tộc. Người cho rằng việc học tập tốt của thế hệ trẻ sẽ là điều kiện để non sông Việt Nam có thể sánh vai được với các cường quốc năm châu.

Từ thực tế trên, có thể nói, khi đến với chủ nghĩa Mác- Lênin, tìm thấy con đường giải phóng dân tộc của Việt Nam con đường cách mạng vô sản, cũng có nghĩa là Hồ Chí Minh đã tìm được sức mạnh cho cách mạng Việt Nam, đó là kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Càng về sau Người càng nhận thức được hoàn chỉnh tầm quan trọng và nội dung của việc kết hợp sức mạnh đó, coi đó là nhân tố cực kỳ quan trọng bảo đảm thắng lợi cho cách mạng Việt Nam.

2. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

a) Đặt cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam trong sự gắn bó với cách mạng vô sản thế giới

Thời đại mà Hồ Chí Minh sống và hoạt động là thời đại đã chấm dứt sự tồn tại biệt lập giữa các quốc gia, mở ra mối quan hệ quốc tế ngày càng rộng lớn giữa các dân tộc.

Sự thất bại của các phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX không phải vì nhân dân ta thiếu anh dũng, các lãnh tụ phong trào kém nhiệt huyết mà do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân thiếu đường lối cách mạng đúng đắn, phương pháp cách mạng không phù hợp với xu thế mới của thời đại.

Do nhận thức đúng sự biến chuyển của thời đại, Hồ Chí Minh đã sớm đến được với cánh tả của cách mạng Pháp, gặp được *Luận cương* của V.I. Lênin, tán thành Quốc tế III, tìm thấy con đường giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản. Người viết: "Thời đại của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn cũng là thời đại một nhóm nước lớn do bọn tư bản tài chính cầm đầu thống trị các nước phụ thuộc và nửa phụ thuộc, bởi vậy công cuộc giải phóng các nước và các dân tộc bị áp bức là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản. Do đó mà trước hết nảy ra khả năng và sự cần thiết phải có liên minh chiến đấu chặt chẽ giữa các dân tộc thuộc địa với giai cấp vô sản của các nước đế quốc để thắng kẻ thù chung"[1].

Sau khi nắm được đặc điểm của thời đại mới, Hồ Chí Minh đã hoạt động không mệt mỏi để gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Người đã chỉ ra một trong những nguyên nhân gây ra sự suy yếu của các dân tộc phương Đông, đó là sự biệt lập. Theo Người, "Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả"[2]. Do đó, cần phải "Làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản"[3].

---

1. *Sđd*, t.8, tr. 567.
2. *Sđd*, t.1, tr. 301.
3. *Sđd*, t.2, tr. 124.

Do nhiều nguyên nhân, giai cấp công nhân ở phương Tây lúc đó chưa có hiểu biết đầy đủ và chính xác về vấn đề thuộc địa. Một số lãnh tụ cơ hội của Quốc tế II đã bênh vực chính sách thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. V.I. Lênin đã kiên quyết đấu tranh chống lại quan điểm sai lầm này. Hồ Chí Minh đã bảo vệ và phát triển quan điểm của V.I. Lênin về khả năng to lớn và vai trò chiến lược của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa đối với thắng lợi của cách mạng vô sản: cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước bị nô dịch.

Chính nhờ nắm bắt được đặc điểm và xu thế phát triển của thời đại mà Hồ Chí Minh đã xác định chính xác đường lối chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng đúng đắn cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường của cách mạng vô sản. Hồ Chí Minh khẳng định: "Cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, điều đó chứng minh rằng *trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, ở một nước thuộc địa nhỏ, với sự lãnh đạo của giai cấp vô sản và đảng của nó, dựa vào quần chúng nhân dân rộng rãi trước hết là nông dân và đoàn kết được mọi tầng lớp nhân dân yêu nước trong mặt trận thống nhất, với sự đồng tình và ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới, trước hết là của phe xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, nhân dân nước đó nhất định thắng lợi*"[1].

1. *Sđd*, t.9, tr. 315-316.

b) Kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng

Là nhà yêu nước chân chính, Hồ Chí Minh đã triệt để phát huy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc; đồng thời là nhà quốc tế chủ nghĩa trong sáng. Hồ Chí Minh đã suốt đời đấu tranh không mệt mỏi để củng cố và tăng cường tình đoàn kết và hữu nghị giữa Việt Nam và các dân tộc khác đang đấu tranh cho mục tiêu chung là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Người cho rằng: Đảng lấy toàn bộ thực tiễn của mình để chứng minh rằng chủ nghĩa yêu nước triệt để không thể nào tách rời với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Tinh thần yêu nước chân chính khác hẳn với tinh thần "vị quốc" của bọn đế quốc phản động. Nó là một bộ phận của tinh thần quốc tế.

Kẻ thù của các dân tộc và cách mạng thế giới hiểu rõ sức mạnh của khối đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, vì vậy, để áp đặt và duy trì được ách thống trị của chúng đối với các thuộc địa, chúng đã ra sức chia rẽ các dân tộc, truyền bá tư tưởng của chủ nghĩa chủng tộc, khuyến khích thói kỳ thị màu da, kích động chủ nghĩa dân tộc cực đoan... Hồ Chí Minh đã chứng kiến sự thối nát đó của chủ nghĩa thực dân khi còn ở trong nước cũng như khi đi tìm đường cứu nước, song Người cũng đã chứng kiến về sự chan hòa giữa các dân tộc, các chủng tộc khi đến Liên Xô năm 1923. Người rất phấn khởi nhìn thấy ở Trường Đại học phương Đông hình ảnh đại đoàn kết giữa các dân tộc đủ màu da:

"Rằng đây bốn biển một nhà.

Vàng, đen, trắng, đỏ đều là anh em".

Hồ Chí Minh là người có đóng góp lớn vào lý luận Mác-Lênin về kết hợp chặt chẽ giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Luận điểm coi chủ nghĩa đế quốc là "con đỉa hai vòi", coi liên minh các dân tộc ở phương Đông là một trong những cái cánh cách mạng vô sản", khẳng định chủ nghĩa cộng sản có thể áp dụng được ở phương Đông, cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có thể thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc,... là sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh.

Đề cao sự giúp đỡ quốc tế với cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh cũng đồng thời nhấn mạnh trách nhiệm của cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Khi phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có sự chia rẽ, Đảng ta và Hồ Chí Minh đã hoạt động không mệt mỏi để mong góp phần khôi phục sự đoàn kết quốc tế trên cơ sở những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, từ đại đoàn kết dân tộc phải đi đến đại đoàn kết quốc tế; đại đoàn kết dân tộc đúng đắn là cơ sở cho việc thực hiện đoàn kết quốc tế trong sáng. Đại đoàn kết dân tộc là một trong những nhân tố bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đoàn kết quốc tế cũng là một nhân tố hết sức quan trọng giúp cho cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản đòi hỏi phải đấu tranh chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc vị kỷ, chủ nghĩa sô vanh và mọi thứ chủ nghĩa cơ hội khác. Chúng ta không chỉ chiến đấu vì độc lập, tự do của đất nước mình mà còn vì độc lập, tự do của các nước khác, không chỉ bảo vệ lợi ích sống còn của dân tộc mình mà còn vì những mục tiêu cao cả của thời đại: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

c) Dựa vào sức mình là chính, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ, đồng thời không quên nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình

Trong mối quan hệ giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, bao giờ Hồ Chí Minh cũng tích cực và quan tâm đến phát huy sức mạnh của dân tộc, coi nguồn lực nội sinh giữ vai trò quyết định, còn nguồn lực ngoại sinh chỉ phát huy được tác dụng thông qua nguồn lực nội sinh. Vì vậy, trong đấu tranh cách mạng, Hồ Chí Minh luôn luôn nêu cao khẩu hiệu "tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính", "muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã". Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập.

"Tự giải phóng" là tư tưởng, quan điểm lớn, xuyên suốt của tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong lời kêu gọi gửi tới những người anh em ở các thuộc địa, Người viết: Anh em phải làm thế nào để được giải phóng? Vận dụng công thức của C. Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải

phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em.

Chính vì đánh giá cao sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc mà Hồ Chí Minh đã đi tới luận điểm: Cách mạng thuộc địa không những không phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc mà trong điều kiện lịch sử nhất định, có thể và cần thiết phải chủ động tiến hành trước và bằng thắng lợi của cách mạng thuộc địa mà góp phần "giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn"[1].

Hồ Chí Minh cho rằng, muốn tranh thủ được sức mạnh thời đại, ngoài sức mạnh cần thiết bên trong, còn *phải có đường lối độc lập tự chủ đúng đắn* mới tranh thủ được sức mạnh thời đại. Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta diễn ra trong bối cảnh lịch sử phức tạp, đó là sự chia rẽ của hệ thống xã hội chủ nghĩa, của phong trào cách mạng thế giới. Để tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới, Đảng ta và Hồ Chí Minh đề ra đường lối kết hợp chặt chẽ mục tiêu đấu tranh cho độc lập, thống nhất của dân tộc mình với mục tiêu của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Nêu cao chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa quốc tế, tranh thủ cao nhất sự ủng hộ và giúp đỡ của loài người tiến bộ, nhân dân ta đồng thời tích cực thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình. Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhắc nhở: phải coi cuộc đấu tranh của bạn cũng như cuộc đấu

---

1. *Sđd*, t.1, tr. 36.

tranh của ta... Người cùng một hội, một thuyền phải giúp đỡ lẫn nhau". Người đặc biệt coi trọng xây dựng khối đoàn kết Việt Nam, Lào, Campuchia - ba nước cùng cảnh ngộ thuộc địa trên bán đảo Đông Dương trong cuộc đấu tranh giải phóng đất nước. Trong kháng chiến chống chủ nghĩa đế quốc thực dân, tư tưởng Hồ Chí Minh đã định hướng cho việc *hình thành ba tầng Mặt trận: Mặt trận đại đoàn kết dân tộc; Mặt trận đoàn kết Việt Nam, Lào, Campuchia; Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược*. Đây thực sự là sự phát triển rực rỡ nhất và thắng lợi to lớn nhất của tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh.

Nhờ có sự giúp đỡ của quốc tế, Việt Nam đã giành toàn thắng trong hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, song cũng bằng việc đánh bại thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Việt Nam ta đã góp phần quan trọng làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc, từng bước hạn chế và làm thất bại âm mưu gây chiến tranh thế giới của chúng, góp phần củng cố hòa bình và dân chủ trên thế giới, mở rộng và tăng cường lực lượng cho chủ nghĩa xã hội.

d) Có quan hệ hữu nghị, hợp tác, sẵn sàng "làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ"

Sinh ra và lớn lên ở một nước thuộc địa, phong kiến lạc hậu, bôn ba khắp thế giới đi tìm đường cứu nước, cứu dân, hơn ai hết, Hồ Chí Minh là người thấu hiểu sâu sắc nỗi nhục mất nước của các dân tộc và sự thống khổ của nhân dân lao động tất cả các nước trên thế giới. Vì vậy, trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Hồ Chí Minh luôn luôn

chăm lo xây dựng, vun đắp cho tình hữu nghị, hợp tác và đoàn kết giữa nhân dân các nước theo tinh thần *"bốn phương vô sản đều là anh em"* nhằm tạo nên sức mạnh to lớn cho sự nghiệp cách mạng của các dân tộc.

Những năm bôn ba tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã từng sống, làm việc, hoạt động ở nhiều nước do đó có vinh dự là người đặt cơ sở đầu tiên cho tình hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân nhiều nước trên thế giới. Sau khi nước ta giành được độc lập, Người đã nhiều lần tuyên bố: "Chính sách ngoại giao của Chính phủ thì chỉ có một điều tức là thân thiện với tất cả các nước dân chủ trên thế giới để giữ gìn hòa bình"[1]; "Thái độ nước Việt Nam đối với những nước Á châu là một thái độ anh em, đối với ngũ cường là một thái độ bạn bè"[2]...

Thực hiện quan điểm đối ngoại hòa bình, hữu nghị, Hồ Chí Minh đã thể hiện là một nhà ngoại giao mẫu mực, vừa cứng rắn về nguyên tắc, vừa mềm dẻo về sách lược, "*Dĩ bất biến ứng vạn biến*". Phong cách đối ngoại của Hồ Chí Minh là phong cách ứng xử văn hóa, mà hạt nhân là ứng xử có lý, có tình. Hồ Chí Minh chủ trương giương cao ngọn cờ hòa bình, đoàn kết quốc tế, đồng thời luôn phân biệt rõ bạn, thù của cách mạng, tỉnh táo với mọi âm mưu xấu xa của các thế lực phản động quốc tế, trân trọng mọi sự giúp đỡ, hợp tác chân thành, nhưng cũng kiên quyết đấu tranh chống sự chia rẽ, xâm lược.

Trong Lời kêu gọi gửi tới Liên hợp quốc năm 1946,

---

1. *Sđd*, t.5, tr. 30.
2. *Sđd*, t.5, tr. 136.

Hồ Chí Minh nêu rõ: "Trong chính sách đối ngoại của mình, nhân dân Việt Nam sẽ tuân thủ những nguyên tắc dưới đây:

1. Đối với Lào và Miên, nước Việt Nam tôn trọng nền độc lập của hai nước đó và bày tỏ lòng mong muốn hợp tác trên cơ sở bình đẳng tuyệt đối giữa các nước có chủ quyền.

2. Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực:

a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình.

b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.

c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc.

d) Nước Việt Nam sẵn sàng ký kết với các lực lượng hải quân, lục quân trong khuôn khổ của Liên hợp quốc những hiệp định an ninh đặc biệt và những hiệp ước liên quan đến việc sử dụng một vài căn cứ hải quân và không quân"[1].

Trong quan hệ rộng mở với nhân dân các nước, Hồ Chí Minh đã dành ưu tiên cho mối quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Đối với Lào và Campuchia, những nước trên bán đảo Đông Dương, Hồ Chí Minh luôn có mối quan tâm đặc biệt, ra sức xây dựng quan hệ đoàn kết về mọi mặt nhằm hình thành liên minh chiến đấu chống kẻ thù

---

1. *Sđd*, t.4, tr. 469-470.

chung. Người cũng hết sức coi trọng, thiết lập mối quan hệ hữu nghị, láng giềng với các nước trong khu vực dù có chế độ chính trị khác nhau. Những hoạt động ngoại giao không mệt mỏi của Người đã nâng cao địa vị của Việt Nam trên trường quốc tế, trong phe xã hội chủ nghĩa cũng như trong các nước thuộc thế giới thứ ba. Đồng thời qua đó, Hồ Chí Minh và Đảng, Nhà nước ta đã có những đóng góp tích cực, chủ động vào cuộc đấu tranh bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tăng cường hữu nghị giữa các nước, các dân tộc.

Tóm lại, với trí tuệ của mình, với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, với đức độ khiêm nhường, thái độ thiện chí, Hồ Chí Minh đã vượt qua mọi trở ngại, khó khăn, từ trong những mối quan hệ chồng chéo, phức tạp của thời đại, đề ra được chủ trương, phương châm, phương pháp, đối sách, ứng xử quốc tế đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với mỗi tình hình, mỗi giai đoạn cách mạng. Tư tưởng đó của Hồ Chí Minh đã phát huy được tối đa sức mạnh dân tộc trong sự kết hợp với sức mạnh thời đại để đưa cách mạng Việt Nam từng bước đi tới những thắng lợi như ngày nay và góp phần tích cực, xứng đáng vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

III. PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, KẾT HỢP VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

1. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh

Để thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh

công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đòi hỏi Đảng, Nhà nước phải xây dựng và phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Trong thời gian qua, nhìn chung, khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức được mở rộng hơn, là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế- xã hội, giữ vững ổn định chính trị- xã hội của đất nước. Tuy nhiên, trong khi sự nghiệp đổi mới đang có yêu cầu cao về tập hợp sức mạnh của nhân dân thì việc tập hợp nhân dân vào Mặt trận và các đoàn thể, các tổ chức xã hội còn nhiều hạn chế, nhất là ở khu vực kinh tế tư nhân, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ở một số vùng có đông đồng bào theo đạo, đồng bào dân tộc thiểu số...

Yêu cầu đặt ra trong giai đoạn cách mạng hiện nay là: phải củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Trong tình hình hiện nay, để vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc xây dựng, củng cố, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cần chú ý những vấn đề sau đây:

Một là, phải thấu suốt quan điểm đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, lấy mục tiêu chung của sự nghiệp cách mạng

làm điểm tương đồng, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai.

Ba là, bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân - tập thể - toàn xã hội; thực hiện dân chủ gắn với giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; không ngừng bồi dưỡng, nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tinh thần tự lực tự cường xây dựng đất nước; xem đó là những yếu tố quan trọng để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bốn là, đại đoàn kết là sự nghiệp của cả dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

2. Khơi dậy và phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, nâng cao ý chí tự lực tự cường, giữ vững bản sắc dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế

Từ khi đất nước thống nhất, bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành đổi mới, toàn diện đất nước, Đảng ta đã vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc phù hợp với tình hình mới. Tuy nhiên, trong thực tiễn, việc chuyển sức mạnh đoàn kết dân tộc trong thời kỳ giữ nước sang thời kỳ dựng nước không phải là việc dễ dàng, lịch sử đang đòi hỏi những nỗ lực lớn của

Đảng và Nhà nước ta trong lĩnh vực này. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xu thế hiện nay là hội nhập kinh tế quốc tế, một loạt vấn đề đặt ra mà chúng ta phải chú ý:

- Khơi dậy và phát huy cao độ sức mạnh nội lực, phải xuất phát từ lợi ích dân tộc, từ phát huy nội lực dân tộc mà mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi khả năng có thể tranh thủ được để xây dựng, phát triển đất nước.

- Trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, để khơi dậy và phát huy tối đa nội lực, nâng cao ý chí tự cường dân tộc, trong chính sách đại đoàn kết, phải chú ý phát huy tính năng động của mỗi người, mỗi bộ phận để mọi việc từ lãnh đạo, quản lý, đến sản xuất kinh doanh, học tập và lao động đều có năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao. Đồng thời, phải khắc phục được những tiêu cực của kinh tế thị trường, đặc biệt là tâm lý chạy theo đồng tiền, cạnh tranh không lành mạnh làm phai nhạt truyền thống đoàn kết, tình nghĩa tương thân, tương ái của dân tộc và của Đảng.

- Điều quan trọng để phát huy nội lực dân tộc, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay là phải xây dựng được hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Phải chống các tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn tham nhũng, quan liêu, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, phải biết lắng nghe những ý nguyện chính đáng của nhân dân, phải kịp thời giải quyết những oan ức của nhân dân, làm cho lòng dân được yên. Phải tiếp tục đổi mới chính sách giai cấp, chính sách xã hội, đặc biệt coi trọng việc xây

dựng Mặt trận, đổi mới, hoàn thiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách đối với công nhân, với nông dân, với trí thức, chính sách đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, chính sách đối với các thành phần kinh tế, tập hợp đến mức rộng rãi nhất mọi nhân tài, vật lực vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Trong điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại trong xu thế khu vực hóa, toàn cầu hóa kinh tế ngày càng phát triển, đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tối đa nội lực dân tộc còn đòi hỏi phải củng cố sự đoàn kết với phong trào cách mạng các nước, đồng thời phải nắm vững phương châm ngoại giao mềm dẻo, có nguyên tắc nhằm thực hiện thắng lợi chính sách đối ngoại hiện nay của Đảng và Nhà nước ta là: Việt Nam muốn là bạn và đối tác tin cậy với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

Trong tình hình thế giới hiện nay, đòi hỏi chúng ta phải có những chủ trương đúng đắn, sáng tạo trong việc nắm bắt cơ hội, vượt qua thử thách, đẩy lùi nguy cơ, để vừa nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, vừa giữ vững bản sắc dân tộc, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phát huy bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế, lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh, phải nhất quán coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng thế giới, tiếp tục

đoàn kết, ủng hộ các phong trào cách mạng, các xu hướng và trào lưu tiến bộ của thời đại vì các mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Để nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới, Đảng, Nhà nước ta chủ trương nêu cao nguyên tắc độc lập tự chủ, tự lực tự cường, chủ trương phát huy mạnh mẽ sức mạnh dân tộc- sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, sức mạnh của người làm chủ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, trên cơ sở sức mạnh bên trong mà tranh thủ và tận dụng sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của lực lượng bên ngoài.

CHƯƠNG V

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM; VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

I. NHỮNG LUẬN ĐIỂM CHỦ YẾU CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Đảng cộng sản là nhân tố quyết định hàng đầu đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi

Sức mạnh to lớn của nhân dân chỉ phát huy khi được tập hợp, đoàn kết và được lãnh đạo bởi một tổ chức chính trị là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hồ Chí Minh khẳng định: "Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi"[1], giai cấp mà không có Đảng lãnh đạo thì không làm cách mạng được. Trong cuốn sách *Đường Kách mệnh* xuất bản năm 1927, Hồ Chí Minh viết: "**Cách mệnh trước hết phải có cái gì**? Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận

1. *Sđd*, t. 9, tr. 290.

động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy"[1]. Hồ Chí Minh cho rằng: "Muốn khỏi đi lạc phương hướng, quần chúng phải có Đảng lãnh đạo để nhận rõ *tình hình, đường lối* và định *phương châm* cho đúng.

Cách mạng là cuộc đấu tranh *rất gian khổ.* Lực lượng kẻ địch rất mạnh. Muốn thắng lợi thì quần chúng phải *tổ chức rất chặt chẽ; chí khí* phải kiên quyết. Vì vậy, phải có Đảng để *tổ chức* và *giáo dục* nhân dân thành một *đội quân thật mạnh,* để đánh đổ kẻ địch, tranh lấy chính quyền.

Cách mạng thắng lợi rồi, quần chúng vẫn cần có Đảng lãnh đạo"[2].

Sự ra đời, tồn tại và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam phù hợp với quy luật phát triển của xã hội vì Đảng không có mục đích tự thân, ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, lợi ích của toàn dân tộc Việt Nam, lợi ích của nhân dân tiến bộ trên thế giới, Đảng không có lợi ích nào khác.

Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tính quyết định hàng đầu từ sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam đã được thực tế lịch sử chứng minh, không có một tổ chức chính trị nào có thể thay thế được. Mọi mưu toan nhằm hạ thấp hoặc nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đều xuyên tạc lịch

---

1. *Sđd*, t. 2, tr. 267-268.

2. *Sđd*, t. 7, tr. 228-229.

sử thực tế cách mạng dân tộc ta, trái với mặt lý luận lẫn thực tiễn, đều đi ngược lại xu thế phát triển của xã hội Việt Nam.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước

Đề cập các yếu tố cho sự ra đời của đảng cộng sản, xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của nước Nga và của phong trào công nhân châu Âu, V.I. Lênin nêu lên hai yếu tố, đó là sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân.

Khi đề cập quy luật hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam, bên cạnh hai yếu tố chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào công nhân, Hồ Chí Minh còn kể đến yếu tố thứ ba nữa, đó là phong trào yêu nước. Trong bài *Thường thức chính trị* viết năm 1953, Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng kết hợp phong trào cách mạng Việt Nam với chủ nghĩa Mác-Lênin. Nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập Đảng, Hồ Chí Minh viết bài *Ba mươi năm hoạt động của Đảng,* trong đó chỉ rõ: Chủ nghĩa Mác-Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập *Đảng Cộng sản Đông Dương* vào đầu năm 1930. Đây chính là một quan điểm quan trọng của Hồ Chí Minh về quy luật hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam, là sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trên cơ sở tổng kết thực tiễn Việt Nam.

Hồ Chí Minh thấy rõ vai trò to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với cách mạng Việt Nam và đối với quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, Người cũng đánh giá rất cao vị trí, vai trò lãnh đạo của giai cấp

công nhân Việt Nam trong sắp xếp lực lượng cách mạng. Số lượng giai cấp công nhân Việt Nam tuy ít, nhưng theo Hồ Chí Minh, vai trò lãnh đạo của lực lượng cách mạng không phải do số lượng của lực lượng đó quyết định. Hồ Chí Minh chỉ rõ đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam là: Kiên quyết, triệt để, tập thể, có tổ chức, có kỷ luật. Là giai cấp tiên tiến nhất trong sức sản xuất, gánh trách nhiệm đánh đổ chủ nghĩa tư bản và đế quốc, để xây dựng một xã hội mới, giai cấp công nhân có khả năng thấm nhuần tư tưởng cách mạng nhất - chủ nghĩa Mác - Lênin; đồng thời, tinh thần đấu tranh của họ ảnh hưởng và giáo dục các tầng lớp khác. Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, sở dĩ giai cấp công nhân Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam còn là vì: Giai cấp công nhân có chủ nghĩa Mác - Lênin. Trên nền tảng đấu tranh, họ xây dựng nên Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin... Đảng đề ra chủ trương, đường lối, khẩu hiệu cách mạng, lôi cuốn giai cấp nông dân và tiểu tư sản vào đấu tranh, bồi dưỡng họ thành những phần tử tiên tiến.

Nhưng, tại sao Hồ Chí Minh lại nêu thêm yếu tố phong trào yêu nước, coi nó là một trong ba yếu tố kết hợp dẫn đến việc hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam? Điều này là vì những lý do sau đây:

Một là, phong trào yêu nước có vị trí, vai trò cực kỳ to lớn trong quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Chủ nghĩa yêu nước là giá trị tinh thần trường tồn trong lịch sử dân tộc Việt Nam, có vai trò cực kỳ to lớn và là nhân tố chủ đạo quyết định thắng lợi sự nghiệp chống ngoại xâm của dân tộc ta. Phong trào yêu nước có trước phong trào công nhân.

Chỉ tính riêng trong hơn 80 năm bị thực dân Pháp đô hộ, phong trào yêu nước của nhân dân ta dâng lên mạnh mẽ như những lớp sóng cồn nối tiếp nhau. Phong trào yêu nước liên tục và bền bỉ trong hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước đã kết thành chủ nghĩa yêu nước và nó đã trở thành giá trị văn hóa tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam.

Hai là, phong trào công nhân kết hợp được với phong trào yêu nước bởi vì hai phong trào đó đều có mục tiêu chung. Khi giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và có phong trào đấu tranh, kể cả đấu tranh lúc đầu là đấu tranh kinh tế, và sau này là đấu tranh chính trị, thì phong trào công nhân kết hợp được ngay từ đầu và kết hợp liên tục với phong trào yêu nước. Cơ sở của vấn đề kết hợp ngay từ đầu, liên tục, chặt chẽ giữa hai phong trào này là do xã hội nước ta tồn tại mâu thuẫn cơ bản giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với bọn đế quốc và tay sai. Vì vậy, giữa hai phong trào này đều có một mục tiêu chung, yêu cầu chung: giải phóng dân tộc, làm cho Việt Nam được hoàn toàn độc lập, xây dựng đất nước hùng cường. Hơn nữa, chính bản thân phong trào công nhân, xét về nghĩa nào đó, lại còn mang tính chất của phong trào yêu nước, vì phong trào đấu tranh của công nhân không những chống lại ách áp bức giai cấp mà còn chống lại ách áp bức dân tộc.

Ba là, phong trào nông dân kết hợp với phong trào công nhân. Nói đến phong trào yêu nước Việt Nam, phải kể đến phong trào nông dân. Đầu thế kỷ XX, nông dân Việt Nam chiếm tới khoảng hơn 90% dân số. Giai cấp nông dân là bạn đồng minh tự nhiên của giai cấp công nhân. Đầu thế

kỷ XX, ở Việt Nam, do điều kiện lịch sử chi phối, không có công nhân nhiều đời mà họ xuất thân trực tiếp từ người nông dân nghèo. Do đó, giữa phong trào công nhân và phong trào yêu nước có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân hợp thành quân chủ lực của cách mạng.

Bốn là, phong trào yêu nước của trí thức Việt Nam là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự kết hợp các yếu tố cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Phong trào yêu nước Việt Nam những thập niên đầu thế kỷ XX ghi dấu ấn đậm nét bởi vai trò của trí thức, tuy số lượng không nhiều nhưng lại là những "ngòi nổ" cho các phong trào yêu nước bùng lên chống thực dân Pháp xâm lược và bọn tay sai cũng như thúc đẩy sự canh tân và chấn hưng đất nước. Trong lịch sử Việt Nam, đầu thế kỷ XX, một trong những nét nổi bật nhất là sự bùng phát của các tổ chức yêu nước mà thành viên và những người lãnh đạo tuyệt đại đa số là trí thức. Với một bầu nhiệt huyết, yêu nước, thương nòi, căm giận bọn cướp nước và bọn bán nước, họ rất nhạy cảm với thời cuộc, do vậy, họ chủ động và có cơ hội đón nhận những "luồng gió mới" về tư tưởng của tất cả các trào lưu trên thế giới dội vào Việt Nam.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam

Hồ Chí Minh khẳng định rằng: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, đội tiên phong của giai cấp công nhân, mang bản chất giai cấp công nhân. Trong Sách lược vắn tắt, Hồ Chí Minh viết: "Đảng là đội

tiên phong của vô sản giai cấp"[1] trong *Chương trình vắn tắt của Đảng* Người viết: "Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản"[2], Đảng tập hợp vào hàng ngũ của mình những người tin theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình của Đảng và Quốc tế cộng sản, hăng hái tranh đấu và dám hy sinh, phục tùng mệnh lệnh Đảng và đóng kinh phí, chịu phấn đấu trong một bộ phận Đảng. Hồ Chí Minh khẳng định rõ mục đích của Đảng là "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"[3]. Đảng liên kết với những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới.

Những quan điểm trên đây của Hồ Chí Minh hoàn toàn tuân thủ những quan điểm của V.I.Lênin về xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp vô sản. Nhưng, Hồ Chí Minh còn có một cách thể hiện khác về vấn đề "đảng của ai". Trong *Báo cáo chính trị* đọc tại Đại hội II của Đảng (tháng 2-1951), Hồ Chí Minh nêu rõ: Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam. Năm 1953, Hồ Chí Minh viết: "Đảng Lao động là tổ chức cao nhất của giai cấp cần lao và đại biểu cho lợi ích của cả dân tộc"[4] và "Đảng là đảng của giai cấp lao động, mà cũng là đảng của toàn dân". Năm 1957, Hồ Chí Minh khẳng định lại: Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời cũng là

1, 2, 3. *Sđd*, t. 3, tr. 3, 4.

4. *Sđd*, t. 7, tr. 230.

đội tiên phong của dân tộc. Trong thời kỳ miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội năm 1961, Hồ Chí Minh khẳng định lại: Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư, thiên vị. Năm 1965, Hồ Chí Minh cho rằng: Đảng ta xứng đáng là đội tiên phong, là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Tuy có nhiều cách thể hiện khác nhau như vậy nhưng quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh về bản chất giai cấp của Đảng là *Đảng ta mang bản chất giai cấp công nhân*. Điều này cũng giống như Đảng ta nhiều lần mang những tên gọi khác nhau, có thời kỳ không mang tên Đảng Cộng sản mà mang tên là *Đảng Lao động* nhưng bản chất giai cấp của Đảng chỉ là bản chất giai cấp công nhân. Trong *Báo cáo chính trị* tại Đại hội II, khi nêu lên Đảng ta còn là Đảng của nhân dân lao động và của toàn dân tộc, Hồ Chí Minh cũng nêu lên toàn bộ cơ sở lý luận và các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng mà những nguyên tắc này tuân thủ một cách chặt chẽ học thuyết về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản của V.I.Lênin.

Hồ Chí Minh khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng ta dựa trên cơ sở thấy rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam, tuy có số lượng ít so với dân số nhưng có đầy đủ phẩm chất và năng lực lãnh đạo đất nước thực hiện những mục tiêu của cách mạng. Còn các giai cấp, tầng lớp khác chịu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, trở thành đồng minh của giai cấp công nhân. Nhưng nội dung quy định bản chất giai cấp công nhân không phải chỉ là ở số lượng đảng viên xuất thân từ công nhân mà

là ở nền tảng lý luận và tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin; mục tiêu của Đảng cần đạt tới là chủ nghĩa cộng sản; Đảng tuân thủ một cách nghiêm túc, chặt chẽ những nguyên tắc xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp vô sản. Hồ Chí Minh phê phán những quan điểm không đúng như không đánh giá đúng vai trò to lớn của giai cấp công nhân cũng như quan điểm sai trái chỉ chú trọng công nông mà không thấy rõ vai trò to lớn của các giai cấp, tầng lớp khác.

Bản chất giai cấp của Đảng là bản chất giai cấp công nhân nhưng quan niệm Đảng không những là Đảng của giai cấp công nhân mà còn là Đảng của nhân dân lao động và của toàn dân tộc có ý nghĩa lớn đối với cách mạng Việt Nam. Đảng đại diện cho lợi ích của toàn dân tộc cho nên nhân dân Việt Nam coi Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của chính mình. Trong thành phần của mình, ngoài công nhân, còn có những người ưu tú trong giai cấp nông dân, trí thức và các thành phần khác. Đảng ta cũng đã khẳng định rằng, để bảo đảm và tăng cường bản chất giai cấp công nhân, Đảng luôn luôn gắn bó mật thiết với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc trong tất cả các thời kỳ của cách mạng. Hồ Chí Minh rèn luyện Đảng luôn luôn chú trọng tính thống nhất giữa yếu tố giai cấp và yếu tố dân tộc. Sức mạnh của Đảng không chỉ bắt nguồn từ giai cấp công nhân mà còn bắt nguồn từ các tầng lớp nhân dân lao động khác.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin "làm cốt"

Để đạt mục tiêu cách mạng, Hồ Chí Minh chỉ rõ: phải

dựa vào lý luận cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin. Khi huấn luyện cho cán bộ cách mạng năm 1925-1927, Hồ Chí Minh khẳng định: "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam"[1] và Người khẳng định "chủ nghĩa" ấy là chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong suốt cả cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn luôn coi trọng chủ nghĩa Mác - Lênin; chính chủ nghĩa Mác - Lênin là nguồn gốc cơ bản nhất hình thành tư tưởng của Người. Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin thực sự là "mặt trời soi sáng" cho con đường cách mạng Việt Nam, là "cái cẩm nang thần kỳ" để giải quyết các công việc cho đúng đắn, v.v.. Hồ Chí Minh đã ví chủ nghĩa Mác - Lênin như trí khôn của con người, như bàn chỉ nam định hướng cho con tàu đi là nói lên vai trò cực kỳ quan trọng của lý luận ấy trong tất cả các thời kỳ cách mạng. Với ý nghĩa đó, theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành "cốt", trở thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong việc tiếp nhận và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh lưu ý những điểm sau đây:

Một là: việc học tập, nghiên cứu, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin phải luôn luôn phù hợp với hoàn cảnh và phù hợp với từng đối tượng.

Hai là: việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin phải luôn

---

1. *Sđd*, t. 2, tr. 268.

luôn phù hợp với từng hoàn cảnh. Theo Hồ Chí Minh, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin phải tránh giáo điều, đồng thời chống lại việc xa rời các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Điều này hoàn toàn đúng với căn dặn của chính bản thân C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đối với những người cộng sản trên thế giới khi các ông cho rằng, những quan điểm của các ông chỉ là những phương pháp chỉ dẫn hành động trong thực tế. Năm 1924, Hồ Chí Minh cũng đã nhận xét: "Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại...Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được"[1].

Ba là: Trong quá trình hoạt động, Đảng ta phải chú ý học tập, kế thừa những kinh nghiệm tốt của các đảng cộng sản khác, đồng thời Đảng ta phải tổng kết kinh nghiệm của mình để bổ sung chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết nêu lên những vấn đề cơ bản nhất, trên cơ sở đó mỗi Đảng vận dụng vào hoàn cảnh, điều kiện riêng của mình. Trong quá trình vận dụng đó, mỗi đảng lại giải quyết thành công những vấn đề mới, tổng kết thành những vấn đề lý luận bổ sung và làm giàu thêm nội dung lý luận Mác - Lênin. Chính vì thế mà chúng ta thấy chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết mở, nó luôn luôn được tiếp nhận, được bổ sung, được nạp

1. *Sđd*, t.1, tr. 465.

thêm năng lượng mới từ cuộc sống. Thực tiễn hoạt động của Đảng ta cũng cần có sự tổng kết thường xuyên để bổ sung vào kho tàng lý luận Mác - Lênin. Đây là thái độ và trách nhiệm thường xuyên của Đảng ta.

Bốn là: Đảng ta phải tăng cường đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chú ý chống giáo điều, cơ hội, xét lại chủ nghĩa Mác - Lênin; chống lại những luận điểm sai trái, xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam phải được xây dựng theo những nguyên tắc đảng kiểu mới của giai cấp vô sản

a) Tập trung dân chủ

Đây là nguyên tắc cơ bản trong xây dựng Đảng. Giữa "tập trung" và "dân chủ" có mối quan hệ khăng khít với nhau, đó là hai vế của một nguyên tắc. Hồ Chí Minh viết về mối quan hệ đó như sau: (Tập trung trên nền tảng dân chủ; Dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung.) Hoặc, Người viết: "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người.

Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra *quyền tự do phục tùng chân lý*"[1].

---

1. *Sđd*, t. 8, tr. 216.

b) Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách

Hồ Chí Minh giải thích về tập thể lãnh đạo như sau: "Vì sao cần phải có tập thể lãnh đạo?

Vì một người dù khôn ngoan tài giỏi mấy, dù nhiều kinh nghiệm đến đâu, cũng chỉ trông thấy, chỉ xem xét được một hoặc nhiều mặt của một vấn đề, không thể trông thấy và xem xét tất cả mọi mặt của một vấn đề.

Vì vậy, cần phải có nhiều người. Nhiều người thì nhiều kinh nghiệm. Người thì thấy rõ mặt này, người thì trông thấy rõ mặt khác của vấn đề đó.

Góp kinh nghiệm và sự xem xét của nhiều người, thì vấn đề đó được thấy rõ khắp mọi mặt. Mà có thấy rõ khắp mọi mặt, thì vấn đề ấy mới được giải quyết chu đáo, khỏi sai lầm"[1]. Về cá nhân phụ trách, Hồ Chí Minh cho rằng: "Việc gì đã được đông người bàn bạc kỹ lưỡng rồi, kế hoạch định rõ ràng rồi, thì cần phải giao cho 1 người hoặc một nhóm ít người phụ trách theo kế hoạch đó mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy.

Nếu không có cá nhân phụ trách, thì sẽ sinh cái tệ người này ủy cho người kia, người kia ủy cho người nọ, kết quả là không ai thi hành. Như thế thì việc gì cũng không xong"[2].

Đối với việc thực hiện nguyên tắc này trong công tác xây dựng Đảng, phải chú ý khắc phục tệ độc đoán chuyên quyền, đồng thời phải chống lại cả tình trạng dựa dẫm tập thể, không dám quyết đoán, không dám chịu trách nhiệm.

1, 2. *Sđd*, t. 5, tr. 504, 504-505.

Đây là hiện tượng thường thấy trong công tác hàng ngày, có khi thành tích thì nhận về cá nhân mình, còn khuyết điểm, sai lầm thì đổ lỗi cho tập thể. Không chú ý đến lãnh đạo tập thể thì sẽ bị bao biện, độc đoán, chủ quan, đồng thời không chú ý đến cá nhân phụ trách thì sẽ dẫn đến bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ.

c) Tự phê bình và phê bình

Mục đích của tự phê bình và phê bình là để làm cho phần tốt trong mỗi con người nẩy nở như hoa mùa xuân, làm cho mỗi một tổ chức tốt lên, phần xấu bị mất dần đi, tức là nói đến sự vươn tới chân, thiện, mỹ. Mục đích này được quy định bởi tính tất yếu trong quá trình hoạt động của Đảng ta. Bởi vì, Đảng là một thực thể của xã hội, Đảng bao gồm các tầng lớp xã hội, đội ngũ của Đảng bao gồm những người ưu tú, nhưng trong Đảng cũng không tránh khỏi những khuyết điểm, không phải mọi người đều tốt, mọi việc đều hay, mỗi con người đều có cái thiện và cái ác ở trong lòng. Chính vì vậy mà Hồ Chí Minh cho rằng, thang thuốc tốt nhất là tự phê bình và phê bình.

Thái độ, phương pháp tự phê bình và phê bình được Hồ Chí Minh nêu rõ ở những điểm như: phải tiến hành thường xuyên như người ta rửa mặt hằng ngày; phải thẳng thắn, chân thành, trung thực, không nể nang, không giấu giếm và cũng không thêm bớt khuyết điểm; "phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau".

d) Kỷ luật nghiêm minh, tự giác

Sức mạnh của một tổ chức cộng sản và của mỗi đảng viên còn bắt nguồn từ ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm minh.

tự giác. Tính nghiêm minh của kỷ luật Đảng đòi hỏi tất cả mọi tổ chức đảng, tất cả mọi đảng viên đều phải bình đẳng trước Điều lệ Đảng, trước pháp luật của Nhà nước, trước mọi quyết định của Đảng. Đồng thời, đảng ta là một tổ chức gồm những người tự nguyện phấn đấu cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho nên tự giác là một yêu cầu bắt buộc đối với mọi tổ chức Đảng và đảng viên. Tính nghiêm minh, tự giác đòi hỏi ở đảng viên phải gương mẫu trong cuộc sống, công tác. Uy tín của Đảng bắt nguồn từ sự gương mẫu của mỗi đảng viên trong việc tự giác tuân thủ kỷ luật của Đảng, của Nhà nước, của đoàn thể nhân dân.

đ) Đoàn kết thống nhất trong Đảng

Sự đoàn kết thống nhất của Đảng phải dựa trên cơ sở lý luận của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin; cương lĩnh, điều lệ Đảng; đường lối, quan điểm của Đảng; nghị quyết của tổ chức đảng các cấp. Đồng thời, muốn đoàn kết thống nhất trong Đảng, phải thực hành dân chủ rộng rãi ở trong Đảng, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân và các biểu hiện tiêu cực khác, phải "sống với nhau có tình, có nghĩa". Có đoàn kết tốt thì mới tạo ra cơ sở vững chắc để thống nhất ý chí và hành động, làm cho "Đảng ta tuy đông người nhưng khi tiến đánh chỉ như một người".

6. Tăng cường và củng cố mối quan hệ bền chặt giữa Đảng với dân

Vai trò lãnh đạo của Đảng là do dân ủy thác cho. Đảng lãnh đạo, dân làm chủ. Chính vì thế, Hồ Chí Minh nêu lên luận điểm nổi tiếng trong bản *Di chúc*: Đảng ta *phải xứng*

đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân. Hoặc, trước đó, năm 1951, phát biểu tại buổi lễ ra mắt Đảng Lao động Việt Nam sau khi kết thúc Đại hội II, Hồ Chí Minh nói: Đảng Lao động Việt Nam không sợ kẻ địch nào dù cho chúng hung tợn đến mấy, không sợ nhiệm vụ nào dù nặng nề nguy hiểm đến mấy, nhưng Đảng Lao động Việt Nam sẵn sàng vui vẻ làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành của nhân dân. Đảng sẽ mất vai trò lãnh đạo nếu Đảng xa rời dân, quan liêu, hách dịch với dân.

Hồ Chí Minh nêu lên những yêu cầu về tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng với nhân dân:

Một là, Đảng thường xuyên lắng nghe ý kiến của nhân dân, hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Kiên quyết khắc phục bệnh quan liêu trong tổ chức Đảng và đảng viên.

Hai là, thường xuyên vận động nhân dân tham gia xây dựng Đảng bằng mọi hình thức: bằng việc tích cực thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng; bằng việc đóng góp nhiều ý kiến cho các tổ chức đảng với tinh thần xây dựng; bằng việc giới thiệu những người ưu tú để Đảng xem xét kết nạp vào Đảng; bằng việc kiểm tra, kiểm soát tổ chức Đảng và cán bộ, đảng viên, v.v..

Ba là, Đảng có trách nhiệm nâng cao dân trí. Không thể có một Đảng trí tuệ nếu nền dân trí thấp. Vấn đề này liên quan đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng nói chung và đối với công tác giáo dục - đào tạo nói riêng.

Bốn là, trong quan hệ với dân, Đảng "không được theo đuôi quần chúng". Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*

viết năm 1947, Hồ Chí Minh chia dân ra làm ba hạng: hạng hăng hái, hạng vừa vừa, và hạng kém hoặc ba lớp: có lớp tiên tiến, có lớp chừng chừng, có lớp lạc hậu. Do vậy, Đảng phải có bản lĩnh vững vàng trong việc xử lý các công việc, đưa ra những quyết định đúng đắn vừa nâng cao trình độ giác ngộ cách mạng cho nhân dân, để làm cho nhiều người chuyển hóa thành "hạng hăng hái", "lớp tiên tiến", vừa thực hiện tốt vai trò của mình đối với đất nước.

7. Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn

Đảng ta đóng vai trò lãnh đạo toàn xã hội và trong thực tế mấy chục năm qua đã được nhân dân tin yêu vì "Đảng là đạo đức, là văn minh", tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc. Nhưng Đảng sẽ mất vai trò lãnh đạo toàn xã hội và sẽ không được nhân dân tín nhiệm nữa nếu Đảng yếu kém, không trong sạch, không vững mạnh. Hồ Chí Minh nêu rõ: "Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân"[1]. Do đó, thường xuyên tự đổi mới và tự chỉnh đốn bản thân Đảng là một yêu cầu của chính sự nghiệp cách mạng trong tất cả các thời kỳ. Đây là quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh, là sự quan tâm hàng ngày của Người nhằm giáo dục cho toàn Đảng tinh thần luôn luôn rèn luyện, phấn đấu vì sự tin yêu của nhân dân. Trong những lời cuối cùng để lại cho toàn Đảng, toàn dân,

1. *Sđd*, t.12, tr. 557-558.

Người đã nêu lên những việc phải làm sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi là: "Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên *là chỉnh đốn lại Đảng,* làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi"[1].

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, việc thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng càng phải được đặc biệt chú ý, nó trở thành một quy luật tồn tại và phát triển của Đảng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng trên những vấn đề sau đây:

- Đảng phải luôn luôn vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải luôn luôn xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.

- Đội ngũ đảng viên, cán bộ của Đảng phải là những người toàn tâm, toàn ý phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phải là những người vừa có đức vừa có tài, những người *Giàu sang không thể quyến rũ. Nghèo khó không thể chuyển lay. Uy lực không thể khuất phục*. Đảng viên phải là người luôn luôn giác ngộ cách mạng, đi đầu trong mọi công tác, "đảng viên đi trước, làng nước theo sau", "không được vác mặt quan cách mạng", "không phải cứ dán lên trán hai chữ cộng sản là dân tin, dân yêu, dân kính, dân phục" mà phải bằng hành động thực tế gương mẫu thì dân

1. *Sđd*, t.12, tr. 503.

mới tin, mới yêu, mới kính, mới phục. Đảng viên phải có "Đảng tính", tức là đảng viên hoạt động trong các tổ chức chính quyền, đoàn thể phải thật sự gương mẫu để thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đảng viên phải là những người suốt đời phấn đấu hy sinh cho sự nghiệp của Đảng, của Tổ quốc, đặt quyền lợi của Đảng, của Tổ quốc lên trên hết và trước hết. Đảng viên phải có "đời tư trong sáng", tức là phải có đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh.

- Đảng ta phải luôn luôn chú ý đề phòng và khắc phục những tiêu cực, thoái hóa, biến chất, luôn luôn giữ gìn Đảng trong sạch, vững mạnh.

- Đảng phải tự vươn lên đáp ứng kịp thời yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới. Muốn vậy, Đảng phải chú ý nâng cao tầm trí tuệ, tầm tư tưởng, nâng cao trình độ về mọi mặt.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động

Trong quá trình đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh chú ý khảo cứu lựa chọn ra một kiểu nhà nước mới cho Việt Nam để xây dựng sau khi cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản thành công. Nhà nước đó phải đại biểu quyền lợi "cho số đông người" và Hồ Chí Minh đã chủ trương xây dựng một Nhà nước công nông binh thể hiện trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng* khi thành lập Đảng đầu năm 1930. Trải qua thực tế các

cao trào cách mạng ở Việt Nam, về sau, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng ở Việt Nam một nhà nước Dân chủ Cộng hòa, một nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, nhà nước của dân, do dân, vì dân. Trong bài báo *Dân vận* (năm 1949), Hồ Chí Minh khẳng định: *Nước ta là nước dân chủ*. Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân*. Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*. Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương *do dân cử ra*. Đoàn thể từ Trung ương đến xã *do dân tổ chức nên*. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*.

Quan điểm về nhà nước của dân, do dân, vì dân, chúng ta thấy trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện ở những nội dung cơ bản sau đây:

a) Nhà nước của dân

Quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh là xác lập *tất cả mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân*. Trong 24 năm làm Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã lãnh đạo soạn thảo hai bản Hiến pháp, đó là Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959. Quan điểm trên của Người được thể hiện trong các bản Hiến pháp đó. Chẳng hạn, Hiến pháp năm 1946 nêu rõ: tất cả quyền bính trong nước đều là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo; những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra toàn dân phúc quyết.

Nhân dân lao động làm chủ Nhà nước thì dẫn đến một hệ quả là *nhân dân có quyền kiểm soát Nhà nước,* cử tri

bầu ra các đại biểu, ủy quyền cho các đại biểu đó bàn và quyết định những vấn đề quốc kế dân sinh. Đây thuộc về chế độ dân chủ đại diện bên cạnh chế độ dân chủ trực tiếp. Quyền làm chủ và đồng thời cũng là quyền kiểm soát của nhân dân thể hiện ở chỗ nhân dân có quyền bãi miễn những đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nào nếu những đại biểu đó tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

Hồ Chí Minh đã nêu lên quan điểm *dân là chủ* và *dân làm chủ*. Dân là chủ có nghĩa là xác định vị thế của dân, còn dân làm chủ có nghĩa là xác định quyền, nghĩa vụ của dân. Trong nhà nước của dân, với ý nghĩa đó, người dân được hưởng mọi quyền dân chủ. Bằng thiết chế dân chủ, nhà nước phải có trách nhiệm bảo đảm quyền làm chủ của dân, để cho nhân dân thực thi quyền làm chủ của mình trong hệ thống quyền lực của xã hội. Quyền lực của nhân dân được đặt ở vị trí tối thượng. Điều này có ý nghĩa thực tế nhắc nhở những người lãnh đạo, những đại biểu của nhân dân làm đúng chức trách và vị thế của mình, không phải là đứng trên nhân dân, coi khinh nhân dân, "cậy thế" với dân, "quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân". Một nhà nước như thế là một nhà nước tiến bộ trong bước đường phát triển của nhân loại. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh khai sinh ngày 2-9-1945 chính là Nhà nước tiến bộ chưa từng có trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam bởi vì Nhà nước đó là nhà nước của dân, nhân dân có vai trò quyết định mọi công việc của đất nước.

b) Nhà nước do dân

Nhà nước do dân lập nên, do dân ủng hộ, dân làm chủ.

Chính vì vậy, Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh nhiệm vụ của những người cách mạng là phải làm cho dân hiểu, làm cho dân giác ngộ để nâng cao được trách nhiệm làm chủ, nâng cao được ý thức trách nhiệm chăm lo xây dựng nhà nước của mình. Hồ Chí Minh khẳng định: việc nước là việc chung, mỗi người đều phải có trách nhiệm "ghé vai gánh vác một phần". Quyền lợi, quyền hạn bao giờ cũng đi đôi với trách nhiệm, nghĩa vụ.

c) Nhà nước vì dân

Nhà nước vì dân là một nhà nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu, tất cả đều vì lợi ích của nhân dân, ngoài ra không có bất cứ một lợi ích nào khác. Đó là một nhà nước trong sạch, không có bất kỳ một đặc quyền, đặc lợi nào. Trên tinh thần đó Hồ Chí Minh nhấn mạnh: mọi đường lối, chính sách đều chỉ nhằm đưa lại quyền lợi cho dân; việc gì có lợi cho dân dù nhỏ cũng cố gắng làm, việc gì có hại cho dân dù nhỏ cũng cố gắng tránh. Dân là gốc của nước. Hồ Chí Minh luôn luôn tâm niệm: phải làm cho dân có ăn, phải làm cho dân có mặc, phải làm cho dân có chỗ ở, phải làm cho dân được học hành. Cả cuộc đời Người "chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân". Hồ Chí Minh viết: "khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó. Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, ủy thác cho tôi gánh việc Chính phủ, tôi lo lắng đêm ngày, nhẫn nhục cố gắng - cũng vì mục đích đó"[1]. Một Nhà nước vì dân, theo

1. *Sdd*, t.4, tr. 240.

quan điểm của Hồ Chí Minh, là từ chủ tịch nước đến công chức bình thường đều phải làm công bộc, làm đày tớ cho nhân dân chứ không phải "làm quan cách mạng" để "đè đầu cưỡi cổ nhân dân" như dưới thời đế quốc thực dân. Ngay như chức vụ *Chủ tịch nước* của mình, Hồ Chí Minh cũng quan niệm là do dân *ủy thác cho* và như vậy phải *phục vụ* nhân dân, tức là làm *đày tớ* cho nhân dân. Hồ Chí Minh nói: "Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui... Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh, nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi"[1].

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước

a) Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Nhà nước là một phạm trù lịch sử, nó chỉ ra đời và tồn tại khi giai cấp và đấu tranh giai cấp xuất hiện, do đó, nhà nước là sản phẩm của một xã hội có giai cấp, nó bao giờ cũng mang bản chất một giai cấp nhất định, không có một nhà nước nào là phi giai cấp, không có nhà nước đứng trên giai cấp. Như vậy không phải lịch sử nhân loại xuất hiện

1. *Sđd*, t. 4, tr. 161.

là có nhà nước ngay và nhà nước không phải tồn tại mãi mãi. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước ta được coi là Nhà nước của dân, do dân, vì dân nhưng bản chất giai cấp của Nhà nước ta là *bản chất giai cấp công nhân*. Vì:

Một là, Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Điều này được thể hiện:

- *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân*. Việc xác định bản chất giai cấp công nhân của nhà nước là một vấn đề rất cơ bản của Hiến pháp. Lời nói đầu của bản Hiến pháp năm 1959 khẳng định: Nhà nước ta là Nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo. Trong quan điểm cơ bản xây dựng một Nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, một nhà nước thể hiện tính chất nhân dân rộng rãi, Hồ Chí Minh vẫn nhấn mạnh nòng cốt của nhân dân là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và trí thức do giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

- *Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng phương thức thích hợp*. Nói đến phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là nói đến cách lãnh đạo cho phù hợp với từng thời kỳ. Trong thời kỳ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch nước, đất nước ta phải vừa tiến hành kháng chiến chống giặc ngoại xâm, giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, vừa lãnh đạo nhân dân xây dựng chế độ mới. Do đó, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ta thời kỳ đó không giống với những thời kỳ sau này. Song, trong tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn có những

vấn đề cơ bản về phương thức lãnh đạo của Đảng chung cho các thời kỳ. Đó là:

* Đảng lãnh đạo bằng đường lối, quan điểm, chủ trương để Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật, chính sách, kế hoạch.

* Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan nhà nước.

* Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng công tác kiểm tra.

Hai là, bản chất giai cấp của Nhà nước ta thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển của đất nước. Điều này đã được thể hiện ngay từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới ra đời ngày 2-9-1945 trong bản Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh.

Ba là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ. Hồ Chí Minh rất chú ý đến tính dân chủ trong tổ chức và hoạt động của tất cả bộ máy, cơ quan nhà nước, nhấn mạnh đến việc phát huy cao độ dân chủ, đồng thời phát huy cao độ tập trung. Nhà nước phải tập trung thống nhất quyền lực để tất cả mọi quyền lực vào tay nhân dân.

b) Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc

Hồ Chí Minh là người giải quyết rất thành công mối quan hệ giữa các vấn đề giai cấp - dân tộc trong xây dựng Nhà nước Việt Nam mới. Hồ Chí Minh đã giải quyết hài hòa, thống nhất giữa bản chất giai cấp với tính nhân dân,

tính dân tộc và được biểu hiện rõ trong những quan điểm sau:

- Nhà nước ta ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của rất nhiều thế hệ người Việt Nam từ quá trình dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX dân tộc Việt Nam rơi vào khủng hoảng đường lối cách mạng. Trong cuộc đấu tranh trường kỳ chống thực dân Pháp của dân tộc ta, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của các nhà cách mạng tiền bối rất oanh liệt tô thắm cho truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc nhưng độc lập, tự do cho dân tộc vẫn chưa trở thành hiện thực. Từ ngày 3-2-1930 Đảng ta ra đời thì sự lớn mạnh của giai cấp công nhân với đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam đã vượt qua được tất cả các hạn chế và đã lãnh đạo thắng lợi cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 đấu tranh giành chính quyền, lập nên Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

- Tính thống nhất của nó còn biểu hiện ở chỗ Nhà nước ta bảo vệ lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích của dân tộc làm cơ bản. Bản chất của vấn đề này là ở chỗ, Hồ Chí Minh khẳng định lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của toàn dân tộc là một. Nhà nước ta không những thể hiện ý chí của giai cấp công nhân mà còn thể hiện ý chí của nhân dân và của toàn dân tộc.

- Trong thực tế, Nhà nước ta đã đứng ra làm nhiệm vụ của cả dân tộc giao phó, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất,

độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới. Con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội rồi đi tới chủ nghĩa cộng sản là con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định cũng là sự nghiệp của chính Nhà nước ta.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ

Hồ Chí Minh đã sớm thấy được tầm quan trọng của pháp luật trong quản lý xã hội. Điều này thể hiện trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* do Người ký tên là Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxây (Pháp) năm 1919. Sau này, khi trở thành người đứng đầu Nhà nước Việt Nam mới, Hồ Chí Minh càng quan tâm sâu sắc hơn việc xây dựng và điều hành nhà nước một cách có hiệu quả bằng pháp quyền. Một nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ được Hồ Chí Minh chú ý xây dựng thể hiện trên những điểm sau đây:

a) Xây dựng một Nhà nước hợp hiến

Chỉ một ngày sau khi đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Hồ Chí Minh đã đề nghị tổ chức tổng tuyển cử càng sớm càng tốt để lập Quốc hội rồi từ đó lập ra Chính phủ và các cơ quan, bộ máy chính thức khác của Nhà nước mới.

Cuộc Tổng tuyển cử được tiến hành thắng lợi ngày 6-1-1946 với chế độ phổ thông đầu phiếu và lần đầu tiên trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam cũng như lần đầu tiên ở Đông Nam châu Á, tất cả mọi người dân từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, dân tộc,

đảng phái, tôn giáo... đều đi bỏ phiếu bầu những đại biểu của mình vào trong Quốc hội. Ngày 2 - 3 - 1946, Quốc hội Khóa I đã họp Phiên đầu tiên lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp đầu tiên. Đây chính là Chính phủ có đầy đủ giá trị pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đối nội và đối ngoại ở nước ta.

b) Quản lý nhà nước bằng pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào trong cuộc sống

Quản lý nhà nước là quản lý bằng bộ máy và bằng nhiều biện pháp khác nhau nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng hệ thống luật, trong đó quan trọng bậc nhất là Hiến pháp - đạo luật cơ bản của nước nhà. Các bản Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959 đã để lại dấu ấn đậm nét những quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất, thiết chế và hoạt động của Nhà nước mới. Từ năm 1919, Hồ Chí Minh đã đề cập vấn đề "thần linh pháp quyền" trong đời sống xã hội hiện đại. Có Hiến pháp và pháp luật nhưng không đưa được vào trong cuộc sống thì xã hội cũng sẽ bị rối loạn. Dân chủ đích thực bao giờ cũng đi liền với kỷ cương, phép nước, tức là đi liền với thực thi Hiến pháp và pháp luật. Suốt cả thời kỳ giữ trọng trách Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa để bảo đảm quyền làm chủ thật sự của nhân dân. Chính bản thân Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Người tự giác khép mình vào kỷ luật, vào việc gương mẫu chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

Sống và làm việc theo pháp luật đã trở thành nền nếp, thành thói quen, thành lối ứng xử tự nhiên của Hồ Chí Minh.

"Thần linh pháp quyền" là sức mạnh do con người và vì con người. Do vậy, Hồ Chí Minh bao giờ cũng đòi hỏi mọi người phải hiểu và tuyệt đối chấp hành pháp luật, bất kể người đó giữ cương vị nào. Người cho rằng công tác giáo dục pháp luật cho mọi người, đặc biệt cho thế hệ trẻ, trở nên cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng một nhà nước pháp quyền, bảo đảm mọi quyền và nghĩa vụ công dân được thực thi trong cuộc sống. Trong việc thực thi pháp luật, có quan hệ rất lớn tới trình độ dân trí của nhân dân, vì vậy, Hồ Chí Minh chú trọng tới vấn đề nâng cao dân trí, phát huy tính tích cực chính trị của nhân dân, làm cho nhân dân có ý thức chính trị trong việc tham gia công việc của chính quyền các cấp. Làm tốt nghĩa vụ công dân cũng tức là thực hiện nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước, biết thực hành dân chủ.

c) Tích cực xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của Nhà nước đủ đức và tài

Để xây dựng một Nhà nước pháp quyền vững mạnh, vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức được Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm. Nói một cách tổng quát nhất về yêu cầu đối với đội ngũ này là *vừa có đức vừa có tài, trong đó đức là gốc; đội ngũ này phải được tổ chức hợp lý, có hiệu quả.*

Đi vào những mặt cụ thể, chúng ta thấy Hồ Chí Minh nêu lên những yêu cầu sau đây về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức:

Một là: Tuyệt đối trung thành với cách mạng. Đây là

yêu cầu đầu tiên cần có đối với đội ngũ này. Cán bộ, công chức phải là những người kiên cường bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Nhà nước. Hồ Chí Minh nhấn mạnh lòng trung thành đó phải được thể hiện hàng ngày, hàng giờ, trong mọi lĩnh vực công tác.

Hai là: Hăng hái, thành thạo công việc, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ. Chỉ với lòng nhiệt tình không thôi thì chưa đủ và cùng lắm chỉ phá được cái xấu, cái cũ mà không xây được cái tốt, cái mới. Yêu cầu tối thiểu là đội ngũ này phải hiểu biết công việc của mình, biết quản lý Nhà nước, do vậy, phải được đào tạo và tự mình phải luôn luôn học hỏi. Hồ Chí Minh là người mạnh dạn sử dụng những công chức của chế độ cũ phục vụ cho chính quyền cách mạng và nhiều người trong số họ đã trở thành những người có công lớn đối với chế độ mới, đồng thời Người chú trọng đào tạo, bồi dưỡng những cán bộ, công chức mới. Hồ Chí Minh đã ký nhiều sắc lệnh về công chức, trong đó có những quy định cụ thể về tiêu chuẩn cán bộ tư pháp. Ngay trong thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 76 ban hành *Quy chế công chức* nêu rõ công chức là người giữ một nhiệm vụ cụ thể trong bộ máy nhà nước dưới sự lãnh đạo tối cao của Chính phủ. Sắc lệnh cũng nêu lên cách thức và nội dung thi tuyển để bổ nhiệm vào các ngạch, bậc hành chính trong bộ máy chính quyền.

Ba là: Phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân. Hồ Chí Minh luôn luôn chủ trương xây dựng mối quan hệ bền chặt giữa đội ngũ cán bộ, công chức với nhân dân. Đội ngũ cán bộ, công chức là những người ăn lương từ nguồn ngân sách của Nhà nước mà nguồn ngân sách này do dân đóng

góp. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh nhắc nhở mọi cán bộ, công chức không được lãng phí của công; phải sẵn sàng phục vụ nhân dân, luôn luôn nêu cao đạo đức cách mạng, sẵn sàng hy sinh quyền lợi cá nhân mình cho Tổ quốc, lấy phục vụ cho quyền lợi chính đáng của nhân dân làm mục tiêu cho hoạt động của mình. Đặc biệt, phải chống bệnh tham ô, lãng phí, quan liêu, phải luôn luôn gần dân, hiểu dân và vì dân. Cán bộ, công chức xa dân, quan liêu, hách dịch, cửa quyền...đối với nhân dân đều dẫn đến nguy cơ làm suy yếu Nhà nước, thậm chí làm biến chất Nhà nước ta.

Bốn là: Cán bộ, công chức phải là những người dám phụ trách, dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, nhất là trong những tình huống khó khăn, "thắng không kiêu, bại không nản". Đó là những người có ý thức sẵn sàng làm "công bộc", làm "đày tớ" cho dân, những người cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, làm việc với tinh thần đầy sáng tạo. Hồ Chí Minh đòi hỏi cán bộ, công chức phải luôn luôn tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, luôn luôn "có chí tiến thủ", luôn luôn học tập để nâng cao trình độ về mọi mặt, học ở trường, học ở trong cuộc sống, trong công tác, học ở thầy, học ở bạn; phải thường xuyên tự phê bình và phê bình.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước trong sạch vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

a) Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước

Xây dựng một Nhà nước của dân, do dân, vì dân không bao giờ tách rời với việc làm cho Nhà nước luôn luôn trong sạch, vững mạnh. Điều này luôn luôn thường trực trong

tâm trí và hành động của Hồ Chí Minh. Khi nước nhà vừa giành được độc lập, chính quyền cách mạng còn non trẻ cũng như lúc cách mạng chuyển giai đoạn, Hồ Chí Minh càng chú ý hơn bao giờ hết đến việc bảo đảm cho sự trong sạch, vững mạnh của các cấp chính quyền, bởi vì thường những lúc đó cách mạng đứng trước những thử thách rất gay gắt. Chỉ một tháng sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh gửi thư cho ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng nêu rõ sáu căn bệnh cần đề phòng: trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo. Người nhắc nhở: "Chúng ta không sợ sai lầm, nhưng đã nhận biết sai lầm thì phải ra sức sửa chữa. Vậy nên, ai không phạm những lầm lỗi trên này, thì nên chú ý tránh đi, và gắng sức cho thêm tiến bộ. Ai đã phạm những lầm lỗi trên này, thì phải hết sức sửa chữa; nếu không tự sửa chữa thì Chính phủ sẽ không khoan dung. Vì hạnh phúc của dân tộc, vì lợi ích của nước nhà, mà tôi phải nói. Chúng ta phải ghi sâu những chữ "công bình, chính trực" vào lòng"[1]. Trong quá trình lãnh đạo xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh thường đề cập đến những tiêu cực sau đây và nhắc nhở mọi người đề phòng và khắc phục:

- *Đặc quyền, đặc lợi*. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh đòi hỏi phải tẩy trừ những thói cậy mình là người trong cơ quan chính quyền để cửa quyền, hách dịch với dân, lạm quyền, đồng thời để vơ vét tiền của, lợi dụng chức quyền để làm lợi cho cá nhân mình, làm như thế tức là sa vào chủ nghĩa cá nhân.

---

1. *Sđd*, t.4, tr. 58.

- *Tham ô, lãng phí, quan liêu.* Hồ Chí Minh coi tham ô, lãng phí, quan liêu là "giặc nội xâm", "giặc ở trong lòng", thứ giặc nguy hiểm hơn giặc ngoại xâm. Người phê bình những người "lấy của công dùng vào việc tư, quên cả thanh liêm, đạo đức". Quan điểm của Hồ Chí Minh là: "Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, dù cố ý hay không, cũng là *bạn đồng minh* của thực dân và phong kiến...Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám"[1]. Ngày 27-11-1946, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ với mức từ 5 năm đến 20 năm tù khổ sai và phải nộp phạt gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Ngày 26-1-1946, Hồ Chí Minh ký lệnh nói rõ tội tham ô, trộm cắp của công là tội tử hình. Lãng phí là một căn bệnh mà Hồ Chí Minh lên án gay gắt và chính bản thân Người là tấm gương sáng trong việc tích cực thực hành chống lãng phí trong cuộc sống hàng ngày và trong công việc, vì Người biết quý từng đồng xu, bát gạo do dân đóng góp cho hoạt động của bộ máy nhà nước. Lãng phí ở đây được Hồ Chí Minh xác định là lãng phí sức lao động, lãng phí thời giờ, lãng phí tiền của. Liên quan đến bệnh tham ô, bệnh lãng phí là bệnh quan liêu, một căn bệnh không những có ở cấp Trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện mà còn có ở cả cấp cơ sở. Hồ Chí Minh phê bình những người và các cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không vào sâu vấn đề. Chỉ

---

1. *Sđd*, t.6, tr. 490.

biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, *chứ không kiểm tra đến nơi đến chốn*... thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững...Thế là *bệnh quan liêu* đã ấp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí thì trước mắt phải tẩy sạch bệnh quan liêu.

- *"Tư túng", "chia rẽ", "kiêu ngạo"*. Những hành động này gây mất đoàn kết, gây rối cho công tác. Hồ Chí Minh kịch liệt lên án tệ kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu mình, không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài có đức, nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Quên rằng việc là việc công, chứ không phải việc riêng gì dòng họ của ai. Trong chính quyền, còn chia rẽ, không biết cách làm cho mọi người hòa thuận với nhau, còn có người "bênh vực lớp này, chống lại lớp khác". Ngoài cậy thế, có người còn kiêu ngạo, "tưởng mình ở trong cơ quan Chính phủ là thần thánh rồi...Cử chỉ lúc nào cũng vác mặt quan cách mạng", làm mất uy tín của Chính phủ.

b) Tăng cường pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng

Hồ Chí Minh đã kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa quản lý xã hội bằng pháp luật với phát huy những truyền thống tốt đẹp trong đời sống cộng đồng người Việt Nam được hình thành qua hàng nghìn năm lịch sử. Trong việc thực thi quyền hạn và trách nhiệm của mình với cương vị là Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh bao giờ cũng thể hiện là một người sáng suốt, thống nhất hài hòa giữa lý trí và tình cảm, nghiêm khắc, bao dung, nhân ái nhưng không

bao che cho những sai lầm, khuyết điểm của bất cứ ai. Kỷ cương, phép nước thời nào cũng cần và đều phải được áp dụng cho bất cứ ai. Do đó, Hồ Chí Minh yêu cầu pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh dùng sức mạnh uy tín của mình để cảm hóa những người có lỗi lầm, kéo họ đi với cách mạng, giáo dục những người mắc khuyết điểm để họ tránh phạm pháp. Dưới ngọn cờ đại nghĩa, bao dung của Hồ Chí Minh, nhiều người vốn rất mặc cảm với cách mạng đã không "sẩy chân" phạm pháp hoặc không đi theo kẻ địch.

III. XÂY DỰNG ĐẢNG VỮNG MẠNH, XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC NGANG TẦM NHIỆM VỤ CỦA GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Chú trọng hơn nữa xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc *xây dựng Đảng về chính trị* trước hết đòi hỏi Đảng ta phải đề ra được đường lối cách mạng đúng đắn, đồng thời tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối đó ở tất cả các cấp, các ngành. Một trong những nguy cơ lớn nhất đối với Đảng Cộng sản là sai lầm về đường lối. Ở đây, sai một ly, đi một dặm. Cần chống nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa không chỉ ở đường lối mà ngay cả trong quá trình thực hiện đường lối đó.

Đường lối của Đảng phải được xây dựng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng

sáng tạo vào điều kiện cụ thể ở từng thời kỳ. Đường lối ấy phải dựa vào thực tế, có khả năng thực thi, đáp ứng được đòi hỏi của sự phát triển của đất nước. Trong quá trình thực hiện đường lối, Đảng phải tổng kết thực tiễn, nắm bắt xu thế của thời đại, nắm được sự biến động của tình hình trong nước và quốc tế để kịp thời bổ sung, phát triển đường lối. Sự kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa là một thước đo quan trọng nhất tính đúng đắn của đường lối, đồng thời, trong bối cảnh toàn cầu hóa phải tính đến những đặc điểm mới để đưa ra những quyết sách mới nhằm thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững, biến đất nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc *xây dựng Đảng về tư tưởng* đòi hỏi phải giáo dục, rèn luyện đảng viên kiên định lập trường tư tưởng, kiên định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, không hoang mang, dao động trước mọi diễn biến phức tạp, luôn luôn đi theo con đường mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Hồ Chí Minh luôn luôn mong muốn Đảng ta trở thành một khối thống nhất về tư tưởng và hành động. Hiện nay, đất nước đang đứng trước thử thách nghiệt ngã. Chúng ta đã rửa được nỗi nhục mất nước. Hiện nay, nỗi nhục nghèo nàn và lạc hậu cũng đang là vấn đề bức xúc cần được giải quyết. Trong cuộc chiến đấu gian khổ chống lại những gì cũ kỹ, hư hỏng, chống lại nghèo nàn và lạc hậu, thì sự nhất trí về tư tưởng để đi đến nhất trí trong hành động càng có ý nghĩa quyết định. Lòng tin vào Đảng, vào chế độ xã hội chủ nghĩa là thước đo lớn nhất đối với việc xây dựng Đảng về tư tưởng.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc *xây dựng Đảng về tổ chức* đòi hỏi Đảng ta phải luôn luôn chú trọng kiện toàn các tổ chức của mình, làm cho Đảng có sức mạnh vô địch. Đảng mạnh là do tổ chức của Đảng từ Trung ương đến cơ sở, đến chi bộ mạnh. Các tổ chức đảng luôn luôn phải trong sạch, vững mạnh. Cán bộ, đảng viên luôn luôn trau dồi đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh, chống chủ nghĩa cá nhân, chống tham nhũng và các tiêu cực khác. Những điều căn dặn của Hồ Chí Minh trong *Di chúc* khi nói về Đảng vẫn còn có giá trị lớn trong công tác xây dựng Đảng thời kỳ đổi mới hiện nay.

2. Xây dựng Nhà nước ngang tầm nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới

a) Nhà nước bảo đảm quyền làm chủ thật sự của nhân dân

Quyền làm chủ thật sự của nhân dân chính là một nội dung cơ bản trong yêu cầu xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước đòi hỏi phải chú trọng bảo đảm và phát huy quyền làm chủ thật sự của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong vấn đề này, việc mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa quan trọng. Chính vì vậy, quyền làm chủ của nhân dân phải được thể chế hóa bằng Hiến pháp và pháp luật, đưa Hiến pháp và pháp luật vào trong cuộc sống. Cần chú ý đến việc bảo đảm cho mọi người được bình đẳng trước pháp luật, xử phạt nghiêm minh mọi hành động vi phạm pháp luật, bất kể sự vi phạm đó do tập thể hoặc cá nhân nào gây ra. Có

như vậy dân mới tin và mới bảo đảm được tính chất nhân dân của Nhà nước ta.

Để phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, ngoài vấn đề thực thi nghiêm chỉnh pháp luật, còn cần chú ý tới thực hiện những quy tắc dân chủ trong các cộng đồng dân cư, tùy theo điều kiện của từng vùng, miễn là các quy tắc đó không trái với những quy định của pháp luật. Theo đó, cần thực hiện tốt các Quy chế dân chủ ở cơ sở đã được Chính phủ ban hành.

b) Kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về lĩnh vực này đòi hỏi phải chú trọng cải cách và xây dựng, kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước, bảo đảm một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh. Muốn vậy, phải đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng dân chủ, trong sạch, vững mạnh, phục vụ đắc lực và có hiệu quả đối với nhân dân. Kiên quyết khắc phục quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà, sách nhiễu, tham nhũng, bộ máy cồng kềnh, kém hiệu lực, một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức sa sút phẩm chất đạo đức cách mạng, năng lực thực hành nhiệm vụ công chức kém cỏi.

Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện hiện nay còn cần chú ý cải cách các thủ tục hành chính; đề cao trách nhiệm trong việc giải quyết các khiếu kiện của công dân theo đúng những quy định của pháp luật; tiêu chuẩn hóa cũng như sắp xếp lại đội ngũ công chức, xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức vừa có đức, vừa có tài, tinh thông chuyên môn, nghiệp vụ. Nguồn lực đội ngũ công chức

yếu thì không thể nói đến một nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân mạnh được. Do vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức phải được đặt lên hàng đầu và phải được tiến hành thường xuyên, bảo đảm chất lượng. Theo đó, hệ thống các trường trong cả nước, nhất là các trường đại học, cao đẳng, các trường dạy nghề, đặc biệt là các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên ngành tư pháp phải được đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo.

c) Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước

Công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng tất yếu gắn liền với tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đây là trách nhiệm cực kỳ quan trọng của Đảng với tư cách là Đảng cầm quyền. Trong giai đoạn hiện nay, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước thể hiện ở những nội dung như: lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và phát huy vai trò quản lý của Nhà nước; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước: lãnh đạo bằng đường lối, bằng tổ chức, bộ máy của Đảng trong các cơ quan Nhà nước, bằng vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên hoạt động trong bộ máy nhà nước, bằng công tác kiểm tra, Đảng không làm thay công việc quản lý của Nhà nước. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ trong hệ thống chính trị trên cơ sở bảo đảm chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà nước theo luật định. Bản chất, tính chất của Nhà nước ta gắn liền với vai trò, trách nhiệm của Đảng

cầm quyền, do đó, đến lượt Đảng, một tiền đề tất yếu được đặt ra là sự trong sạch, vững mạnh của Đảng Cộng sản Việt Nam chính là yếu tố quyết định cho thành công của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

CHƯƠNG VI

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC, NHÂN VĂN, VĂN HÓA

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Quan điểm về vai trò của đạo đức cách mạng

Theo Hồ Chí Minh, muốn thực hiện thành công sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa - cuộc cách mạng sâu sắc nhất, triệt để nhất, toàn diện nhất, chúng ta phải đem hết tinh thần và lực lượng ra phấn đấu; phải tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng.

Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm đến vấn đề đạo đức và giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Một trong những bài giảng đầu tiên cho lớp thanh niên trí thức yêu nước đầu tiên của Việt Nam từ những năm 1920 là bài giảng về *"tư cách của một người cách mạng"*. Đến khi viết *Di chúc*, Người vẫn dành một phần trang trọng để bàn về vấn đề đạo đức, yêu cầu mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, Đảng phải quan tâm chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho đoàn viên và thanh niên, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên".

Hồ Chí Minh xem xét đạo đức trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn. Về mặt lý luận, Người để lại cho chúng ta một hệ thống quan điểm sâu sắc và toàn diện về đạo đức. Về thực tiễn, Người luôn coi thực hành đạo đức là một mặt không thể thiếu của cán bộ, đảng viên. Cũng như V.I. Lênin, Hồ Chí Minh đào tạo các chiến sĩ cách mạng không chỉ bằng chiến lược, sách lược mà còn bằng chính tấm gương đạo đức trong sáng của mình.

Khi đánh giá vai trò của đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh coi đạo đức là *nền tảng* của người cách mạng, cũng giống như *gốc* của cây, *ngọn nguồn* của sông suối. Người viết: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì"[1]. Người so sánh: "Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang"[2].

---

1. *Sđd*, t. 5, tr. 252 - 253.

2. *Sđd*, t. 9, tr. 283.

Đạo đức là gốc, là nền tảng vì liên quan tới Đảng cầm quyền. Hồ Chí Minh trăn trở với nguy cơ của Đảng cầm quyền, đó là sự sai lầm về đường lối và suy thoái về đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Đảng cầm quyền, lãnh đạo toàn xã hội, lãnh đạo Nhà nước, nếu cán bộ, đảng viên của Đảng không tu dưỡng về đạo đức cách mạng thì mặt trái của quyền lực có thể làm tha hóa con người. Vì vậy, Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng phải "là đạo đức, là văn minh". Người thường nhắc lại ý của Lênin: Đảng Cộng sản phải tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc và thời đại. Người nói, cán bộ, đảng viên muốn cho dân tin, dân yêu, dân phục thì không phải "viết lên trán chữ cộng sản là được quần chúng yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách đạo đức".

Vai trò của đạo đức cách mạng còn thể hiện ở chỗ đó là thước đo lòng cao thượng của con người. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, mỗi người có công việc, tài năng, vị trí khác nhau, người làm việc to, người làm việc nhỏ, nhưng *ai giữ được đạo đức cách mạng đều là người cao thượng.*

Là một hình thái ý thức xã hội, đạo đức không phải một chiều phụ thuộc vào tồn tại xã hội, vào những điều kiện vật chất kinh tế. Nó có khả năng tác động tích cực trở lại, cải biến tồn tại xã hội. Giá trị đạo đức tinh thần một khi được con người tiếp nhận sẽ biến thành một sức mạnh vật chất.

Có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn gian khổ, thất bại cũng không lùi bước, chán nản...; khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ tinh thần khiêm tốn, "lo

trước thiên hạ, vui sau thiên hạ", không kèn cựa về mặt hưởng thụ, không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo, v.v..

Đạo đức là cái gốc của người cách mạng, nhưng phải nhận thức đức và tài có mối quan hệ mật thiết với nhau. Có đức phải có tài, nếu không sẽ không mang lại lợi ích gì mà còn có hại cho dân. Mặt khác, phải thấy trong đức có tài. Tài càng lớn thì đức phải càng cao, vì đức - tài là nhằm phục vụ nhân dân và đưa cách mạng đến thắng lợi.

2. Những phẩm chất đạo đức cơ bản của con người Việt Nam trong thời đại mới

a) Trung với nước, hiếu với dân

"Trung" và "hiếu" vốn là những khái niệm đạo đức cũ chứa đựng nội dung hạn hẹp: "Trung với vua, hiếu với cha mẹ", phản ánh bổn phận, trách nhiệm của dân đối với vua, con đối với cha mẹ.

Hồ Chí Minh đưa vào khái niệm cũ một nội dung mới, mang tính cách mạng, đó là *trung với nước, hiếu với dân*. Đây là chuẩn mực đạo đức có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Từ chỗ trung với vua, hiếu với cha mẹ đến trung với nước, hiếu với dân là một cuộc cách mạng trong quan niệm về đạo đức. Hồ Chí Minh đã lật ngược quan niệm đạo đức cũ, đạo đức Nho giáo, xây dựng đạo đức mới "như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngửng lên trời".

Theo quan điểm Hồ Chí Minh, nước là nước của dân và dân là người chủ của nước. Vì vậy, "trung với nước, hiếu

với dân" là thể hiện trách nhiệm với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, với con đường đi lên và phát triển của đất nước.

Nội dung chủ yếu của trung với nước là:

- Trong mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng và xã hội, phải biết đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc, của cách mạng lên trên hết, trước hết.

- Quyết tâm phấn đấu thực hiện mục tiêu cách mạng.

- Thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Nội dung chủ yếu của hiếu với dân là:

- Khẳng định vai trò sức mạnh thực sự của nhân dân.

- Tin dân, học dân, lắng nghe ý kiến của dân, gắn bó mật thiết với dân, tổ chức, vận động nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

b) Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là những khái niệm đạo đức cũ, được Hồ Chí Minh tiếp thu, chọn lọc, đưa vào những yêu cầu và nội dung mới. Người chỉ ra rằng: phong kiến nêu ra cần, kiệm, liêm, chính nhưng không thực hiện; ngày nay, ta đề ra cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo để lợi cho nước, cho dân. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là một biểu hiện sinh động của phẩm chất "trung với nước hiếu với dân".

Cần tức là siêng năng, chăm chỉ, cố gắng, dẻo dai. *Kiệm* là tiết kiệm vật tư, tiền bạc, của cải, thời gian, không xa xỉ, không hoang phí. *Liêm* là trong sạch, không tham lam tiền của, địa vị, danh tiếng. *Chính* là không tà, là thẳng thắn, đứng đắn. Các đức tính đó có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Cần mà không kiệm giống như một chiếc thùng không đáy. Kiệm mà không cần thì lấy gì mà kiệm. Cần, kiệm, liêm là gốc rễ của chính. Nhưng một cây cần có gốc rễ, lại cần có cành, lá, hoa, quả mới là hoàn chỉnh.

Cần, kiệm, liêm, chính cần thiết đối với tất cả mọi người. Hồ Chí Minh viết:

"Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông
Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc
Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính
Thiếu một mùa, thì không thành trời
Thiếu một phương, thì không thành đất.
Thiếu một đức, thì không thành người"[1]

Cần, kiệm, liêm, chính càng cần thiết đối với cán bộ, đảng viên. Bởi vì, nếu cán bộ, đảng viên mắc sai lầm, khuyết điểm thì sẽ ảnh hưởng đến nhiệm vụ chung của cách mạng, ảnh hưởng đến uy tín của Đảng. Mặt khác, những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hành. Nếu không giữ đúng cần, kiệm, liêm, chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân.

Cần, kiệm, liêm, chính còn là thước đo sự giàu có về vật

---

1. *Sđd*, t.5, tr. 631.

chất, vững mạnh về tinh thần, sự văn minh tiến bộ của một dân tộc. Cần, kiệm, liêm, chính là nền tảng của đời sống mới, nền tảng của thi đua yêu nước; là cái cần để làm việc, làm người, làm cán bộ, để phụng sự Đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại.

Chí công vô tư là không nghĩ đến mình trước, chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào; là đặt lợi ích của cách mạng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Thực hành chí công vô tư cũng có nghĩa là phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng.

Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa cá nhân là chỉ muốn "mọi người vì mình" mà không biết "mình vì mọi người". Nó là một thứ giặc nội xâm, còn nguy hiểm hơn cả giặc ngoại xâm. Nó là bạn đồng minh của chủ nghĩa đế quốc và thói quen truyền thống lạc hậu. Chủ nghĩa cá nhân là một thứ vi trùng rất độc, đẻ ra hàng trăm thứ bệnh nguy hiểm, như quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí, xa hoa, tham danh trục lợi, thích địa vị, quyền hành, tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán chuyên quyền... Tóm lại, "chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng tiểu tư sản còn ẩn nấp trong mình mỗi người chúng ta. Nó chờ dịp - hoặc dịp thất bại, hoặc dịp thắng lợi - để ngóc đầu dậy". Chủ nghĩa cá nhân là mối nguy hại cho cá nhân con người, cho một đảng và cả dân tộc. Hồ Chí Minh viết: "Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa

vào chủ nghĩa cá nhân"[1]. Chủ nghĩa cá nhân là một trở ngại lớn cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân.

Tuy nhiên, cần có nhận thức đúng đắn đâu là chủ nghĩa cá nhân, đâu là lợi ích cá nhân. Hồ Chí Minh cho rằng: đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là giày xéo lên lợi ích cá nhân. Mỗi người đều có cá tính riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và của gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể thì không phải là xấu. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, chỉ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống của riêng mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình.

c) Thương yêu con người

Xuất phát từ nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, đặc biệt là từ thực tiễn đấu tranh cách mạng của các dân tộc, Hồ Chí Minh cho rằng, trên đời này có nhiều người, nhiều công việc, nhưng có thể chia thành hai hạng người: người thiện và người ác, và hai thứ việc: việc chính và việc tà. Làm việc chính là người thiện, làm việc tà là người ác. Từ đó, Người kết luận: những người bị áp bức, bị bóc lột, những người làm điều thiện thì dù màu da, tiếng nói, chủng tộc, tôn giáo có khác nhau, vẫn có thể thực hành chữ "bác ái", vẫn có thể đại đoàn kết, đại hòa hợp, coi nhau như anh em một nhà.

---

1. *Sdd*. t.12, tr. 557-558.

Tình thương yêu con người ở Hồ Chí Minh không chung chung, trừu tượng kiểu tôn giáo, mà luôn luôn được nhận thức và giải quyết trên lập trường của giai cấp vô sản, dành cho các dân tộc và con người bị áp bức, đau khổ.

Hồ Chí Minh thương yêu con người với một tình cảm sâu sắc, vừa bao la rộng lớn, vừa gần gũi thân thương đối với từng số phận con người. Hồ Chí Minh luôn sống giữa cuộc đời và không có cái gì thuộc về con người đối với Hồ Chí Minh lại là xa lạ. Người quan tâm đến tư tưởng, công tác, đời sống của từng người, việc ăn, việc mặc, ở, học hành, giải trí của mỗi người dân, không quên, không sót một ai, từ những người bạn thuở hàn vi, đến những người quen mới. Tình thương yêu con người ở Hồ Chí Minh luôn gắn liền với hành động cụ thể, phấn đấu vì độc lập của Tổ quốc, tự do hạnh phúc cho con người.

d) Tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự thống nhất, hòa quyện giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Chủ nghĩa quốc tế là một trong những đặc điểm quan trọng nhất của đạo đức cộng sản chủ nghĩa. Nó bắt nguồn từ bản chất quốc tế của giai cấp công nhân và của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Nội dung chủ nghĩa quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rộng lớn và sâu sắc. Đó là sự tôn trọng và thương yêu tất cả các dân tộc, nhân dân các nước, chống sự hằn thù, bất bình đẳng dân tộc và sự phân biệt chủng tộc. Người khẳng định: bốn phương vô sản đều là anh em; giúp

bạn là giúp mình; thắng lợi của mình cũng là thắng lợi của nhân dân thế giới. Người đã góp phần to lớn, có hiệu quả xây đắp tình đoàn kết quốc tế, tạo ra một kiểu quan hệ quốc tế mới: đối thoại thay cho đối đầu, kiến tạo một nền văn hóa hòa bình trên thế giới.

3. Những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới

Nói tới tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức phải chú ý tới con đường và phương pháp hình thành đạo đức mới, đạo đức cách mạng. Đặc điểm và quy luật hình thành tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh cho thấy một số nguyên tắc cơ bản xây dựng đạo đức mới sau đây:

a) Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức

Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng tuyệt vời về nói đi đôi với làm. Người quan tâm đặc biệt, hàng đầu tới vấn đề đạo đức. Người để lại nhiều bài viết, bài nói về đạo đức và quan trọng hơn là Người thực hiện trước hết, nhiều nhất những tư tưởng ấy. Ngay trong quá trình chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản, bàn về tư cách một người cách mệnh, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ "nói thì phải làm". Người còn làm nhiều hơn những điều Người nói, kể cả việc làm mà không nói. Mỗi việc làm, mỗi hành vi của Người đều tiềm ẩn những tư tưởng đạo đức sáng ngời. Đây là một bài học quý giá cho mỗi chúng ta muốn tìm hiểu những tầng sâu bản chất của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức thì không chỉ dừng lại ở những bài viết, bài nói, mà phải khám phá những hành vi đạo đức của Người, nghiên cứu những bài nói, bài viết của bạn bè quốc tế, những học trò của Người.

Tại sao nói phải đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức?

Đạo đức cách mạng là đạo đức luôn được nhận thức và giải quyết trên lập trường của giai cấp công nhân, phục vụ lợi ích của cách mạng. Điều này phân biệt một cách rạch ròi với thói đạo đức giả, đạo đức của giai cấp bóc lột với những đặc trưng bản chất là nói nhiều, làm ít, nói mà không làm, nói một đằng, làm một nẻo, đem lại lợi ích không phải cho quần chúng nhân dân lao động, mà cho thiểu số những kẻ bóc lột.

Nói đi đôi với làm còn nhằm chống thói đạo đức giả. Sáu mươi năm qua, từ khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đến nay, nơi này, nơi khác, trên những mức độ khác nhau ở cán bộ, đảng viên ta vẫn còn tồn tại hiện tượng nói không đi đôi với làm. Điều này sẽ dẫn tới nguy cơ làm mất lòng tin của dân đối với Đảng và chế độ mới. Ngay từ tháng 10 năm 1945, Hồ Chí Minh đã nói tới những kẻ "vác mặt làm quan cách mạng". Sau này, trong nhiều lần bàn tới việc cần tẩy sạch bệnh quan liêu, mệnh lệnh, Người chỉ rõ: "Miệng thì nói dân chủ, nhưng làm việc thì họ theo lối "quan" chủ. Miệng thì nói "phụng sự quần chúng", nhưng họ làm trái ngược với lợi ích quần chúng, trái ngược với phương châm và chính sách của Đảng và Chính phủ"[1].

Nêu gương đạo đức, nói đi đôi với làm là một nét đẹp của văn hóa phương Đông. Hồ Chí Minh chỉ ra rằng: "Nói

1. *Sđd*, t.6, tr. 292-293.

chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền"[1]. Noi theo tấm gương của V.I. Lênin, Hồ Chí Minh cũng đào tạo các thế hệ cách mạng người Việt Nam không chỉ bằng lý luận cách mạng, mà bằng chính tấm gương đạo đức cao cả.

Theo Hồ Chí Minh hơn bất kỳ một lĩnh vực nào khác, trong lĩnh vực đạo đức đặc biệt phải chú trọng "đạo làm gương". Làm gương có nhiều cấp độ, phạm vi và hệ quy chiếu khác nhau. Ở đâu cũng có người tốt, việc tốt. Giai đoạn cách mạng nào cũng cần có nhiều tấm gương. Tùy theo nhiệm vụ và tình hình cụ thể mà tấm gương đó được biểu hiện ở những mặt nào, trong chiến đấu, lao động, học tập, cuộc sống đời thường trong gia đình, ngoài xã hội... Việc bồi dưỡng, nêu gương "người tốt, việc tốt" là rất quan trọng và cần thiết, không được xem thường. Nhiều giọt nước hợp lại mới thành suối, thành sông, thành biển cả. Không nhận thức được điều đó là "chỉ thấy ngọn mà quên mất gốc". Xây dựng đạo đức mới, nêu gương đạo đức phải rất chú trọng tính chất phổ biến, rộng khắp, vững chắc của toàn xã hội và những hạt nhân "người tốt, việc tốt" tiêu biểu.

b) Xây đi đôi với chống, phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi

Làm cách mạng là quá trình kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống. Xây dựng đạo đức mới lại càng phải quan tâm

---

1. *Sđd*, t.1, tr. 263.

điều này. Bởi vì trong Đảng và mỗi con người, vì những lý do khác nhau, nên không phải "người người đều tốt, việc việc đều hay". "Mỗi con người đều có cái thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng"[1]. Mặt khác, con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội là cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, cuộc chiến đấu khổng lồ. Trong cuộc chiến đấu đó, có nhiều kẻ địch nhưng thường có ba loại: *chủ nghĩa tư bản* và *bọn đế quốc* là kẻ địch rất nguy hiểm; *thói quen và truyền thống lạc hậu* cũng là kẻ địch to, nó ngấm ngầm ngăn trở cách mạng tiến bộ; loại địch thứ ba là *chủ nghĩa cá nhân*, tư tưởng tiểu tư sản còn ẩn nấp trong mình mỗi người chúng ta; nó chờ dịp - hoặc dịp thất bại, hoặc dịp thắng lợi - để ngóc đầu dậy; nó là bạn đồng minh của hai kẻ địch kia.

Nhận thức như vậy để thấy rằng "*đạo đức cách mạng* là vô luận trong hoàn cảnh nào, cũng phải quyết tâm đấu tranh, chống mọi kẻ địch, luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, quyết không chịu khuất phục, không chịu cúi đầu. Có như thế mới thắng được địch và thực hiện được nhiệm vụ cách mạng"[2]. Đối với từng người, Hồ Chí Minh yêu cầu trước hết phải đánh thắng lòng tà là kẻ thù trong mình, không hiếu danh, không kiêu ngạo, ít lòng tham muốn về vật chất, vị công vong tư...

Chống và xử lý nghiêm là nhằm xây, đi liền với xây và

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr. 558.

2. *Sđd*, t.9, tr. 287.

muốn xây thì phải chống. Mục đích cuối cùng là xây dựng con người có đạo đức và nền đạo đức mới Việt Nam. Vì vậy, phải xác định đây là nhiệm vụ chủ yếu và lâu dài.

Xây là giáo dục những phẩm chất đạo đức mới, đạo đức cách mạng cho con người Việt Nam trong thời đại mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Tất nhiên, giáo dục đạo đức phải phù hợp với lứa tuổi, ngành nghề, giai cấp, tầng lớp và trong từng môi trường khác nhau. Đồng thời, phải chú ý tới hoàn cảnh, nhiệm vụ từng giai đoạn cách mạng. Xa rời thực tiễn và khư khư giữ lấy những nội dung cũ khi thực tiễn đã vượt qua đều không phù hợp với quan điểm xây dựng đạo đức của Hồ Chí Minh.

Xây dựng đạo đức có nhiều cách làm. Trước hết mỗi người và tổ chức phải có ý thức tự giác trau dồi đạo đức cách mạng. Bản thân sự tự giác cũng là phẩm chất đạo đức quý đối với từng người và tổ chức. Điều này càng cần thiết và có ý nghĩa to lớn đối với Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên. Bởi vì: "Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính"[1].

Xây đi đôi với chống trên cơ sở tự giáo dục, đồng thời phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi. Điều này thuộc quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Bởi vì chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của quần chúng nhân dân

---

1. *Sđd*, t.5, tr. 261.

tự xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh cũng viết rõ điều này: Để chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng và tạo ra những cái mới mẻ tốt tươi, cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh đã luôn phát động phong trào quần chúng rộng rãi và đem lại những hiệu quả thiết thực. Đó là phong trào thi đua tăng gia sản xuất thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu; cuộc vận động "3 xây, 3 chống": nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế - tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu.

c) Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời

Tu dưỡng đạo đức là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc và văn hóa phương Đông. Hồ Chí Minh đã nói về ưu điểm của Khổng Tử là "vấn đề tu dưỡng đạo đức cá nhân". Quan điểm của Khổng Tử là "chính tâm, tu thân". Có "tu thân" mới làm được những việc lớn khác như "trị quốc, bình thiên hạ". Hồ Chí Minh nói: "Chúng ta phải nhớ câu "Chính tâm, tu thân" để "trị quốc bình thiên hạ". Chính tâm tu thân tức là cải tạo. Cải tạo cũng phải trường kỳ gian khổ, vì đó là một cuộc cách mạng trong bản thân của mỗi người. Bồi dưỡng tư tưởng mới để đánh thắng tư tưởng cũ, đoạn tuyệt với con người cũ để trở thành con người mới không phải là một việc dễ dàng... Dù khó khăn gian khổ, nhưng muốn cải tạo thì nhất định thành công"[1].

---

1. *Sđd*, t.7, tr. 148.

Đạo đức cách mạng, đạo đức mới khác đạo đức cũ ở chỗ nó gắn với thực tiễn cách mạng và phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Vì vậy, việc rèn luyện, tu dưỡng bền bỉ suốt đời phải như công việc rửa mặt hàng ngày là một trong những yêu cầu có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Hồ Chí Minh viết: "Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong.

Có gì sung sướng vẻ vang hơn là trau dồi đạo đức cách mạng để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng loài người"[1]. Vì vậy, Người đòi hỏi "gian nan rèn luyện mới thành công". "Kiên trì và nhẫn nại... Không nao núng tinh thần".

Cái ác luôn ẩn nấp trong mỗi người. Vì vậy, không được sao nhãng việc tu dưỡng, mà phải rèn luyện suốt đời, bền bỉ. Đặc biệt trong thời kỳ hòa bình, khi con người đã có ít quyền hạn, nếu không ý thức sâu sắc điều này, dễ bị tha hóa, biến chất. Hồ Chí Minh so sánh: "Tư tưởng cộng sản với tư tưởng cá nhân ví như lúa với cỏ dại. Lúa phải chăm bón rất khó nhọc thì mới tốt được. Còn cỏ dại không cần chăm sóc cũng mọc lu bù. Tư tưởng cộng sản phải rèn luyện gian khổ mới có được. Còn tư tưởng cá nhân thì cũng như cỏ dại, sinh sôi, nảy nở rất dễ"[2]. Nếu không chú ý điều này, sa vào chủ nghĩa cá nhân thì có thể ngày hôm

---

1. *Sđd*. t.9. tr. 293.

2. *Sđd*. t.9. tr. 448.

qua có công với cách mạng, nhưng ngày hôm nay lại có tội với nhân dân.

Đạo đức cách mạng là nhằm giải phóng và đem lại hạnh phúc, tự do cho con người, đó là đạo đức của những con người được giải phóng. Vì vậy, tu dưỡng đạo đức phải gắn liền với hoạt động thực tiễn, trên tinh thần tự giác, tự nguyện, dựa vào lương tâm và trách nhiệm của mỗi người. Chỉ có như vậy thì việc tu dưỡng mới có kết quả trong mọi môi trường, mọi mối quan hệ, mọi địa bàn, mọi hoàn cảnh.

II. TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH

1. Con người là vốn quý nhất - nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng

a) Nhận thức về con người

Tư tưởng nhân văn là trào lưu tư tưởng bàn tới con người. Mỗi thời đại, mỗi giai cấp có sự nhìn nhận khác nhau về con người.

Khác với một số quan niệm chưa đúng đắn về nhân dân lao động, về con người tôn giáo, v.v.. Hồ Chí Minh đề cập con người cụ thể, lịch sử; không có con người chung chung, trừu tượng phi nguồn gốc lịch sử hay con người kiểu tôn giáo.

Hồ Chí Minh thường nói tới con Lạc cháu Hồng, Người đã có sự cảm nhận thiêng liêng về hai tiếng "đồng bào". Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và qua hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh sử dụng khái niệm "người bản xứ bị bóc lột", "người mất nước", "người da đen", "người cùng khổ", "người vô sản"...

Đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, từ khi về nước lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền cách mạng, Hồ Chí Minh lại dùng đến khái niệm "đồng bào", "quốc dân"... Khi miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Người dùng thêm nhiều khái niệm như "công nhân", "nông dân", "trí thức", "lao động chân tay", "lao động trí óc", "người chủ xã hội"...

Từ thập kỷ bốn mươi của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh bàn đến chữ "người" với nhiều nghĩa và phạm vi khác nhau. Nghĩa hẹp: gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng: đồng bào cả nước. Rộng nữa: cả loài người.

Tất nhiên, Hồ Chí Minh cũng có bàn tới khái niệm "con người" theo nghĩa chung trong một số trường hợp như "phẩm giá con người", "giải phóng con người". Nhưng ở những trường hợp đó đều được nhận thức trong một bối cảnh cụ thể và thông thường đặt những khái niệm đó trong một mạch tư duy chung. Phần lớn, Người xem xét con người trong các mối quan hệ xã hội, trong các quan hệ giai cấp; theo giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp; trong khối thống nhất của cộng đồng dân tộc và quan hệ quốc tế. Cách tiếp cận cơ bản nhất của Người thống nhất lập trường giai cấp và lập trường dân tộc.

b) Thương yêu, quý trọng con người

Con người ở đây là đồng bào đồng chí, là người Việt Nam yêu nước, là già, trẻ, gái, trai, miền xuôi, miền ngược...

Hồ Chí Minh thương yêu những người nô lệ mất nước, những người cùng khổ, giai cấp vô sản bị bóc lột, những

thanh niên chết vô ích ở Việt Nam dù họ là da trắng, da đen, người Pháp hay người Mỹ. Bởi vì "máu nào cũng là máu; người nào cũng là người". Những dòng máu đó đều quý như nhau.

Tấm lòng yêu thương con người của Hồ Chí Minh khác lòng từ bi của Phật, lòng nhân ái của Chúa Giêsu cả về đối tượng và cơ sở khoa học. Về đối tượng, Hồ Chí Minh thương yêu con người đang sống thực ở trên trần gian này. Về cơ sở khoa học, Người đã chỉ ra được nguồn gốc mọi sự đau khổ của những con người nô lệ, mất nước, của những người lao động làm thuê, đó là chủ nghĩa thực dân, đế quốc tàn bạo; là ách áp bức bóc lột giai cấp mà công nhân, nông dân phải chịu đựng. Từ đó, Hồ Chí Minh chỉ ra con đường cách mạng, con đường giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Luôn thương yêu con người, nên Hồ Chí Minh luôn khát khao hòa bình, một nền hòa bình thật sự, trong độc lập, tự do. Trước cách mạng, trong kháng chiến, Hồ Chí Minh luôn có thái độ nghiêm túc, thận trọng đối với vấn đề khởi nghĩa, tranh thủ khả năng phát triển hòa bình để hạn chế sự đổ máu cho nhân dân ta và nhân dân các nước. Lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Người chủ trương chủ yếu sử dụng bạo lực chính trị. Đó là cuộc cách mạng ít đổ máu nhất. Sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh đã cố gắng làm tất cả những gì có thể làm được để tránh cuộc chiến tranh Việt - Pháp. Nhưng khi bọn thực dân hiếu chiến quyết gây ra chiến tranh để buộc dân ta sống kiếp đời nô lệ, mất nước thì Hồ Chí Minh kêu gọi cả

dân tộc đứng lên chiến đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì nền hòa bình và phẩm giá của nhân loại tiến bộ.

Hồ Chí Minh coi sinh mạng con người là quý giá nhất. Theo Người, "không có một trận đánh đẫm máu nào là "đẹp" cả, mặc dù thắng lớn. Người quý trọng sức dân, của dân; trọng người tài, đức, trân trọng "người tốt, việc tốt" dù rất nhỏ". Người trân trọng từng ý kiến của dân, lắng nghe dân, học hỏi dân, bàn bạc với dân, tự phê bình trước dân, trả lời ý kiến của dân, tôn trọng và chấp hành nghiêm minh pháp luật.

Lòng thương yêu con người ở Hồ Chí Minh theo tinh thần làm cho nước nhà hoàn toàn độc lập, nhân dân hoàn toàn tự do, mọi người ai cũng có cơm ăn, áo mặc, được học hành, chữa bệnh... Đó là triết lý nhân văn hành động: ở đời và làm người thì phải yêu nước, thương dân, thương nhân loại bị đau khổ, áp bức và đấu tranh nhằm đem lại hạnh phúc, tự do cho con người.

c) Tin vào sức mạnh, phẩm giá và tính sáng tạo của con người

Ở Hồ Chí Minh, lòng yêu nước, thương dân, thương nhân loại bị đau khổ, áp bức mang một nội dung mới, chứa đựng một ý nghĩa cách mạng thực sự sâu sắc. Đó hoàn toàn không phải là lòng thương kiểu tôn giáo, hay lòng thương của "bề trên" nhìn xuống, "chăn dắt", "cứu tinh" dân. Ngược lại, vì sống giữa lòng dân, hiểu rõ dân tình, dân tâm, dân ý, nên Người có lòng tin mãnh liệt vào sức mạnh và tính chủ động sáng tạo của quần chúng nhân dân. Năm 1921, Hồ Chí Minh đã có những quan điểm khác hẳn với nhiều suy nghĩ lúc bấy giờ. Người viết: "Bị đầu độc

cả về tinh thần lẫn thể xác, bị bịt mồm và bị giam hãm, người ta có thể tưởng rằng cái bầy người ấy cứ mãi mãi bị dùng làm đồ để tế cái ông thần tư bản, rằng bầy người đó không sống nữa, không suy nghĩ nữa và là vô dụng trong việc cải tạo xã hội. Không: *người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi*... Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến"[1].

Theo Hồ Chí Minh, "trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân". Vì vậy, "vô luận việc gì, đều do *người* làm ra và từ *nhỏ* đến *to*, từ *gần* đến *xa*, đều thế cả"[2]. Người cho rằng: "việc dễ mấy không có nhân dân cũng chịu, việc khó mấy có dân liệu cũng xong". Nhân dân là người sáng tạo ra mọi giá trị vật chất và tinh thần.

Dân ta có tài năng, trí tuệ và sáng tạo, họ biết "giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra"[3]. Đặc biệt là lòng sốt sắng, hăng hái của dân để thực hiện con đường cách mạng. Hồ Chí Minh có niềm tin vững chắc rằng với tinh thần quật cường và lực lượng vô tận của dân tộc ta, với lòng yêu nước và chí kiên quyết của nhân dân và quân đội ta, chẳng những chúng ta có thể thắng lợi, mà chúng ta nhất định thắng lợi.

---

1. *Sđd*, t.1, tr. 28.
2. *Sđd*, t.5, tr. 241.
3. *Sđd*, t.5, tr. 295.

2. Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng

a) Con người là mục tiêu của sự nghiệp cách mạng

Mục tiêu cách mạng của Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, thực hiện độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Khi đất nước còn nô lệ, lầm than thì mục tiêu trước hết, trên hết là giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc. Sau khi chính quyền đã về tay nhân dân, thì mục tiêu ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, chữa bệnh lại được ưu tiên hơn. Bởi vì, Người cho rằng, nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì; vì vậy, chúng ta phải thực hiện ngay: làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân có chỗ ở, làm cho dân được học hành. Trong *Di chúc*, Người viết: "Đầu tiên là công việc đối với *con người*".

Khẳng định con người là mục tiêu của sự nghiệp cách mạng thì một điều quan trọng là mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ đều vì lợi ích chính đáng của con người. Có thể đó là lợi ích lâu dài, lợi ích trước mắt; lợi ích cả dân tộc và lợi ích của bộ phận, giai cấp, tầng lớp và cá nhân.

b) Con người là động lực của cách mạng

Con người là động lực của cách mạng được nhìn nhận trên phạm vi cả nước, toàn thể đồng bào, song trước hết là ở giai cấp công nhân và nông dân. Điều này có ý nghĩa to lớn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Không phải mọi con người đều trở thành động lực, mà phải là những con người được thức tỉnh, giác ngộ, giáo dục, định hướng và tổ chức. Họ phải có trí tuệ và bản lĩnh, văn hóa, đạo đức, được nuôi dưỡng trên nền truyền thống lịch sử và văn hóa hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam...

Con người là động lực chỉ có thể thực hiện được khi hoạt động có tổ chức, có lãnh đạo. Vì vậy, vai trò của Đảng cách mạng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng là vô cùng quan trọng. Qua các phong trào cách mạng của quần chúng, Đảng sẽ nhân sức mạnh của con người lên gấp bội.

Trong khi nhận thức sâu sắc, đầy đủ vai trò động lực của con người thì phải thấy *mối quan hệ biện chứng* giữa con người - mục tiêu và con người - động lực. Càng chăm lo cho con người - mục tiêu tốt bao nhiêu thì sẽ phát huy con người - động lực tốt bấy nhiêu. Ngược lại, tăng cường được sức mạnh của con người - động lực thì sẽ nhanh chóng đạt được mục tiêu cách mạng.

3. Xây dựng con người là chiến lược hàng đầu của cách mạng

Hồ Chí Minh nêu bật ý nghĩa của chiến lược xây dựng con người mới. Trên cơ sở khẳng định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng, Hồ Chí Minh rất quan tâm tới sự nghiệp giáo dục, đào tạo, rèn luyện con người. Người nói tới "lợi ích trăm năm"và mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội là những quan điểm mang tầm vóc chiến lược, cơ bản lâu dài, nhưng cũng rất cấp bách.

Như vậy, con người phải được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển. Nó vừa nằm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước với nghĩa rộng, vừa nằm trong chiến lược giáo dục - đào tạo theo nghĩa hẹp.

Người khẳng định: *Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa.*

Con người xã hội chủ nghĩa đương nhiên phải do chủ nghĩa xã hội tạo ra. Nhưng ở đây trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội thì "trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa". Điều này cần được hiểu là ngay từ đầu phải đặt ra nhiệm vụ xây dựng con người có những phẩm chất cơ bản, tiêu biểu cho con người xã hội chủ nghĩa, làm gương, lôi cuốn xã hội. Công việc này là một quá trình lâu dài không ngừng hoàn thiện, nâng cao và thuộc về trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, gia đình, cá nhân mỗi người.

Mỗi bước xây dựng những con người như vậy là một nấc thang xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây là mối quan hệ biện chứng giữa "xây dựng chủ nghĩa xã hội" và "con người xã hội chủ nghĩa".

Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người xã hội chủ nghĩa có hai mặt gắn bó chặt chẽ với nhau. Một là kế thừa những giá trị tốt đẹp của con người truyền thống (Việt Nam và phương Đông). Hai là hình thành những phẩm chất mới như: có tư tưởng xã hội chủ nghĩa; có đạo đức cách mạng; có trí tuệ và bản lĩnh để làm chủ; có tác phong xã hội chủ nghĩa; có lòng nhân ái, vị tha, độ lượng.

Hồ Chí Minh quan niệm *"Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người".*

Để "trồng người", có nhiều biện pháp, nhưng giáo dục - đào tạo là biện pháp quan trọng bậc nhất. Bởi vì giáo dục tốt sẽ tạo ra tính thiện, đem lại tương lai tươi sáng cho thế hệ trẻ. Ngược lại giáo dục tồi sẽ ảnh hưởng xấu tới thế hệ trẻ. Hồ Chí Minh nói về vai trò của giáo dục: Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu; dốt thì dại, dại thì hèn... Cho nên phải chống giặc dốt cũng như chống giặc đói, giặc ngoại xâm, giặc nội xâm.

Nội dung và phương pháp giáo dục phải toàn diện, cả đức, trí, thể, mỹ, phải đặt đạo đức, lý tưởng và tình cảm cách mạng, lối sống xã hội chủ nghĩa lên hàng đầu. Hai mặt đức, tài thống nhất với nhau, không tách rời nhau, trong đó "đức" là gốc, là nền tảng cho tài năng phát triển. Phải kết hợp giữa nhận thức và hành động, lời nói với việc làm... Có như vậy mới có thể "học để làm người".

"Trồng người" là công việc "trăm năm", không thể nóng vội "một sớm một chiều", không phải làm một lúc là xong, cũng không phải tùy tiện, đến đâu hay đó. Nhận thức và giải quyết vấn đề này có ý nghĩa thường trực, bền bỉ trong suốt cuộc đời mỗi con người, trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Vì vậy không được coi nhẹ, sao nhãng sự nghiệp giáo dục. Theo tinh thần của V.I. Lênin: "Học, học nữa, học mãi" và của Khổng Tử: "Học không biết chán, dạy không biết mỏi", Hồ Chí Minh cho rằng: "Việc học không bao giờ cùng, còn sống còn phải học".

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1. Những quan điểm chung của Hồ Chí Minh về văn hóa

a) Quan điểm về vị trí, vai trò của văn hóa

Hồ Chí Minh được tổ chức UNESCO ghi nhận là *Anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam, nhà văn hóa kiệt xuất*. Ngay từ lúc ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã nghĩ tới một xã hội mới tự do, hạnh phúc, không có áp bức, bóc lột, bất công. Trên cơ sở truyền thống tốt đẹp của nền văn hóa hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã tiếp thu, chắt lọc tinh hoa văn hóa phương Đông, phương Tây, văn hóa mácxít, từng bước xây dựng lý luận văn hóa. Tháng 8-1943, khi còn trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch, lần đầu tiên Hồ Chí Minh nêu ra một *định nghĩa về văn hóa:*

"Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn"[1].

1. *Sđd*, t.3, tr. 431.

Người còn dự định xây dựng nền văn hóa dân tộc với năm điểm lớn:

"1. Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường

2. Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.

3. Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.

4. Xây dựng chính trị: dân quyền

5. Xây dựng kinh tế".

Khái niệm trên cho thấy: Văn hóa được hiểu theo nghĩa rộng nhất, bao gồm toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra; văn hóa là động lực giúp con người sinh tồn; văn hóa là mục đích cuộc sống loài người; xây dựng văn hóa dân tộc phải toàn diện, đặt xây dựng "tinh thần độc lập tự cường" lên hàng đầu.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, *văn hóa được Hồ Chí Minh xác định là đời sống tinh thần của xã hội, là thuộc về kiến trúc thượng tầng.* Văn hóa có mối quan hệ mật thiết với kinh tế, chính trị, xã hội, tạo thành bốn vấn đề chủ yếu của đời sống xã hội và được nhận thức như sau:

- Văn hóa quan trọng ngang kinh tế, chính trị, xã hội.

- Chính trị, xã hội có được giải phóng thì văn hóa mới được giải phóng. Chính trị giải phóng mở đường cho văn hóa phát triển.

Dưới chế độ thực dân và phong kiến nhân dân ta bị nô lệ, bị đàn áp, thì văn nghệ cũng bị nô lệ, không thể phát

triển. Theo Hồ Chí Minh, phải tiến hành cách mạng chính trị trước mà cụ thể ở Việt Nam là tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc để giành chính quyền, giải phóng chính trị, giải phóng xã hội, từ đó giải phóng văn hóa, mở đường cho văn hóa phát triển. Quan điểm của Hồ Chí Minh đã được thực tiễn Cách mạng Tháng Tám năm 1945 chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

- Xây dựng kinh tế để tạo điều kiện cho việc xây dựng và phát triển văn hóa.

Từ những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ kinh tế thuộc về cơ sở hạ tầng, là nền tảng của việc xây dựng văn hóa, xây dựng kiến trúc thượng tầng. Người cho rằng, "cơ sở hạ tầng xã hội *có kiến thiết rồi*, văn hóa *mới kiến thiết được* và có đủ điều kiện phát triển được". Như vậy, vấn đề đặt ra là kinh tế phải đi trước một bước. Tục ngữ có câu "có thực mới vực được đạo" cũng theo nghĩa như vậy. Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã tổng kết: Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa... để nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ta" (Hồ Chí Minh không bao.giờ nói phát triển văn hóa trước kinh tế).

- Văn hóa là một kiến trúc thượng tầng nhưng không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị. Văn hóa phải phục vụ nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế.

Tuy "kinh tế có kiến thiết rồi, văn hóa mới kiến thiết được", nhưng điều đó không có nghĩa là văn hóa "thụ động"

chờ cho kinh tế phát triển xong rồi mới đến lượt mình phát triển. Văn hóa có tính tích cực chủ động, đóng vai trò to lớn thúc đẩy kinh tế và chính trị phát triển như một động lực.

"Văn hóa ở trong chính trị" tức văn hóa phải tham gia vào nhiệm vụ chính trị, tham gia cách mạng, kháng chiến và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh nêu rõ: *"Văn hóa hóa kháng chiến, kháng chiến hóa văn hóa"*, hoặc đường lối *kháng chiến toàn diện*, thi đua trên mọi lĩnh vực,... là với ý nghĩa như vậy. Theo đó, một phong trào văn hóa cách mạng, văn hóa kháng chiến đã diễn ra rất sôi động, góp phần đắc lực vào thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến kiến quốc.

"Văn hóa ở trong kinh tế" tức là văn hóa phải phục vụ, thúc đẩy việc xây dựng và phát triển kinh tế.

"Văn hóa ở trong kinh tế và chính trị" cũng có nghĩa là chính trị và kinh tế phải có *tính văn hóa*. Đây là một đòi hỏi chính đáng của văn hóa hiện đại. Làm chính trị, làm kinh tế... phải có văn hóa.

b) Quan điểm về tính chất của nền văn hóa mới

Ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Hồ Chí Minh đã quan tâm tới việc xây dựng nền văn hóa mới, coi đó là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng. Như vậy, nền văn hóa mới ra đời gắn liền với nước Việt Nam mới. Trước đó ở nước ta là nền văn hóa nô dịch của thực dân phong kiến, làm đồi trụy con người. Đặc điểm chung nhất của nền văn hóa mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh là xua tan bóng tối của chủ nghĩa thực dân, đế

quốc, của dốt nát, đói nghèo, bệnh tật đè nặng lên cuộc sống của nhân dân ta. Văn hóa mới là phải giáo dục nhân dân ta tinh thần cần, kiệm, liêm, chính, tự do tín ngưỡng, không hút thuốc phiện; chống giặc dốt...

Trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ, nền văn hóa mới là nền văn hóa dân chủ mới, đồng thời là nền văn hóa kháng chiến. Nền văn hóa đó có ba tính chất: dân tộc - khoa học - đại chúng.

Tính chất dân tộc (hay còn gọi là đặc tính dân tộc, cốt cách dân tộc) là cái "cốt", cái tinh túy bên trong rất đặc trưng của nền văn hóa dân tộc. Nó phân biệt, không nhầm lẫn với văn hóa của các dân tộc khác. Nó là "căn cước" của một dân tộc. Cốt cách dân tộc không phải "nhất thành bất biến", mà nó có sự phát triển, bổ sung những tinh túy mới.

Tính chất khoa học của nền văn hóa phải thuận với trào lưu tiến hóa của tư tưởng hiện đại: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Nền văn hóa mới phải phục vụ trào lưu đó. Muốn vậy, tính khoa học phải thể hiện trên nhiều mặt: cơ sở hạ tầng, nền tảng kinh tế phải khoa học, hiện đại. Đội ngũ những người làm công tác văn hóa phải có trí tuệ, hiểu biết khoa học tiên tiến; phải có chiến lược văn hóa, xây dựng lý luận văn hóa mang tầm thời đại.

Tính chất đại chúng của nền văn hóa là phục vụ nhân dân, phù hợp với nguyện vọng nhân dân, đậm đà tính nhân văn. Đó là nền văn hóa do đại chúng nhân dân xây dựng.

Trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa, thời kỳ đầu Hồ Chí Minh nói tính chất nền văn hóa mới phải "*xã hội*

chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức". Từ Đại hội III (tháng 9-1960), Người có bước phát triển trong tư duy lý luận khi khẳng định nền văn hóa mới là nền văn hóa *có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc.*

Nội dung xã hội chủ nghĩa là thể hiện tính tiên tiến, tiến bộ, khoa học, hiện đại, biết tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; phù hợp với trào lưu tiến hóa trong thời đại mới.

Tính chất dân tộc của nền văn hóa là biết giữ gìn, kế thừa, phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, phát triển những truyền thống tốt đẹp ấy cho phù hợp với những điều kiện lịch sử mới của đất nước.

c) Quan điểm về chức năng của văn hóa

Chức năng của văn hóa mới rất phong phú, đa dạng. Hồ Chí Minh cho rằng, văn hóa có ba chức năng chủ yếu sau đây:

Một là, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp.

Văn hóa thuộc đời sống tinh thần của xã hội. Tư tưởng và tình cảm là vấn đề chủ yếu nhất của đời sống tinh thần của xã hội và con người. Vì vậy, theo Hồ Chí Minh, văn hóa phải thấm sâu vào tâm lý quốc dân để thực hiện chức năng hàng đầu là bồi dưỡng nâng cao tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp cho con người, đồng thời loại bỏ những tư tưởng sai lầm, tình cảm thấp hèn. Tư tưởng và tình cảm rất phong phú, nhưng phải đặc biệt quan tâm tới những tư tưởng và tình cảm chi phối đời sống tinh thần của mỗi con người và cả dân tộc.

Lý tưởng là điểm hội tụ của tư tưởng lớn. Hồ Chí Minh khẳng định văn hóa phải làm cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, tự cường, độc lập, tự do; phải làm cho quốc dân "có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích riêng". Đó là lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội, thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Một khi con người đã phai nhạt lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thì không còn ý nghĩa gì đối với cuộc sống cách mạng.

Tình cảm lớn, theo Hồ Chí Minh là lòng yêu nước, thương dân, thương nhân loại bị đau khổ, áp bức. Đó là tính trung thực, thẳng thắn, thủy chung; đề cao cái chân, cái thiện, cái mỹ... Tình cảm đó thể hiện trong nhiều mối quan hệ: với gia đình, quê hương, dân tộc, nhân loại, với bạn bè, đồng chí, quan hệ thầy trò...

Tư tưởng và tình cảm có mối quan hệ gắn bó với nhau. Tình cảm cao đẹp là con đường dẫn tới tư tưởng đúng đắn; tư tưởng đúng làm cho tình cảm cao đẹp hơn, làm cho con người ngày càng hoàn thiện. Văn hóa còn góp phần xây đắp niềm tin cho con người, tin ở bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tin vào nhân dân, tin vào tiền đồ của cách mạng.

Hai là, nâng cao dân trí.

Văn hóa luôn gắn với dân trí. Không có văn hóa không có dân trí. Văn hóa nâng cao dân trí theo từng nấc thang, phục vụ mục tiêu cách mạng trước mắt và lâu dài.

Nâng cao dân trí bắt đầu từ việc làm cho người dân biết đọc, biết viết. Tiếp đến là sự hiểu biết các lĩnh vực khác nhau về chính trị, kinh tế, văn hóa... Từng bước nâng cao

trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ, khoa học - kỹ thuật, thực tiễn Việt Nam và thế giới... Đó là quá trình bổ sung kiến thức mới, làm cho mọi người không chỉ là chuyển biến dân trí mà còn nâng cao dân trí, điều mà khi chính trị chưa được giải phóng thì không thể làm được.

Tùy từng giai đoạn cách mạng mà mục đích của nâng cao dân trí có điểm chung và riêng, nhưng tất cả đều nhằm mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước có văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc[1]. Mục tiêu đó hiện nay Đảng ta chỉ rõ vì "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Ba là, bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, những phong cách, lối sống lành mạnh, luôn hướng con người vươn tới cái chân, cái thiện, cái mỹ, không ngừng hoàn thiện bản thân mình.

Những phẩm chất tốt đẹp làm nên giá trị của con người. Mỗi người phải biến tư tưởng và tình cảm lớn thành phẩm chất cao đẹp. Đó có thể là phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, phẩm chất chuyên môn, nghiệp vụ.

Có những phẩm chất đạo đức chung cho mọi người Việt Nam trong thời đại mới: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Lại có những phẩm chất đạo đức dành cho các lĩnh vực hoạt động khác nhau của con người: phẩm chất nhà giáo, phẩm chất thầy thuốc...

Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh phẩm chất đạo đức,

---

1. Xem *Sđd*, t.8, tr. 494.

chính trị của cán bộ, đảng viên. Bởi vì, nếu không có những phẩm chất đó thì không thể biến lý tưởng thành hiện thực. Phẩm chất thường được biểu hiện qua phong cách, tức là lối sinh hoạt, làm việc, hoạt động, xử sự của con người. Phẩm chất và phong cách thường gắn bó với nhau, và chỉ khi nào con người có phẩm chất tốt đẹp, phong cách lành mạnh thì mới thúc đẩy sự nghiệp cách mạng đi lên.

Muốn có được những phẩm chất và phong cách đó, tự bản thân con người rèn luyện chưa đủ, mà hoạt động văn hóa đóng chức năng rất quan trọng. Văn hóa phải tham gia chống được tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ, chống sự lạm dụng quyền lực, tham quyền cố vị dẫn tới sự tha hóa con người. Văn hóa giúp cho con người phân biệt cái tốt với cái xấu, cái lạc hậu và cái tiến bộ... Từ đó văn hóa hướng con người vươn tới cái chân, cái thiện, cái mỹ.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực của văn hóa

a) Văn hóa giáo dục

Hồ Chí Minh phê phán nền giáo dục phong kiến (kinh viện, xa thực tế, coi sách của thánh hiền là đỉnh cao của tri thức...) và nền giáo dục thực dân (ngu dân, đồi bại, xảo trá, nguy hiểm hơn cả sự dốt nát).

Người quan tâm xây dựng nền giáo dục mới của nước Việt Nam độc lập. Nền giáo dục này được hình thành từ những năm hai mươi, thực sự ra đời từ Cách mạng Tháng Tám thành công và phát triển cùng sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Hồ Chí Minh xác định, xây dựng nền giáo dục

mới là một nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa chiến lược, vì nó góp phần làm cho dân tộc ta xứng đáng với nước Việt Nam độc lập. Văn hóa giáo dục là một mặt trận quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hóa giáo dục:

- *Mục tiêu của văn hóa giáo dục* để thực hiện cả ba chức năng của văn hóa bằng giáo dục: Dạy và học để bồi dưỡng lý tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp; mở mang dân trí; bồi dưỡng những phẩm chất và phong cách tốt đẹp cho con người. Giáo dục để đào tạo con người có ích cho xã hội. Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Giáo dục nhằm đào tạo lớp người có đức, có tài, kế tục sự nghiệp cách mạng, làm cho nước ta sánh vai cùng các cường quốc năm châu.

- *Cải cách giáo dục* bao gồm xây dựng chương trình, nội dung dạy và học hợp lý, phù hợp với các giai đoạn cách mạng. Nội dung giáo dục phải toàn diện: văn hóa, chính trị, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, lao động... Các nội dung đó có mối quan hệ mật thiết với nhau. Học chính trị là học chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Cách học phải sáng tạo, không giáo điều. Học để nắm các quan điểm có tính nguyên tắc, phương pháp luận. Học khoa học kỹ thuật để đáp ứng đòi hỏi của thời đại mới, thời đại của cách mạng khoa học - công nghệ đang phát triển như vũ bão.

- *Phương châm, phương pháp giáo dục:*

Phương châm bao gồm: học đi đôi với hành, lý luận liên hệ với thực tế; học tập kết hợp với lao động; phối hợp nhà

trường - gia đình - xã hội; thực hiện dân chủ, bình đẳng trong giáo dục; học suốt đời. Coi trọng việc tự học, tự đào tạo và đào tạo lại. Học ở mọi lúc, mọi nơi, học mọi người.

Phương pháp giáo dục phải xuất phát và bám chắc vào mục tiêu giáo dục. Giáo dục là một khoa học nên cách dạy phải phù hợp với lứa tuổi; dạy từ dễ đến khó; kết hợp học tập với vui chơi có ích, lành mạnh; giáo dục phải dùng phương pháp nêu gương; giáo dục phải gắn liền với thi đua.

- *Quan tâm xây dựng đội ngũ giáo viên* vì không có giáo viên thì không có giáo dục. Phải xây dựng đội ngũ giáo viên có phẩm chất yêu nghề; phải có đạo đức cách mạng; phải yên tâm công tác, đoàn kết; phải giỏi về chuyên môn, thuần thục về phương pháp. Người đi giáo dục cũng phải được giáo dục, phải học thêm mãi, học không bao giờ đủ, còn sống còn phải học.

b) Văn hóa văn nghệ

Văn nghệ được hiểu là văn học và nghệ thuật, biểu hiện tập trung nhất của nền văn hóa, là đỉnh cao của đời sống tinh thần, là hình ảnh của tâm hồn dân tộc. Hồ Chí Minh là người khai sinh nền văn nghệ cách mạng và có nhiều cống hiến to lớn, sáng tạo cho nền văn nghệ nước nhà. Sau đây là một số quan điểm chủ yếu của Hồ Chí Minh về văn hóa văn nghệ:

- *Văn nghệ là một mặt trận, văn nghệ sĩ là chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng, trong xây dựng xã hội mới, con người mới.*

Văn nghệ là mặt trận được hiểu nó là một bộ phận của

cách mạng, là văn nghệ cách mạng. "Mặt trận" là thể hiện tính chất cam go, quyết liệt. Cho nên tác phẩm văn nghệ và ngòi bút của các văn nghệ sĩ phải là vũ khí sắc bén, là "phò chính trừ tà", là vạch trần, tố cáo tội ác, âm mưu của lực lượng thù địch đầu độc văn hóa; về chiêu bài "công lý", "dân chủ"... Đồng thời văn nghệ có vai trò thức tỉnh, định hướng, cổ vũ tinh thần đấu tranh, tổ chức lực lượng, động viên dân chúng phấn khởi, tin tưởng thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Có chính quyền, tính chất mặt trận của văn nghệ vẫn không giảm, mà lại tăng lên, nặng nề hơn. Bởi vì, xây dựng nền văn nghệ cách mạng là nhiệm vụ chủ yếu, lâu dài. Văn nghệ vừa tiếp tục tham gia kháng chiến, đấu tranh thống nhất nước nhà, vừa xây dựng xã hội mới, con người mới. Văn nghệ góp phần định hướng tư tưởng đúng đắn theo quan điểm của Đảng, bóc trần những thói hư tật xấu như tham ô, nhũng lạm, lãng phí, quan liêu... là những lực cản trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mặt trận những người làm công tác văn nghệ dưới sự lãnh đạo của Đảng thực hiện nhiệm vụ "xây" và "chống", sẽ góp phần to lớn đưa cách mạng đến thắng lợi.

Văn nghệ sĩ là chiến sĩ, vì vậy, cần có lập trường vững, tư tưởng đúng đắn, đặt lợi ích và nhiệm vụ phụng sự nhân dân và Tổ quốc lên trên hết. Họ phải nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, nghiệp vụ, đặc biệt phải có phẩm chất, bản lĩnh, tài năng để sáng tạo ra những sản phẩm tinh thần phục vụ cuộc sống, phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn.

- *Phải gắn với thực tiễn của đời sống nhân dân.*

Thực tiễn đời sống nhân dân là những nguồn nhựa sống của văn hóa văn nghệ. Đời sống lao động, chiến đấu, sinh hoạt, xây dựng... của nhân dân là chất liệu không bao giờ cạn, là sinh khí vô tận cho văn nghệ sáng tác. Văn nghệ sĩ có quyền hư cấu, song phải xuất phát và trở về với cuộc sống thực tại của con người, cái chân thật của sinh hoạt. Muốn làm được điều đó, phải "từ quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng"; phải "liên hệ và đi sâu vào đời sống của nhân dân" để hiểu thấu tâm tư, nguyện vọng, tình cảm của quần chúng. Quần chúng là những người làm ra lịch sử, sáng tạo ra của cải vật chất và tinh thần. Họ là những người đánh giá tác phẩm văn nghệ trung thực, khách quan, chính xác. Nhân dân là người hưởng thụ các giá trị tinh thần.

- *Phải có những tác phẩm xứng đáng với dân tộc và thời đại.*

Đây là một khía cạnh phản ánh văn nghệ phục vụ quần chúng. Muốn phục vụ tốt quần chúng thì phải nâng cao chất lượng nội dung và hình thức của tác phẩm. Bởi vì quần chúng cần những tác phẩm hay, chân thật, hùng hồn, tạo cho họ sự đam mê, chuyển biến trong tư tưởng, tình cảm, tâm hồn. Nội dung cần chân thực và phong phú; hình thức phải trong sáng, vui tươi, tức là phải tạo nên một tác phẩm *hay*. Tác phẩm hay là tác phẩm cần *diễn đạt vừa đủ* những điều đáng nói, ai đọc cũng *hiểu* được, và đọc xong phải *suy ngẫm* và thấy *có bổ ích*.

Tác phẩm văn hóa, văn nghệ hay là tác phẩm phản ánh

được những giá trị truyền thống của dân tộc, mang được hơi thở của thời đại; vừa phải ca ngợi cái chân thật người tốt, việc tốt, vừa phải *phê phán* cái giả, cái ác, cái sai. Những tác phẩm như vậy vừa làm gương mẫu cho các thế hệ hôm nay, vừa giáo dục nhắc nhở con cháu đời sau. Tác phẩm văn nghệ phải phong phú, đa dạng về thể loại, không thể đơn điệu, nghèo nàn. Chính món ăn tinh thần phong phú đó cũng sẽ mở ra con đường sáng tạo mới cho văn nghệ sĩ.

c) Văn hóa đời sống

Xây dựng đời sống văn hóa mới được Hồ Chí Minh chỉ ra ngay sau khi mới giành được chính quyền, rồi nhanh chóng trở thành một phong trào quần chúng sôi nổi, tạo động lực mạnh mẽ cho sự nghiệp kháng chiến kiến quốc.

Văn hóa đời sống thực chất là *đời sống mới* với ba nội dung: *đạo đức mới, lối sống mới, nếp sống mới*, trong đó đạo đức mới đóng vai trò chủ yếu nhất. Bởi vì, có dựa trên nền đạo đức mới thì mới xây dựng được lối sống mới, nếp sống mới, và đạo đức mới lại được thể hiện trong lối sống và nếp sống.

- *Đạo đức mới:* Thực hành đời sống mới trước hết là thực hành đạo đức cách mạng.

- *Lối sống mới:* Lối sống mới là lối sống có lý tưởng, có đạo đức; kết hợp hài hòa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại tạo nên lối sống văn minh, tiên tiến. Hoạt động của con người gồm: ăn, mặc, ở, đi lại, làm việc. *Tính văn hóa* ở đây là biết *cách ăn, cách mặc, cách ở*... Con người văn hóa trong lối sống là phải có một

phong cách sống khiêm tốn, giản dị, chừng mực, điều độ, ngăn nắp, vệ sinh, yêu lao động, quý thời gian, ít lòng ham muốn về vật chất, về chức quyền, danh lợi. Trong quan hệ với nhân dân, bạn bè, đồng chí thì cởi mở, chân tình, ân cần, tế nhị; giàu lòng thương yêu, quý trọng con người; đối với mình thì nghiêm, đối với người thì khoan dung, độ lượng.

Sửa đổi cách làm việc là phải có tác phong quần chúng, tác phong tập thể - dân chủ, tác phong khoa học. Điều này đặc biệt cần thiết đối với cán bộ quản lý, lãnh đạo. Hồ Chí Minh yêu cầu ở đội ngũ cán bộ phải có phong cách sống, phong cách làm việc hợp lòng dân.

- *Nếp sống mới:* Xây dựng nếp sống mới (nếp sống văn minh) là xây dựng những thói quen và phong tục tập quán tốt đẹp, kế thừa và phát triển được những thuần phong mỹ tục lâu đời của dân tộc. Tất nhiên không phải cái gì cũ là bỏ hết, cái gì cũng làm mới. Cũ mà xấu thì bỏ. Cũ mà không xấu nhưng phiền phức thì sửa đổi. Cũ mà tốt thì phát triển thêm. Mới mà hay thì phải làm. Phải bổ sung, xây dựng thuần phong mỹ tục trong các vấn đề vệ sinh, giỗ tết, ma chay, cưới hỏi...; đồng thời phải chống các hủ tục như cờ bạc, hút xách...

Xây dựng nếp sống mới rất khó khăn, phức tạp, vì thói quen rất khó sửa đổi, nó có sức ỳ cản trở ta. Thực tế cho thấy, cái tốt mà lạ, người ta có thể cho là xấu; cái xấu mà quen, người ta có thể cho là thường. Vì vậy, quá trình đổi mới nếp sống phải rất cẩn thận, chịu khó, lâu dài, không thể dùng cách trấn áp thô bạo đối với cái cũ, lạc hậu. Phải tuyên truyền, giải thích một cách hăng hái, bền gan, chịu

khó, cẩn thận, khôn khéo, mềm mỏng,... Phải dùng biện pháp nêu gương: người nêu gương, nhà làm gương, làng làm gương. Nói đi đôi với làm, nếu không, tuyên truyền giáo dục, xây dựng nếp sống mới khó đạt kết quả.

Tóm lại, xây dựng văn hóa đời sống chung cho cả xã hội, phải bắt đầu từ từng người, từng gia đình.

IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC, NHÂN VĂN, VĂN HÓA VÀO VIỆC XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM MỚI HIỆN NAY

1. Học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, lối sống

- Bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thế giới quan và phương pháp luận luôn thống nhất với nhau. Các quy luật, nguyên lý, quan điểm trong chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vừa có ý nghĩa thế giới quan vừa có ý nghĩa phương pháp luận. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội,* Đảng ta xác định: "Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội"[1].

Vì vậy, quá trình xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa phải coi trọng nhiệm vụ trang bị, giáo dục thế giới

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 10.

quan cách mạng và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin. Có như vậy, con người mới có được công cụ để nhận thức và hoạt động thực tiễn, giải thích, cải tạo và làm chủ thế giới. Thực chất đó chính là những nguyên lý, quy luật của chủ nghĩa duy vật biện chứng, và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Nắm vững phương pháp luận biện chứng duy vật giúp cho con người khi xem xét sự vật, hiện tượng khách quan một cách đúng đắn, tránh cho ta mắc phải bệnh chủ quan duy ý chí tùy tiện trong hoạt động thực tiễn. Yêu cầu khi vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, cần nhận thức đó là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cần vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác hàng ngày của mỗi tổ chức và cá nhân.

- Nêu cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên trong lao động, học tập, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định: dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là sức mạnh vô địch để chiến thắng lũ cướp nước và lũ bán nước. Con người Việt Nam mới phải nuôi dưỡng được tinh thần yêu nước. Chủ nghĩa yêu nước là giá trị truyền thống ngàn đời của dân tộc Việt Nam. Trước hết phải nhận thức sâu sắc chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam với những nội dung cơ bản: Yêu quê hương, xứ sở, xóm làng; gắn bó và cố kết cộng đồng, hướng về dân, lấy dân làm gốc; tự hào lịch sử và văn

hóa ông cha; ý thức bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; ý thức sâu sắc về độc lập dân tộc.

Đảng ta nhấn mạnh: "Đi vào kinh tế thị trường, hiện đại hóa đất nước mà xa rời những giá trị truyền thống sẽ làm mất bản sắc dân tộc, đánh mất bản thân mình, trở thành cái bóng mờ của người khác, của dân tộc khác"[1].

Hiện nay, yêu nước với yêu chủ nghĩa xã hội là một; kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội; đồng thời biết tiếp thu có chọn lọc những tư tưởng tiên tiến của thời đại. Trong xây dựng đất nước hiện nay, yêu nước đồng nghĩa với sự vươn lên khắc phục nghèo nàn lạc hậu, có ý chí, vươn lên thúc đẩy sự tiến bộ xã hội.

- Biết giữ gìn đạo đức, nhân phẩm, lương tâm, danh dự.

Phải luôn thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, coi đạo đức cách mạng là gốc; đức gắn với tài; trong đức có tài, trong tài có đức; tài càng cao, đức càng phải lớn. Chỉ có như vậy mới phục vụ được nhiệm vụ chính trị, mới đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đến thắng lợi.

Nâng cao trí tuệ trước hết phải nắm vững và vận dụng đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; những thành tựu của thời đại và thế giới vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới đạt hiệu quả cao.

Giữ gìn đạo đức trong tình hình mới trước hết phải

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá VII*, lưu hành nội bộ, tháng 2-1993, tr. 6.

quán triệt tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Phải thấy được mối quan hệ giữa đạo đức với kinh tế, trong đó có quan điểm phát triển kinh tế là điều kiện thiết yếu, là cơ sở để xây dựng một xã hội văn minh, phát triển văn hóa, đạo đức. Con người có đạo đức, có văn hóa lại là động lực để phát triển kinh tế. Phải thấy được đặc điểm của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay vừa có hội nhập, hợp tác vừa có đấu tranh. Biết phát huy, vận dụng mặt tích cực và đề phòng, hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế thị trường. Xây dựng đạo đức mới trong tình hình hiện nay là biết khai thác mặt tích cực, đấu tranh kiên quyết loại bỏ mặt tiêu cực; phải chống khát vọng làm giàu bằng mọi cách, tâm lý chạy theo đồng tiền, lấy đồng tiền làm giá trị cao nhất; chạy theo quyền lực với thói ích kỷ, dối trá, lừa lọc, xu nịnh...

2. Học tập và vận dụng tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh

Xây dựng một xã hội nhân văn theo quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh là phải bảo đảm công bằng xã hội, trong đó có sự quan tâm tới lợi ích của cá nhân, tập thể và cộng đồng; bảo đảm bình đẳng của các thành phần kinh tế trên cơ sở khẳng định vị trí chủ đạo của nền kinh tế nhà nước. Muốn vậy, tất cả đều phải được thể chế hóa bằng pháp luật và công bằng xã hội cũng phải được bảo đảm bằng pháp luật.

Tư tưởng nhân văn cách mạng, xét đến cùng, là phấn đấu cho độc lập, tự do, hạnh phúc, công bằng, dân chủ của con người, dân tộc và nhân loại. Nói cách khác, tất cả *vì*

con người, do con người. Hồ Chí Minh thường nói tới "văn minh thắng bạo tàn". Văn minh ở đây được hiểu cả trình độ phát triển của đời sống tinh thần và trình độ phát triển của khoa học - kỹ thuật. Xã hội văn minh là xã hội có những con người nhân văn, tức là những con người phát triển toàn diện cả đức, cả tài; cả lý trí và tình cảm cách mạng; có lòng nhân ái và khoan dung. Muốn thế, phải coi trọng và phát huy vai trò của giáo dục - đào tạo. Bởi vì giáo dục - đào tạo (gia đình, nhà trường, xã hội) góp phần tích cực nhất trong việc hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách con người mới.

3. Vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa

Nhiệm vụ hàng đầu trong quá trình xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới với những nội dung sau:

- Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung.

- Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần, kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

- Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ

thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội.

- Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực[1].

Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa và góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa của nhân loại trong quá trình giao lưu, hội nhập quốc tế. Phải nhận thức giao lưu, hội nhập là một xu thế tất yếu khách quan hiện nay, nhưng chứa đựng trong đó cả mặt tích cực và tiêu cực. Mở rộng giao lưu, hội nhập trên cơ sở lấy bản sắc dân tộc làm nền tảng. Cần nhìn nhận văn hóa trong mối quan hệ với phát triển.

Phải đấu tranh chống sự xâm nhập của những yếu tố *phản văn hóa*. Chống khuynh hướng hòa tan giá trị, áp đặt giá trị văn hóa ngoại lai, từng bước hủy hoại nhân cách con người, đầu độc nhân dân, trước hết là lớp trẻ.

---

1. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 58-59.

CHƯƠNG VII

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

I. BỐI CẢNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

Đảng ta xác định: lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh phải được đặt vào trong một bối cảnh nhất định, nhất là thời kỳ hiện nay, thời kỳ đang có sự biến đổi nhanh chóng và phức tạp, bao gồm cả những thách thức và cơ hội cho cách mạng nước ta.

1. Đặc điểm của tình hình thế giới

a) Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển mạnh mẽ

Thế giới đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ. Giai đoạn phát triển hiện nay của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ biểu hiện trên những nét chủ yếu sau đây:

- Thực tế cuộc cách mạng này càng khẳng định tính

đúng đắn của C.Mác trong việc dự báo rằng, đến lúc nào đó khoa học sẽ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

- Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trong giai đoạn hiện nay có những bước tiến nhảy vọt trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Điều đó đang hướng nhân loại bước vào nền văn minh trí tuệ với hai đặc trưng cơ bản là "xã hội thông tin" và "kinh tế tri thức". Với xã hội thông tin và kinh tế tri thức, thế mạnh tương đối về nguồn lao động giản đơn hoặc tay nghề thấp đã mất ý nghĩa, lợi thế thuộc về những quốc gia có lực lượng lao động được đào tạo đáp ứng được sự đòi hỏi của khoa học và công nghệ; sản phẩm được tạo ra ngày càng phản ánh sự kết tinh từ "chất xám", từ trí tuệ chứ không phải chủ yếu từ cơ bắp.

- Giai đoạn phát triển hiện nay của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tạo ra cơ sở cũng như thúc đẩy nhanh hơn, tạo lực mạnh hơn cho quá trình toàn cầu hóa kinh tế - vốn là một xu thế khách quan trên thế giới. Toàn cầu hóa hiện nay có hai mặt, vừa tích cực, vừa tiêu cực. Mặt tích cực thể hiện chủ yếu là tạo ra cơ hội (tất nhiên là không như nhau) cho tất cả các nước tiến nhanh hơn trên con đường phát triển của mình nếu biết tận dụng thời cơ trong giao lưu, hợp tác quốc tế, đi tắt, đón đầu, phát huy được sức mạnh tổng hợp của dân tộc và của thời đại. Mặt tiêu cực thể hiện chủ yếu ở chỗ, hiện nay toàn cầu hóa đang bị các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, các tập đoàn tư bản tài chính cũng như các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia thao túng. Chính vì vậy, nhiều người cho rằng, hiện nay toàn cầu hóa mang tính chất tư bản chủ nghĩa.

- Trên con đường phát triển của các quốc gia - dân tộc, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đã và đang tạo ra sự liên kết, hợp tác giữa các nước trên nhiều lĩnh vực, ở nhiều cấp độ (khu vực, toàn cầu, song phương, đa phương, đa dạng). Quá trình liên kết, hợp tác này thực chất là một cuộc cạnh tranh để tồn tại và phát triển, cho nên đó cũng là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh.

b) Tình hình chính trị trên thế giới có sự thay đổi lớn

Từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga, nhất là sau chiến tranh thế giới thứ hai hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành trở thành một nhân tố ảnh hưởng lớn nhất cho sự phát triển của thế giới. Hiện nay, tình hình chính trị thế giới có nhiều thay đổi:

- Hệ thống xã hội chủ nghĩa không còn, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế gặp khó khăn lớn. Đây không phải bắt nguồn từ học thuyết Mác - Lênin mà là từ nhiều nguyên nhân, trong đó có sai lầm trong việc vận dụng học thuyết đó. Cục diện chính trị thế giới có nhiều biến động lớn, nhất là từ cuối những năm 80 đầu những năm 90 của thế kỷ XX.

- Cuộc "chiến tranh lạnh" đã kết thúc nhưng nền hòa bình thế giới lại đứng trước thách thức lớn. Đó là những cuộc chiến tranh cục bộ, những cuộc xung đột sắc tộc, tôn giáo, các thế lực khủng bố quốc tế gây ra những cuộc khủng bố đẫm máu. Đó là những âm mưu và hành động của các thế lực phản động can thiệp thô bạo đối với độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhiều nước trên thế giới bất chấp các chế định hành xử của luật pháp quốc tế cũng như các nguyên tắc của Liên hợp quốc.

- Chủ nghĩa tư bản tiếp tục có sự điều chỉnh để phát triển. Trong tình hình hiện nay, các nước tư bản sử dụng được ngày càng tốt hơn, nhanh hơn các thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ. Đồng thời với quá trình đó, chủ nghĩa tư bản vẫn tiếp tục có những khó khăn do không thể khắc phục được những mâu thuẫn vốn có trước đây.

- Các nước trong khu vực Đông Nam Á cũng như khu vực châu Á - Thái Bình Dương là những khu vực phát triển năng động của thế giới song đang tiềm ẩn những biến cố khó lường, những yếu tố gây mất ổn định. Việt Nam nằm trong những khu vực này cho nên không thể không chịu sự tác động đó.

- Thế giới hiện nay đang diễn ra cả hai tình hình tưởng như mâu thuẫn nhau nhưng nó lại thống nhất trong một chỉnh thể. Đó là đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp diễn ra gay gắt và phức tạp với nhiều hình thức, đồng thời thế giới cũng đang diễn ra một quá trình hợp tác trong xu thế toàn cầu hóa. Vừa hợp tác vừa đấu tranh, luôn luôn phải cạnh tranh để tồn tại và phát triển trong xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa là nét chủ đạo của tình hình thế giới hiện nay.

2. Bối cảnh trong nước

Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Việt Nam chính thức bước vào thời kỳ đổi mới. Việt Nam kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp tục đi theo con đường mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Thực hiện đường lối đổi mới đất nước ở Việt Nam có những đặc điểm chủ yếu sau đây:

Một là: đất nước đã thu được những thành tựu cơ bản.

Đất nước trải qua hàng chục năm chiến tranh khốc liệt để lại hậu quả nặng nề; các thế lực phản động chống phá quyết liệt nhằm phủ nhận thành quả cách mạng Việt Nam khiến đất nước lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta đã vượt qua được những thử thách đó, đã thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội, bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hiện nay, Việt Nam đang xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Việt Nam đang chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở cửa, sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Trong những năm đổi mới, nền kinh tế của đất nước tiếp tục phát triển với nhịp độ cao so với các nước khác trong khu vực. Tình hình chính trị của đất nước luôn luôn giữ được ổn định. Tình hình xã hội có tiến bộ. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện. Vị thế của đất nước không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế. Thế và lực của đất nước ta mạnh lên rất nhiều so với những năm trước đổi mới cho phép nước ta tiếp tục phát huy nội lực kết hợp với tranh thủ ngoại lực để phát triển nhanh và bền vững, trước mắt phấn đấu đến năm 2020 về cơ bản làm cho Việt Nam trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại; nguồn lực con

người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao.

Hai là: Việt Nam đang đứng trước cơ hội lớn và thách thức lớn đan xen nhau.

Sự nghiệp đổi mới của nước ta trong những năm tới, có *cơ hội lớn* để phát triển của đất nước. Đó là lợi thế so sánh để phát triển do nhiều yếu tố, trong đó yếu tố nội lực là hết sức quan trọng. Những cơ hội tạo cho đất nước ta có thể đi tắt, đón đầu, tiếp thu nhanh những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới. Thực hiện đường lối ngoại giao Hồ Chí Minh, quan hệ đối ngoại rộng mở và tăng cường hợp tác quốc tế theo phương châm độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, hợp tác các bên đều có lợi trên cơ sở tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của mỗi quốc gia-dân tộc là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Mặt khác, chúng ta rút ra được nhiều bài học từ cả những thành công và yếu kém của gần hai chục năm tiến hành sự nghiệp đổi mới để đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng, nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những thành tựu và thời cơ đã cho phép nước ta tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp, tiếp tục ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy hơn nữa nội lực. Đồng thời Đảng và Nhà nước ta

tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường an ninh quốc phòng.

Tuy vậy, chúng ta cũng đang đứng trước *những thách thức,* nguy cơ hay những khó khăn lớn trên con đường phát triển của đất nước. Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ Đại hội VII của Đảng đã chỉ ra vẫn còn tồn tại. Các nguy cơ đó diễn biến phức tạp, đan xen và tác động lẫn nhau, chúng ta không thể xem nhẹ nguy cơ nào. Trong tình hình thế giới hiện nay, phát triển nhanh và bền vững là một thách thức lớn. Nếu nước ta không tận dụng cơ hội hiện nay để phát triển nhanh, thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu thì cơ hội sẽ bị bỏ lỡ. Nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa phải được đề phòng không những ở việc xây dựng và thông qua cương lĩnh, đường lối, chủ trương, nghị quyết, pháp luật của Đảng và Nhà nước mà còn ở trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ kinh tế-xã hội. Nạn tham nhũng, tệ quan liêu cũng như sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đã và đang cản trở việc thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, gây bất bình và làm giảm niềm tin trong nhân dân. Các thế lực phản động không ngừng tìm mọi cách thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

II. QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CÓ Ý NGHĨA PHƯƠNG PHÁP LUẬN ĐỐI VỚI VIỆC VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Để vận dụng có kết quả và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta cần nắm vững một số quan điểm cơ bản sau đây:

1. Lý luận gắn liền với thực tiễn

Hồ Chí Minh là người rất chú trọng gắn lý luận với thực tiễn. Người cho rằng: "Lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính chất sáng tạo; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động"[1]. Hồ Chí Minh nhắc nhở: "Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta"[2]. Những điều mà Hồ Chí Minh vận dụng lý luận Mác - Lênin kết hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam trở thành mẫu mực để chúng ta vận dụng tư tưởng của Người vào tình hình thực tế của nước ta cho phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ.

---

1. *Sđd*, t.8, tr. 496.

2. *Sđd*, t.8, tr. 494.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của quá trình kết hợp chặt chẽ, nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn cách mạng của từng thời kỳ. Hồ Chí Minh nêu lên quan điểm rằng, lý luận không được áp dụng vào thực tiễn là lý luận suông, đồng thời thực tiễn không có lý luận soi sáng là thực tiễn mù quáng. Do đó, trong hoạt động, chúng ta phải luôn luôn gắn chặt lý luận với thực tiễn.

Thấu suốt quan điểm này trong việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta cần chú ý những nội dung cơ bản sau đây:

Một là: Luôn luôn đem những vấn đề lý luận đối chiếu với thực tiễn. Làm như vậy là để tránh căn bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa, tránh cho lý luận xa rời thực tế.

Hai là: Trong quá trình hoạt động thực tiễn, phải chú ý tổng kết nâng lên thành những vấn đề lý luận. Bản thân lý luận được đúc kết từ thực tiễn, nhưng nó phải luôn luôn được bổ sung bằng những vấn đề mới bởi cuộc sống phong phú luôn luôn sống động, vận động không ngừng. Đây là một quá trình phát triển biện chứng, làm cho lý luận ngày càng được sinh động và đúng đắn hơn, đồng thời làm cho thực tiễn phát triển đúng hướng hơn, phù hợp với quy luật phát triển của xã hội.

Ba là: Thông qua thực tiễn để kiểm nghiệm lý luận. Bản thân tư tưởng Hồ Chí Minh là những quan điểm toàn diện, sống động và nó luôn luôn là những vấn đề "mở", nghĩa là nó cần phải được kiểm nghiệm trong từng lĩnh vực, từng giai đoạn, bởi vì, thực tiễn là tiêu chuẩn của chân

lý. Trong bản chất của tư tưởng Hồ Chí Minh, không thể phân biệt rạch ròi đâu là vấn đề lý luận và đâu là vấn đề thực tiễn mà chúng quyện chặt với nhau. Thực tiễn kiểm nghiệm lý luận cũng là một quá trình tự điều chỉnh cả về lý luận và cả về thực tiễn để nắm bắt quy luật vận động của thế giới khách quan được tốt hơn.

2. Quan điểm lịch sử - cụ thể

Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống các quan điểm rất biện chứng. Quá trình vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh đòi hỏi chúng ta phải:

- Đặt những quan điểm, luận điểm của Hồ Chí Minh vào một hoàn cảnh lịch sử cụ thể nhất định. Chẳng hạn, luận điểm của Hồ Chí Minh được Người viết, nói trong hoàn cảnh nào? lúc nào? với mục đích gì? v.v.. Điều này giúp cho chúng ta tránh được một số sai lầm hay mắc phải trong quá trình nhận thức và vận dụng những quan điểm của Hồ Chí Minh.

- Xem xét những quan điểm của Hồ Chí Minh trong mối quan hệ biện chứng với thực tiễn cuộc sống, nghĩa là những quan điểm đó được đặt trong một quá trình vận động và phát triển không ngừng, trong một quá trình tương tác với hoàn cảnh, điều kiện nhất định. Mỗi luận điểm được Hồ Chí Minh nêu ra đều mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất sâu sắc nhưng ngôn ngữ rất dễ hiểu, dễ nhớ dù vấn đề đó hết sức mang tính tư biện. Đó là phong cách riêng của Hồ Chí Minh.

- Ở Hồ Chí Minh sự thống nhất giữa nói và làm luôn được coi trọng, có khi làm nhiều hơn nói. Tư tưởng của

Người được biểu đạt không chỉ qua những bài nói, bài viết hiện nay đã tập hợp trong bộ sách *Hồ Chí Minh Toàn tập* mà còn qua hành động hằng ngày của Người. Cả cuộc đời của Hồ Chí Minh là một pho sách lớn cần được chúng ta nghiên cứu, học tập. Do đó, những quan điểm của Hồ Chí Minh còn phải được tìm trong cuộc sống, trong những việc làm cụ thể của Người mà những việc làm đó diễn ra trong một không gian và thời gian nhất định. Dù những quan điểm, luận điểm của Hồ Chí Minh có ý nghĩa rất lớn, vượt phạm vi không gian và thời gian nhưng nếu chúng ta thoát ly khỏi hoàn cảnh lịch sử cụ thể thì chúng ta không thể vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh một cách đúng đắn và có hiệu quả.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của một thời kỳ lịch sử cụ thể, nó phản ánh hiện thực lịch sử và do đó chịu sự chi phối, tác động của chính bản thân điều kiện lịch sử. Cũng như bất kỳ một tư tưởng, quan điểm nào khác, kể cả những tư tưởng, quan điểm của bậc vĩ nhân, tư tưởng Hồ Chí Minh có lúc cũng bị hạn chế do không thể vượt qua được những chế định của điều kiện lịch sử. Chính vì thế, cũng giống như chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cần được phát triển trong những điều kiện mới, cần được đặt vào trong một điều kiện mới để vận dụng và phát triển như Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin.

3. Quan điểm toàn diện và hệ thống

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Xem xét vấn đề một cách toàn diện và có

hệ thống là một phương pháp rất quan trọng và là một phong cách của Hồ Chí Minh. Thấu suốt quan điểm này trong quá trình vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp cách mạng hiện nay, chúng ta lưu ý một số điểm sau đây:

- Phải nhìn nhận sự vật và hiện tượng một cách toàn diện, bao quát. Hồ Chí Minh đã tự sự trong bài thơ *Học đánh cờ* (Trong tập thơ *Nhật ký trong tù* năm 1942 - 1943) rằng: "Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ". Chính nhờ nhìn xa trông rộng mà Hồ Chí Minh đã giải quyết thành công nhiều nhiệm vụ rất khó khăn mà bình thường khó có thể vượt qua. Càng trong khó khăn, kể cả trong những tình huống "nghìn cân treo sợi tóc", nhưng nếu xem xét vấn đề một cách toàn diện, thấu đáo, cộng với tổ chức giỏi, quyết tâm cao thì nhất định vấn đề được giải quyết thành công. Chính điểm này hoàn toàn đối lập với cách nhìn thiển cận của một số cán bộ, mà trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* viết năm 1947 Hồ Chí Minh gọi là "bệnh cận thị".

- Với quan điểm toàn diện và hệ thống, cần tránh tình trạng bỏ sót việc lớn, bỏ qua những việc cơ bản, có ảnh hưởng đến đại cục; tránh tình trạng chỉ biết những việc vụn vặt, phải nắm lấy những việc chủ yếu, trọng tâm, những việc có tác động chung đến toàn hệ thống. Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc nhở, phê bình những người "không trông xa thấy rộng, những vấn đề to tát thì không nghĩ đến mà chỉ chăm chú những việc tỉ mỉ".

- Mỗi một vấn đề đều có quá trình phát sinh, hình thành, tồn tại, vận động, do đó, khi nghiên cứu, xem xét, giải quyết, phải đặt vấn đề đó vào trong một tổng thể, tìm

ra bản chất vấn đề trong toàn bộ trạng thái vận động của nó. Hồ Chí Minh thường đặt các vấn đề trong các cặp, hoặc đặt trong các mối quan hệ biện chứng của cả một hệ thống (chẳng hạn như: đức - tài; tự phê bình - phê bình; lý luận - thực tiễn, v.v.), qua đó chỉ ra những vấn đề chủ yếu, những vấn đề "gốc" để nhìn nhận cho đúng và giải quyết cho đúng. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh luôn luôn có phong thái ung dung, tự tại, tự tin, chủ động trong mọi công việc, kể cả những việc, những lúc có tính chất dồn dập, khẩn trương. Người đã biết tìm trong vô vàn công việc phức tạp chọn ra những công việc phải làm ngay, việc nào là việc chính nhất rồi đề ra kế hoạch tỉ mỉ, chắc chắn, chính xác sau đó quyết tâm thực hiện cho bằng được kế hoạch đó.

- Những quan điểm của Hồ Chí Minh đều có tính nhất quán trong một hệ thống chặt chẽ. Do vậy, học tập, nghiên cứu để vận dụng vào sự nghiệp cách mạng hiện nay không nên biệt lập từng quan điểm của Người, cắt khúc các quan điểm đó một cách siêu hình mà cần đặt tư tưởng Hồ Chí Minh vào trong hệ thống lý luận Mác - Lênin.

4. Quan điểm kế thừa và phát triển

Quan điểm này cho chúng ta thấy rằng:

- Cuộc sống vận động không ngừng, có lúc tiệm tiến, có lúc nhảy vọt và có khi "một ngày bằng hai mươi năm", đặc biệt là tình hình thế giới hiện nay đang ẩn chứa nhiều yếu tố khó lường. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào trong điều kiện mới đặt ra yêu cầu chủ thể phải hiểu đúng những quan điểm cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm bắt

đúng tình hình thực tế trong nước và ở trên thế giới. Điều kiện hiện nay có nhiều điều thay đổi, khác với trước kia, vì thế, những quan điểm của Hồ Chí Minh phải được vận dụng sáng tạo cho sát hợp với hoàn cảnh của từng giai đoạn, từng thời kỳ. V.I. Lênin đã vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác với tinh thần đó. Hồ Chí Minh cũng đã vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin với tinh thần đó.

- Theo tinh thần của Hồ Chí Minh "dĩ bất biến ứng vạn biến", trong kế thừa và phát triển, phải giữ đúng nguyên tắc, giữ đúng mục đích, giữ vững mục tiêu chiến lược thể hiện qua toàn bộ tư tưởng của Người. Những vấn đề sách lược có thể và cần thiết phải thay đổi cho phù hợp với từng lúc và từng nơi trên cơ sở hướng tới mục tiêu chiến lược đã lựa chọn. Sự kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh ở đây không có nghĩa là tầm chương trích cú, bám giữ từng câu từng chữ trước tác của Người vào trong tình hình thực tế. Hồ Chí Minh là con người của đổi mới, hết sức tránh giáo điều, tránh rập khuôn, máy móc.

- Trong quá trình vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh theo quan điểm kế thừa và phát triển, chúng ta lưu ý đến việc vận dụng tinh thần và phương pháp của Người để tiếp tục nhận thức và hành động đúng quy luật, giải quyết những vấn đề mới do cuộc sống đặt ra. Cũng như tinh thần coi chủ nghĩa Mác - Lênin là một "học thuyết mở", chúng ta coi tư tưởng Hồ Chí Minh là những vấn đề mở, nghĩa là cần được vận dụng một cách sống động và bổ sung, phát triển trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta.

III. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ NỘI DUNG VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

1. Phương hướng

Phương hướng vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới là nắm vững quan điểm thực tiễn, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng của Người để giải quyết đúng những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Thực tế luôn luôn vận động và phát triển. Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng phải được đặt trong quá trình vận động và phát triển của cuộc sống. Phải nắm chắc bản chất của từng vấn đề đặt ra trong tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng một cách đúng đắn vào sự nghiệp cách mạng nước ta.

2. Một số nội dung chủ yếu vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay

a) Kiên định con đường mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn

Con đường mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn cho sự phát triển của dân tộc ta là con đường *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.* Con đường này Hồ Chí Minh đã tìm thấy năm 1920 và được xác định một cách đúng đắn trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng* khi Đảng mới thành lập vào đầu năm 1930. Hồ Chí Minh từ người tìm đường trở thành người mở đường và người dẫn đường cho dân tộc Việt Nam. Thực tế của đất nước ta trong cuộc đấu tranh giành độc lập, bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước

quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã hoàn toàn chứng minh cho sự đúng đắn của con đường mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

Hiện nay, hệ thống xã hội chủ nghĩa không còn, nhưng không có nghĩa là con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở nước ta không còn phù hợp nữa, trái lại, qua công cuộc đổi mới, sự nghiệp cách mạng nước ta càng phát triển, con đường xã hội chủ nghĩa ngày càng được sáng tỏ hơn. Chủ nghĩa cộng sản vẫn là sự phát triển tất yếu của xã hội loài người cho dù con đường này không phải là con đường bằng phẳng.

Chúng ta kiên định con đường mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn, bởi vì, con đường này là duy nhất đúng ở Việt Nam. Chúng ta không đồng tình với ý kiến cho rằng, Hồ Chí Minh chỉ có công lao lớn trong cuộc đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, sẽ là sai lầm khi vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh khi xây dựng chủ nghĩa xã hội. Như vậy có nghĩa là họ phủ nhận mục tiêu đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Chúng ta khẳng định rằng, sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam là sự tiếp tục con đường của Hồ Chí Minh đã lựa chọn, nó như là một quá trình tất yếu vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Chính trong quá trình đổi mới vì những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, không những đứng vững trước muôn vàn thử thách nghiệt ngã mà còn phát triển vượt bậc.

Trong điều kiện mới, chúng ta càng khẳng định và kiên trì đi theo con đường mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Khát khao cháy bỏng của Hồ Chí Minh là độc lập cho dân tộc, nhưng Người cũng cho rằng, độc lập phải gắn với tự do,

phải làm cho nhân dân sống một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Điều mong muốn cuối cùng của Hồ Chí Minh trước khi qua đời thể hiện trong bản *Di chúc* là: "Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới". Kiên định con đường mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn, hiện nay chúng ta tiếp tục thực hiện sáu đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được nêu trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:*

- Chủ nghĩa xã hội ở nước ta là xã hội do nhân dân lao động làm chủ;

- Xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu;

- Xã hội có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;

- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân;

- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ;

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Sáu đặc trưng cơ bản về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trên đây được Đại hội VII của Đảng ta nêu lên năm 1991.

Sang những năm đầu của thế kỷ XXI, tình hình đất nước ta cũng như trên thế giới tiếp tục có những biến chuyển lớn. Đất nước đang xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong xu thế toàn cầu hóa kinh tế. Những đặc trưng nêu lên trên đây vẫn đúng, tuy nhiên cần được bổ sung, phát triển, cụ thể hóa. Đó cũng là kết quả của việc tổng kết bước đầu qua những năm đổi mới ở nước ta, và đó cũng là quá trình tiếp tục vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới.

Kiên định đi theo con đường mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn là tiêu chí đánh giá sự vững vàng về chính trị, tư tưởng, lập trường, lý tưởng xã hội chủ nghĩa của mỗi một công dân Việt Nam yêu nước, trong đó có thế hệ trẻ hiện nay. Trong điều kiện hội nhập, mở cửa, quan hệ đối ngoại rộng mở, thanh niên Việt Nam, nhất là học sinh, sinh viên có nhiều điều kiện thuận lợi để tiếp nhận nhiều tri thức đa dạng, phong phú thuộc nhiều luồng quan điểm, chính kiến khác nhau, có điều kiện thuận lợi để giao lưu, trực tiếp chứng kiến cuộc sống của nhiều nước trên thế giới. Mọi người, trong đó có thanh niên, học sinh, sinh viên có quyền so sánh, đối chiếu giữa con đường này hay con đường khác của sự phát triển của mỗi dân tộc-quốc gia, có quyền so sánh giữa chế độ chính trị này với chế độ chính trị khác. Nhưng, hễ là người Việt Nam yêu nước, hễ là người nghiên cứu, học tập một cách nghiêm túc, đúng đắn tư tưởng Hồ Chí Minh thì chắc chắn sẽ tin rằng con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Hồ Chí Minh đã chỉ ra và đã hướng dân tộc Việt Nam đi lên bao

nhiêu năm nay là con đường phù hợp với quy luật, là con đường phát triển tất yếu.

b) Dựa vào sức mạnh của toàn dân

Dân là gốc của nước. Hồ Chí Minh đã phát triển quan điểm đó từ trong kho tàng tư tưởng và kinh nghiệm truyền thống của dân tộc ta cũng như của các bậc hiền triết, anh minh trong lịch sử dân tộc Việt Nam và thế giới hàng nghìn năm. Vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta coi đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo là *động lực chủ yếu* để phát triển đất nước.

Muốn củng cố và phát huy sức mạnh của toàn dân làm nên thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, cần phải chú ý những vấn đề sau đây:

Một là: Thường xuyên chăm lo xây dựng và phát triển nguồn lực con người. Trong thời đại ngày nay, khi nhân loại đang dần bước vào kinh tế tri thức, lợi thế nhân lực của một quốc gia không phải chỉ là số lượng đông mà quan trọng hơn cả là ở chất lượng dân số. Ở Việt Nam, trong thời đại ngày nay, cần xây dựng và phát triển nguồn nhân lực trên cơ sở:

- Bồi dưỡng tư tưởng yêu nước kết hợp với tinh thần quốc tế chân chính. Đó là những người sống có lý tưởng, có hoài bão được cống hiến cho đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Có đạo đức, lối sống cách mạng trong sáng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, không tham nhũng và mắc các tiêu cực khác.

- Đội ngũ nhân lực có trình độ cao. Trong đội ngũ này, có một đội ngũ cán bộ chiến lược giỏi, vững vàng; một đội ngũ cán bộ quản lý với đầy đủ đức và tài; một đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đáp ứng tốt mọi yêu cầu của công cuộc xây dựng đất nước trong thời kỳ hội nhập, cạnh tranh gay gắt; một đội ngũ những người lao động nói chung có chất lượng cao.

Hai là: tiếp tục xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Hồ Chí Minh là người sáng lập ra Mặt trận dân tộc thống nhất, là hiện thân của tình đoàn kết keo sơn gắn bó giữa các cộng đồng người trên lãnh thổ Việt Nam. Đoàn kết tạo thành sức mạnh vô biên. Trong cuộc chiến lâu dài không kém phần oanh liệt chống lại những cái hư hỏng, lạc hậu để xây dựng xã hội mới tốt đẹp càng cần tới sự đồng tâm hiệp lực của khối đại đoàn kết toàn dân. Lịch sử nước nhà và lịch sử thế giới cho thấy rằng, thời kỳ nào dân tộc không đoàn kết thì thời kỳ đó dân tộc không phát triển lên được, thậm chí sẽ bị mất nước, bởi các thế lực ngoại bang xâm chiếm.

Ba là: Tôn trọng quyền làm chủ của dân. Xã hội càng phát triển thì trình độ dân chủ của một xã hội càng cao. Dân phải được tôn trọng, phải phát huy được tính tích cực của mình trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Kinh tế thị trường đã và đang tạo ra những mặt tích cực đáng kể cho sự phát triển kinh tế - xã hội nhưng đồng thời cũng có những mặt trái, làm trầm trọng thêm một số tiêu cực đã có trước đây và nảy sinh một số tiêu cực mới. Chẳng hạn: chạy theo đồng tiền; cá nhân chủ nghĩa nặng nề; thoái hóa về đạo đức, lối sống; tham nhũng; lãng phí; quan liêu; cửa

quyền; nhất là vi phạm trắng trợn quyền làm chủ của nhân dân, có nơi, có lúc rất nghiêm trọng dẫn đến lòng dân không yên. Hàng bao đời nay, dù trải qua nhiều biến đổi, cộng đồng dân cư trên đất nước Việt Nam đã chung lưng đấu cật dựng nước và giữ nước. Mọi âm mưu và hành động, dù là nhỏ, làm tổn hại đến khối đại đoàn kết toàn dân tộc đều là có tội đối với đất nước, cần được lên án.

Bốn là: Dựa vào sức mạnh của dân, xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, dựa trên cơ sở giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng; thực hiện tốt Cương lĩnh, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước. Sức quy tụ của nhân dân chỉ có hiệu quả khi được dựa trên tất cả cơ sở đó. Vấn đề này phải được nhận thức sâu sắc đối với từng cá nhân và đối với cả các tổ chức trong hệ thống chính trị. Quyền tự do cá nhân cần được đặt trong khuôn khổ của ý thức, lợi ích cộng đồng, trong khuôn khổ chế định của luật pháp. Đó cũng là sự bảo đảm cho quyền con người trong xã hội ngày nay.

Năm là: Tạo điều kiện cho nhân dân làm tròn nghĩa vụ công dân. Quyền của dân chỉ thật sự được bảo đảm khi người dân làm tốt nghĩa vụ công dân của mình đối với đất nước. Đây thuộc về trách nhiệm trước hết của mỗi công dân, đồng thời là trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội.

c) Xây dựng, kiện toàn hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

Một là, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam vững mạnh.

Đảng là một thành viên của hệ thống chính trị đồng

thời có trách nhiệm lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn xã hội, Đảng là hạt nhân của hệ thống chính trị nên muốn đưa cách mạng tiến lên phải chăm lo xây dựng Đảng mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức.

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố có tính chất quyết định tới thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Sự nghiệp đổi mới đất nước vì những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, do đó, phụ thuộc trước hết vào chất lượng của Đảng cầm quyền. Với ý nghĩa đó, chúng ta có thể nói rằng, sự nghiệp đổi mới hãy bắt đầu từ bản thân Đảng. Với ý thức trách nhiệm đó, trong những năm 80 của thế kỷ XX, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nghiên cứu, tổng kết từ những sáng kiến của cơ sở để khởi xướng công cuộc đổi mới. Sự nghiệp đổi mới đất nước chính thức bắt đầu từ cuối năm 1986 xuất phát từ chính yêu cầu của cuộc sống mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã nắm bắt được chứ không phải từ ảnh hưởng của bên ngoài.

Đứng trước thời cơ và thách thức mới, trách nhiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền trong sự nghiệp đổi mới hiện nay càng nặng nề hơn. Đảng phải vươn lên về mọi mặt trong điều kiện mới. Ngoài những thuận lợi rất cơ bản, Đảng duy nhất cầm quyền đứng trước một số nguy cơ, khó khăn: những thử thách, cám dỗ của lợi ích vật chất; hoàn cảnh mới dễ dàng mắc phải căn bệnh phát triển như cửa quyền, quan liêu, mất dân chủ, lãnh đạo nặng về áp đặt theo lối mệnh lệnh, v.v.. Sự nghiệp đổi mới càng đi vào chiều sâu thì càng đặt ra cho Đảng nhiều vấn đề mới cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn cần có lời giải đáp.

Đặc biệt, điều đáng lo ngại là một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên bị suy thoái về tư tưởng chính trị, suy thoái về đạo đức, lối sống. Đảng phải mạnh cả về chính trị; về tư tưởng; về tổ chức; về cán bộ, đảng viên; về phẩm chất, đạo đức của toàn Đảng; về phương thức lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới...

Đảng Cộng sản Việt Nam có trách nhiệm lãnh đạo cả hệ thống chính trị. Do đó, ngoài việc phải thường xuyên tự chỉnh đốn bản thân mình, Đảng phải có trách nhiệm tăng cường sự lãnh đạo của mình đối với Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Đảng lãnh đạo Nhà nước không phải làm thay chức năng quản lý của Nhà nước mà lãnh đạo bằng phương thức thích hợp để phát huy vai trò của Nhà nước trong sự nghiệp đổi mới. Đảng cũng chú ý lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể nhân dân để các tổ chức đó bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm cho các tổ chức đó thực hiện tốt vai trò là cơ sở vững chắc của chính quyền.

Hồ Chí Minh là người sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam. Người là một chiến sĩ cộng sản quốc tế kiên cường trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đồng thời là một chiến sĩ hòa bình luôn luôn đấu tranh cho sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc, cho sự tiến bộ xã hội. Đấy là con người của thời đại. Mọi âm mưu xuyên tạc, hạ thấp hoặc xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, của chủ nghĩa xã hội, đều đi ngược lại với sự thật hiện hữu trong đời sống xã hội Việt Nam, đều mang dụng ý không trong sáng. Mặc dù Đảng

ta mắc phải một số khuyết điểm, hạn chế, có một số bất cập, nhưng không vì thế mà cho rằng, trong sự nghiệp đổi mới hiện nay khi chúng ta đang xây dựng nhà nước pháp quyền thì không cần sự lãnh đạo của Đảng. Thực tế cho thấy rằng, Đảng có vai trò, trách nhiệm mà không một tổ chức chính trị nào khác có thể thay thế đối với toàn bộ hệ thống chính trị.

Hai là, xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, thể hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Hồ Chí Minh đã phát triển lý luận về nhà nước của chủ nghĩa Mác - Lênin bằng việc xây dựng Nhà nước mới ở Việt Nam - Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Đây là một tổ chức quan trọng trong hệ thống chính trị, ngày càng có vị trí, vai trò to lớn trong quá trình đổi mới. Nhà nước trong sạch, vững mạnh thì góp phần to lớn làm cho cả hệ thống chính trị vững mạnh. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước ta là nơi thể hiện rõ nhất quyền và nghĩa vụ của nhân dân. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, cần chú trọng xây dựng pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, đưa pháp luật vào trong cuộc sống một cách có hiệu quả.

Bảo đảm cho Nhà nước trong sạch là một nội dung rất quan trọng hiện nay trong việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Những căn bệnh thường thấy đối với sự hoạt động của Nhà nước mà Hồ Chí Minh đã chỉ ra

trước đây khi Người còn sống vẫn còn có ý nghĩa thời sự đòi hỏi mỗi người và tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị đồng tâm hiệp lực chú ý khắc phục. Phải đẩy mạnh việc chống tham nhũng, quan liêu và các tiêu cực khác trong bộ máy nhà nước, làm cho Nhà nước thật sự là Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đó là ý thức, trách nhiệm của toàn dân và của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là các cấp chính quyền trong bộ máy nhà nước.

Vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước ta tức là phải xây dựng và kiện toàn bộ máy nhà nước sao cho hợp lý, hoạt động có hiệu quả. Bộ máy đó được xác lập trên cơ sở có căn cứ khoa học, phù hợp với tình hình thực tế của từng thời kỳ, nói chung là tinh gọn, chức năng, nhiệm vụ rõ ràng không chồng chéo. Bộ máy đó phải được thống nhất từ Trung ương đến cơ sở, bảo đảm cho quyền lực tập trung, thống nhất theo nguyên tắc tất cả mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân. Chỉ có trên cơ sở một bộ máy được tổ chức hợp lý, trong sạch thì sức mạnh của Nhà nước và của cả hệ thống chính trị mới được bảo đảm.

Xây dựng Nhà nước mạnh hiện nay, quan trọng là phải chú ý tới việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ đức và tài, tận tâm, tận lực phụng sự nhân dân, phụng sự Tổ quốc.

Ba là, luôn luôn chăm lo xây dựng Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Là một bộ phận rất quan trọng của hệ thống chính trị,

Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong sự nghiệp đổi mới không những không giảm sút vai trò của mình mà ngày càng phải thể hiện rõ hơn trách nhiệm tập hợp, đoàn kết các giai cấp, tầng lớp nhân dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Không có phong trào cách mạng của quần chúng thì sự nghiệp đổi mới không thể thành công. Không có các tổ chức Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thì không thể có cơ sở vững chắc cho tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, không thể có cơ sở, nền tảng của chính quyền các cấp. Các tổ chức này trong hệ thống chính trị là nơi tập hợp, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại thực hiện nhiệm vụ chung của toàn hệ thống chính trị, đưa đất nước tiến nhanh, mạnh, vững chắc đạt mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, trước mắt làm cho Việt Nam thoát ra khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, phấn đấu về cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Ngay từ năm 1951, khi hợp nhất hai tổ chức Việt Minh - Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt, Hồ Chí Minh đã bày tỏ "một sự sung sướng không thể tả" vì Người đã trông thấy rừng cây đại đoàn kết ấy đã nở hoa kết quả và gốc rễ nó đang ăn sâu lan rộng khắp toàn dân, và nó có một cái tương lai "trường xuân bất lão". Người tin tưởng rằng, "mối đoàn kết thân ái sẽ phát triển và củng cố khắp toàn dân. Với lực lượng đoàn kết ấy, chúng ta sẽ vượt qua hết thảy mọi khó khăn, gian khổ, chúng ta sẽ đánh tan tất

cả mọi kẻ thù đế quốc thực dân"[1]. Sau Đại hội đó, khối đoàn kết toàn dân luôn luôn được Hồ Chí Minh chăm lo vun đắp và trở thành nhân tố cực kỳ quan trọng góp phần làm nên thắng lợi của hai cuộc kháng chiến cũng như xây dựng miền Bắc. Ngày nay, đưa tư tưởng đại đoàn kết của Người vào cuộc sống, nâng khối đại đoàn kết toàn dân tộc lên một tầm cao mới và đi vào chiều sâu, làm cho tất cả mọi người Việt Nam, dù ở cương vị nào, dù ở trong nước hay ngoài nước, dẹp bỏ mọi thành kiến, gác lại quá khứ nhìn về tương lai vì một nước Việt Nam dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Các tổ chức đoàn thể khác, trong đó có tổ chức thanh niên mà tiêu biểu là Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, phải luôn luôn đi đầu trong các lĩnh vực, tích cực học tập, rèn luyện để luôn luôn trở thành những người có ích cho Tổ quốc. Tương lai phát triển của đất nước phụ thuộc một phần rất lớn vào sự đóng góp của lực lượng thế hệ trẻ. Trong xã hội ngày nay, học tập và rèn luyện tốt càng trở thành một nhiệm vụ quan trọng và vinh quang hơn bao giờ hết. Vì thế, học tập, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong đội ngũ học sinh, sinh viên trước hết và cơ bản nhất là hãy học tập tốt, rèn luyện đạo đức cách mạng tốt.

Mục tiêu xây dựng hệ thống chính trị hiện nay là xây dựng một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Do đó, cần hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

---

1. *Sđd*, t. 6, tr. 182.

Tư tưởng Hồ Chí Minh đã và đang soi đường cho sự nghiệp cách mạng ở nước ta và cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là tài sản tinh thần rất quan trọng, to lớn của Đảng và dân tộc ta. Nhân dân ta nguyện quyết tâm xây dựng đất nước ta theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

CHƯƠNG THAM KHẢO

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHĂM LO BỒI DƯỠNG THẾ HỆ CÁCH MẠNG CHO ĐỜI SAU

Lịch sử nhân loại cũng như của mỗi một dân tộc phát triển theo một dòng chảy liên tục, với nhiều thế hệ nối tiếp nhau. Đó là một quy luật. Các dân tộc, các giai cấp, các lực lượng chính trị trong xã hội muốn duy trì và phát triển lực lượng của mình, phải nhận thức đầy đủ quy luật đó, phải quan tâm đến việc bồi dưỡng các thế hệ kế tiếp. Chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm quan trọng và là trách nhiệm của các thế hệ cách mạng.

Hồ Chí Minh là người sớm nhận rõ vị trí, vai trò của thế hệ trẻ. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, Người đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Ngay từ khi dạy học ở trường Dục Thanh, Hồ Chí Minh đã quan tâm đến giáo dục tinh thần dân tộc khi dạy môn quốc văn, giáo dục lao động, thể chất cho học sinh. Vào những năm 20 của thế kỷ XX, sau khi đã tiếp thu được lý luận Mác-Lênin, truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào trong nước và trực tiếp xây dựng lực lượng của cách mạng, Người quan tâm đầu tiên đến việc giác ngộ thanh niên. Người đã mở các lớp huấn luyện tại Quảng Châu -

Trung Quốc (1925-1927) dành cho các thanh niên Việt Nam yêu nước từ trong nước sang. Từ đó và trong toàn bộ cuộc đời cách mạng của mình, Người luôn luôn quan tâm đến việc đào tạo thế hệ trẻ thành những người thừa kế sự nghiệp của cách mạng. Trong bản *Di chúc*, Người viết: " Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là việc làm rất quan trọng và rất cần thiết", "Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa "hồng", vừa "chuyên""[1].

I. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ CỦA THẾ HỆ TRẺ

1. Muốn thức tỉnh một dân tộc, trước hết phải thức tỉnh thanh niên

Khi bắt đầu thực hiện nhiệm vụ xây dựng lực lượng cách mạng cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh quan tâm đến giáo dục thanh niên, thức tỉnh thanh niên, kêu gọi thanh niên ý thức được trách nhiệm trước dân tộc để đấu tranh giành lại độc lập cho đất nước, bởi vì theo Người, thanh niên là những người trẻ tuổi, có sức khỏe, nhiệt tình, hăng hái, ham tìm hiểu, nhanh tiếp thu cái mới..., có vai trò quan trọng trong các phong trào xã hội. Thực dân Pháp đô hộ nước ta, thực hiện chính sách ngu

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr.510.

dân, thanh niên nước ta bị nền giáo dục thực dân "nhồi sọ", quên đi thân phận của người dân mất nước, cam chịu cuộc sống nô lệ. Năm 1925, trong bài *Gửi thanh niên An Nam*, sau khi phê phán toàn quyền Pháp P.Đume và kể về sự phấn đấu của thanh niên Nhật Bản, Trung Quốc, Nga, Hồ Chí Minh viết: " Thế thì thanh niên của ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: họ không làm gì cả. Những thanh niên không có phương tiện thì không dám rời quê nhà; những người có phương tiện lại chìm ngập trong sự biếng nhác; còn những kẻ đã xuất dương thì chỉ nghĩ đến việc thỏa mãn tính tò mò của tuổi trẻ mà thôi!

Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám Thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh"[1]. Với Hồ Chí Minh, thức tỉnh thanh niên là bước đầu tiên để thức tỉnh một dân tộc đứng lên đấu tranh giành lại nền độc lập, để xây dựng một xã hội mới.

2. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội, của dân tộc

Xuất phát từ quy luật vận động của xã hội loài người, Hồ Chí Minh khẳng định tuổi trẻ không những là người kế tục các thế hệ trước, mà còn là tương lai của đất nước, của dân tộc. Người đã ví tuổi trẻ như mùa xuân, bắt đầu của một năm. Năm 1946, trong thư gửi học sinh, Hồ Chí Minh viết: "Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội"[2].

Câu nói trên thể hiện vai trò quan trọng của tuổi trẻ

---

1. *Sđd*, t.2, tr. 132-133.

2. *Sđd*, t. 4, tr. 167.

đối với sự phát triển của xã hội. Sự chăm lo tốt cho thế hệ trẻ là sự bảo đảm cho tương lai phát triển bền vững và tươi sáng của xã hội.

3. Sự phát triển của xã hội phần lớn phụ thuộc vào thanh niên

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, thanh niên là những người khỏe mạnh, hăng hái, có sức khỏe. Sự phát triển lâu dài của xã hội phụ thuộc nhiều vào thanh niên. Người viết: "Người ta thường nói: Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Thanh niên muốn làm người chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải ra làm việc để chuẩn bị cái tương lai đó"[1].

Trong luận điểm này, Hồ Chí Minh đã nhắc đến cả hai khía cạnh của một vấn đề, có mối quan hệ khăng khít với nhau. Hồ Chí Minh rất tin ở thanh niên, tin rằng thanh niên với ý chí, nghị lực và quyết tâm, có thể vượt qua được mọi khó khăn gian khổ. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Người có bài *Khuyên thanh niên*:

"Không có việc gì khó,
Chỉ sợ lòng không bền,
Đào núi và lấp biển,
Quyết chí ắt làm nên"[2].

1. *Sđd*, t. 5, tr. 185.

2. *Sđd*, t. 6, tr. 95.

4. Sự học tập, rèn luyện của thế hệ trẻ góp phần quan trọng đến tương lai phát triển của đất nước

Từ sự xác định vai trò kế tục của thế hệ trẻ, Hồ Chí Minh yêu cầu thế hệ trẻ phải tự mình phấn đấu, học tập và rèn luyện để nắm lấy tri thức, bồi dưỡng ý chí, nghị lực và tinh thần cách mạng. Việc học tập, rèn luyện của thế hệ trẻ có ý nghĩa quyết định đến tương lai của đất nước. Trong ngày khai trường đầu tiên sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh đã viết thư gửi học sinh, kêu gọi học sinh học tập: Sau 80 năm nô lệ làm cho nước nhà bị yếu hèn, ngày nay chúng ta phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp được các nước khác trên hoàn cầu. Trong công cuộc kiến thiết đó, nước nhà trông mong chờ đợi ở các em rất nhiều. Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em.

Trong thư gửi nhi đồng nhân ngày tết Trung thu đầu tiên sau khi nước nhà giành được độc lập tháng 9-1945, Hồ Chí Minh viết: "Hôm nay các em vui chơi, vui chơi một cách có đoàn kết, có tổ chức. Như thế là tốt lắm. Hôm nay tết Trung thu là của các em. Mà cũng là một cuộc biểu tình của các em để tỏ lòng yêu nước và để ủng hộ nền độc lập... Các em phải thương yêu nước ta. Mong các em mai sau lớn lên thành người dân xứng đáng với nước độc lập tự do"[1].

---

1. *Sđd*, t. 4, tr. 25.

5. Vai trò của giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ đối với sự nghiệp cách mạng

Trong nhiệm vụ bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau, Hồ Chí Minh nhắc đến vai trò và nhiệm vụ của các thế hệ đi trước, chăm lo đào tạo, bồi dưỡng các thế hệ đi sau làm sao để họ tiến bộ hơn mình. Theo Người, thế hệ đi sau tiến bộ hơn thế hệ đi trước mới tốt. Nếu thế hệ đi sau không bằng thế hệ đi trước là không tốt.

Về nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng thế hệ trẻ, Người đặc biệt quan tâm đến giáo dục. Sau khi nước nhà giành được độc lập, Hồ Chí Minh quan tâm ngay đến giáo dục, đào tạo, coi việc chống giặc dốt cấp bách hơn cả giặc ngoại xâm. Người viết: "Nay chúng ta đã giành được quyền độc lập. Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này, là nâng cao dân trí"[1], vì "Nước nhà cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài"[2]. Bây giờ xây dựng kinh tế, không có cán bộ không làm được. Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế văn hóa. Trong việc đào tạo cán bộ, giáo dục là bước đầu.

Việc quan tâm của Hồ Chí Minh đến đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ không chỉ trên sách vở, lời nói mà trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, trong đời sống hàng này của Người. Năm 1919, tại Pari, Hồ Chí Minh đã thành lập Hội những người Việt Nam yêu nước, chủ yếu là thanh niên. Khi sang Liên Xô, Người tham gia vào các hoạt động

---

1, 2. *Sđd*, t. 4, tr. 36, 451.

của Quốc tế Thanh niên, một tổ chức của Quốc tế Cộng sản. Năm 1925, tại Quảng Châu, Trung Quốc, Hồ Chí Minh đã cải tổ Tâm tâm xã để thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, thu nạp những thanh niên Việt Nam yêu nước ở Quảng Châu lúc đó. Tiếp theo đó, tại Quảng Châu, Người đã mở các lớp huấn luyện cho các thanh niên yêu nước từ trong nước sang sau đó cử về nước để vận động quần chúng. Sau khi về nước, Hồ Chí Minh đã dành nhiều thời gian để giáo dục, vận động thanh niên. Sinh thời Người rất quan tâm, theo dõi, nâng đỡ từng bước tiến của thế hệ trẻ, rất nhiều lần Người viết thư cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng và học sinh.

Với niềm tin vào thế hệ trẻ, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, Hồ Chí Minh đã bắt đầu các hoạt động cách mạng của mình trong thanh niên và luôn luôn quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ.

II. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHĂM LO BỒI DƯỠNG THẾ HỆ CÁCH MẠNG CHO ĐỜI SAU

1. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là công việc rất quan trọng và rất cần thiết

Từ khi bắt đầu xây dựng lực lượng cho sự nghiệp giải phóng dân tộc năm 1925, với lời kêu gọi trong *Thư gửi thanh niên An Nam*, thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đến cuối đời, Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm đến giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ. Khi Cách mạng Tháng Tám

thành công, thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân, Hồ Chí Minh xác định nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước là phải chăm lo ngay từ đầu sự nghiệp giáo dục và đào tạo, với mục đích đào tạo thế hệ trẻ, người thừa kế sự nghiệp của Đảng, của dân tộc.

Hồ Chí Minh coi phát triển giáo dục là một trong những công việc đầu tiên của cách mạng.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Bây giờ xây dựng kinh tế, không có cán bộ không làm được. Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế văn hóa. Trong việc đào tạo cán bộ, giáo dục là bước đầu"[1].

Hồ Chí Minh coi sự nghiệp giáo dục và đào tạo phải được quan tâm, quán triệt thường xuyên, trong bất cứ hoàn cảnh nào. Khi dân tộc bước vào cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh yêu cầu: ta cần phải có một nền giáo dục kháng chiến và kiến quốc, vì chúng ta phải đào tạo cán bộ mới và giúp đỡ cán bộ cũ theo tôn chỉ kháng chiến và kiến quốc. Khi cách mạng Việt Nam cùng một lúc phải thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, Hồ Chí Minh nêu rõ: "Văn hóa giáo dục phải phát triển mạnh để phục vụ yêu cầu của cách mạng. Văn hóa giáo dục là một mặt trận quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà"[2]. Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra cả nước, Hồ Chí Minh xác định: Trong hoàn cảnh

1. *Sđd*, t. 8, tr. 184.

2. *Sđd*, t. 10, tr. 190.

cả nước có chiến tranh, sự nghiệp giáo dục của chúng ta vẫn phát triển nhanh, mạnh hơn bao giờ hết. Trong hoàn cảnh nào cũng phải tiếp tục thi đua dạy tốt, học tốt.

Như vậy, với Hồ Chí Minh, cách mạng càng phát triển thì càng đòi hỏi đông đảo đội ngũ cán bộ các thế hệ, đòi hỏi dân trí phải được nâng cao, giáo dục phải phát triển để làm nhiệm vụ chăm lo bồi dưỡng các thế hệ cách mạng, trong đó đặc biệt quan trọng là thế hệ trẻ.

2. Mục đích của việc chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

Mục đích hàng đầu là đào tạo cán bộ cho cách mạng. Trong thư gửi các thầy cô giáo và học sinh dự bị đại học ở Thanh Hóa tháng 4-1952, Hồ Chí Minh viết: "Giáo dục cần nhằm vào mục đích thật thà phụng sự nhân dân"[1]. Nền giáo dục cách mạng đào tạo con em những người lao động thành "những người công dân có ích cho nước Việt Nam".

Trường học là nơi đào tạo những người chủ tương lai của đất nước. Theo Người, trường học của chúng ta là trường học của chế độ dân chủ nhân dân, nhằm mục đích đào tạo những công dân và cán bộ tốt, những người chủ tương lai tốt của nước nhà. Về mọi mặt, trường học của chúng ta phải hơn hẳn trường học của thực dân và phong kiến. Đó là một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của học sinh; là con đường làm cho con em chúng ta thành những trò giỏi, con ngoan, bạn tốt, và mai sau là những công dân dũng cảm, cán bộ gương

---

1. *Sđd*, t. 6, tr. 467.

mẫu, người chủ xứng đáng của chế độ xã hội chủ nghĩa. Với thanh niên, phải giáo dục họ "luôn luôn nâng cao tinh thần yêu Tổ quốc, yêu chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình cảm cách mạng đối với công nông, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, triệt để tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sẵn sàng nhận bất kỳ nhiệm vụ nào mà Đảng và nhân dân giao cho. Thường xuyên giáo dục cán bộ trẻ, tiếp tục chăm sóc bồi dưỡng giáo dục họ để "làm việc, làm người, làm cán bộ, để phụng sự Đảng, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại. Muốn đạt mục đích ấy phải giáo dục đạo đức "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư" cho họ".

Để đào tạo bồi dưỡng thế hệ trẻ, Hồ Chí Minh cho rằng, cần gột rửa nền giáo dục thực dân phong kiến. Hồ Chí Minh phê phán nền giáo dục thực dân, đó là nền giáo dục nhằm thực hiện chính sách ngu dân. Trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (năm 1925), Hồ Chí Minh tố cáo: Để có thể đánh lừa dư luận bên Pháp và bóc lột dân bản xứ một cách êm thấm, bọn cá mập của nền văn minh không những đầu độc nhân dân An Nam bằng rượu và thuốc phiện, mà còn thi hành một chính sách ngu dân triệt để. Đó là nền giáo dục "nhồi sọ" làm hư hỏng các thế hệ trẻ Việt Nam. Người viết: Trong mấy mươi năm nô lệ, đế quốc và phong kiến đã dùng giáo dục nô lệ để "nhồi sọ" thanh niên ta, làm cho thanh niên ta hư hỏng. Hồ Chí Minh chủ trương, khi cách mạng thành công sẽ thực hiện nền giáo dục cách mạng. Nhưng "Trước hết phải ra sức tẩy sạch ảnh hưởng giáo dục nô dịch của thực dân còn sót lại, như: Thái độ thờ ơ đối với xã hội, xa rời đời sống lao động

và đấu tranh của nhân dân; học để lấy bằng cấp, dạy theo lối nhồi sọ"[1].

3. Nội dung giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ

- Bồi dưỡng, giáo dục thế hệ cách mạng cho đời sau một cách toàn diện

Hồ Chí Minh yêu cầu trong việc giáo dục và học tập, phải chú trọng đủ các mặt: đạo đức cách mạng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, văn hóa, kỹ thuật, lao động và sản xuất; đào tạo thế hệ trẻ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa "hồng" vừa "chuyên".

Đạo đức và tài năng là cả hai nội dung không thể thiếu được đối với nhiệm vụ bồi dưỡng, giáo dục, trong đó đạo đức là gốc. Năm 1964, Người nói: "Dạy cũng như học phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là *đạo đức cách mạng*. Đó là cái gốc, rất là quan trọng"[2]. Trên nền tảng giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng tốt, phải phấn đấu nâng cao chất lượng văn hóa và chuyên môn nhằm thiết thực giải quyết các vấn đề do cách mạng nước ta đề ra và trong một thời gian không xa, đạt những đỉnh cao của khoa học và kỹ thuật.

- Bồi dưỡng, giáo dục phải trên tất cả các mặt "đức, trí, thể, mỹ", thể hiện ở 5 nội dung sau đây:

Thứ nhất, giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ.

Thanh niên bao giờ cũng có rất nhiều ước mơ, hoài bão,

---

1. *Sđd*, t. 8, tr. 80.

2. *Sđd*, t. 11, tr. 329.

bao giờ cũng mang tâm lý hướng tới cái cao đẹp trong cuộc sống và họ luôn luôn cần đến một điểm tựa tinh thần vững chãi để có thể vượt qua được những khó khăn, thực hiện được ước mơ hoài bão của mình. Hồ Chí Minh rất quan tâm đến giáo dục lý tưởng cho thanh niên. Ở mỗi một giai đoạn khác nhau của cách mạng Việt Nam, Người luôn có những yêu cầu cụ thể và cơ bản về việc giáo dục bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho tuổi trẻ. Hồ Chí Minh đã ân cần khuyên nhủ thanh niên rằng: Chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là suốt đời phấn đấu cho Tổ quốc ta được hoàn toàn độc lập, chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta. Khi nói về nhiệm vụ học tập của thanh niên, Người viết: mục tiêu lý tưởng phấn đấu của thanh niên đó là học tập và học để làm gì ? Người trả lời: "Học để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, học để làm cho dân giàu, nước mạnh".

Thứ hai, quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao chí khí cách mạng cho tuổi trẻ.

Chỉ có lý tưởng cách mạng cũng chưa đủ, mà phải có chí khí thì mới biến lý tưởng đó thành hiện thực được. Chí khí mà Hồ Chí Minh yêu cầu giáo dục cho thế hệ trẻ không chỉ là chí khí chung chung như "chí làm trai" trước đây cha ông ta vẫn nói, mà là chí khí cách mạng. Đó là trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Thứ ba, giáo dục, bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ.

Theo Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng là yếu tố vô cùng cần thiết, là cái gốc, cái nền tảng của cách mạng.

Giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ là nhằm làm cho thế hệ trẻ trở thành những người công dân có ích, những người chiến sĩ tốt, những người cách mạng chân chính, với những phẩm chất: trung với nước, hiếu với dân, yêu thương con người, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Đối với thế hệ trẻ, Người căn dặn: phải thật thà, phải ngay thẳng, chí công vô tư, phải coi tham ô, lãng phí tài sản của Nhà nước, của tập thể, của nhân dân là hành động trộm cắp mà ai cũng thù ghét.

Thứ tư, giáo dục nâng cao trình độ chính trị, học vấn, khoa học, kỹ thuật và quân sự.

Hồ Chí Minh cho rằng, việc nâng cao trình độ chính trị, học vấn, khoa học, kỹ thuật và quân sự là điều kiện cơ bản để tuổi trẻ cống hiến ngày càng nhiều cho Tổ quốc, cho nhân dân và đây cũng là điều kiện để bảo đảm khả năng hoạt động thực tiễn của họ. Trong khi thực hiện nội dung giáo dục này, Hồ Chí Minh rất chú trọng đến mối quan hệ hữu cơ giữa các thành tố chính trị, học vấn, khoa học - kỹ thuật, lao động sản xuất và quân sự. Chính Người đã giải thích, nếu không học tập, không có trình độ học vấn không thể nào tiếp thu được chuyên môn nghiệp vụ. Nhưng nếu chỉ học tập văn hóa, khoa học - kỹ thuật mà không học tập chính trị thì như người nhắm mắt mà đi.

Thứ năm, giáo dục, bồi dưỡng nếp sống văn hóa, thể chất cho tuổi trẻ.

Hồ Chí Minh luôn coi con người là nhân tố quyết định trong sự thành công của sự nghiệp cách mạng, sự tiến bộ của xã hội. Người khẳng định, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, phải giáo dục nếp sống, lối sống văn hóa

cho thanh niên. Về giáo dục thể chất, Người cho rằng, làm việc gì cũng phải có sức khỏe mới thành công. Người viết: "Luyện tập thể dục bồi bổ sức khỏe là bổn phận của mỗi một người yêu nước... Mỗi một người dân yếu ớt tức là cả nước yếu ớt, mỗi một người dân khỏe mạnh tức là cả nước mạnh khỏe"[1]. Chính vì thế, Người rất quan tâm đến việc giáo dục về thể chất và nếp sống văn hóa cho thế hệ trẻ.

4. Phương pháp giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ

- Giáo dục phải phù hợp với mỗi đối tượng, giáo dục là một khoa học.

Trong thư gửi giáo viên, học sinh cán bộ thanh niên và nhi đồng (ngày 31-10-1955), Người chỉ ra: "Mỗi một cấp giáo dục cần nhận rõ nhiệm vụ của mình trong lúc này:

Đại học thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn, kết hợp với thực tiễn của nước ta, để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà.

Trung học thì cần đảm bảo cho học trò những tri thức phổ thông chắc chắn, thiết thực, thích hợp với nhu cầu và tiền đồ xây dựng nước nhà, bỏ những phần nào không cần thiết cho đời sống thực tế.

Tiểu học thì cần giáo dục cho các cháu thiếu nhi: yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, trọng của công. Cách dạy phải nhẹ nhàng và vui vẻ, chớ gò ép thiếu

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr. 212.

nhi vào khuôn khổ của người lớn, phải đặc biệt chú ý giữ gìn sức khỏe của các cháu"[1].

Theo Người: Giáo dục nhi đồng là một khoa học, do vậy, cách dạy trẻ phải giữ toàn vẹn cái tính vui vẻ, hoạt bát, tự nhiên, tự động, trẻ trung của chúng, chớ nên làm cho chúng hóa ra những người già sớm. Nhiều thư do các cháu gửi cho Bác Hồ viết như người lớn viết; đó là một triệu chứng già sớm nên tránh. Ở bậc tiểu học, cách dạy phải nhẹ nhàng vui vẻ, chớ gò ép thiếu nhi vào khuôn khổ của người lớn.

Vì vậy, phải biết kết hợp học tập với việc chơi, dạy từ dễ đến khó. Với trẻ nhỏ, Người cho rằng: "Trong lúc học, cũng cần cho chúng vui, trong lúc vui cũng cần làm cho chúng học. Ở trong nhà, ở trường học, ở xã hội, chúng đều vui đều học. Muốn vậy thì các ban phụ trách nhi đồng cần phải liên lạc mật thiết với cha mẹ và thầy giáo của nhi đồng"[2]. Với thanh niên thì phải chuyên tâm học hành và công tác, nhưng cũng cần có vui chơi. Vui chơi lành mạnh là một bộ phận trong sự sinh hoạt của thanh niên... Trong vui chơi cũng cần có giáo dục. Cần có những thứ vui chơi văn hóa, thể dục có tính chất tập thể và quần chúng.

Theo Hồ Chí Minh, thực hiện giáo dục không thể tùy tiện... Giáo dục cũng phải theo hoàn cảnh, điều kiện. Phải ra sức làm nhưng không được vội vàng. Làm phải có kế hoạch, có từng bước. Việc gì cũng phải từ nhỏ dần dần đến

---

1. *Sđd*, t. 8, tr. 81.

2. *Sđd*, t. 5, tr. 712.

to, từ dễ dần dần đến khó, từ thấp dần dần đến cao. Một chương trình nhỏ mà thực hành được hẳn hoi, hơn là một trăm chương trình to tát mà làm không được.

- *Giáo dục phải gắn liền với xã hội, học đi đôi với hành.*

Giáo dục phải xuất phát và bám chắc vào mục tiêu giáo dục. Người nói: "Chúng ta phải sửa đổi cách dạy cho hợp với sự đào tạo nhân tài kháng chiến và kiến quốc"[1]. Tháng 9-1945, trong *Thư gửi các học sinh*, Hồ Chí Minh viết: "Đối riêng với các em lớn... phải sẵn sàng mà chống quân giặc cướp nước, đấy là bổn phận của mỗi công dân. Các em lớn chưa hẳn đến tuổi phải gánh công việc nặng nhọc ấy, nhưng các em cũng nên, ngoài giờ học ở trường, tham gia vào các Hội cứu quốc để tập luyện thêm cho quen với đời sống chiến sĩ và để giúp đỡ một vài việc nhẹ nhàng trong cuộc phòng thủ đất nước"[2]. Với các em nhỏ, Người khuyên cứ từ 5 đến 10 cháu tổ chức thành một đội, giúp nhau học hành. Khi học rảnh, mỗi tuần cả đội đem nhau đi giúp đồng bào. Trong kháng chiến, Hồ Chí Minh chủ trương cần có một nền giáo dục kháng chiến và kiến quốc. Người yêu cầu:

1. Phải sửa đổi triệt để chương trình giáo dục cho phù hợp với sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc.

2. Muốn như thế chúng ta phải có sách kháng chiến và kiến quốc cho các trường.

Ngày 31-8-1960, trong thư gửi các cán bộ giáo dục, học

---

1. *Sđd*, t. 5, tr. 462.

2. *Sđd*, t. 4, tr. 33.

sinh, sinh viên các trường và các lớp bổ túc văn hóa, Người nhắc nhở: "Giáo dục phải phục vụ đường lối chính trị của Đảng và Chính phủ, gắn liền với sản xuất và đời sống của nhân dân"[1].

- Giáo dục phải phối hợp nhà trường - xã hội - gia đình.

Hồ Chí Minh khẳng định: Giáo dục trong nhà trường chỉ là một phần, còn cần có sự giáo dục ngoài xã hội, trong gia đình để giúp cho việc giáo dục trong nhà trường được tốt hơn. Ngày 31-10-1955, khi miền Bắc đã giải phóng, Hồ Chí Minh viết: "Tôi cũng mong các gia đình liên lạc chặt chẽ với nhà trường, giúp nhà trường giáo dục và khuyến khích con em chăm chỉ học tập, sinh hoạt lành mạnh và hăng hái giúp ích nhân dân"[2]. Các đoàn thể là một yếu tố quan trọng trong việc đào tạo thế hệ trẻ, nhất là Đoàn thanh niên. Vì vậy, Hồ Chí Minh yêu cầu: Trường học, gia đình và đoàn thể thanh niên cần phải chú ý đến giáo dục tư tưởng, thái độ, hoạt động và sinh hoạt hàng ngày của thanh niên để kịp thời khuyến khích, uốn nắn, sửa chữa. Trường học, gia đình và đoàn thể thanh niên phải liên hệ chặt chẽ trong việc giáo dục thanh niên.

- Thực hiện dân chủ, bình đẳng trong giáo dục.

Hồ Chí Minh dạy: Trong trường, cần có dân chủ. Đối với mọi vấn đề, thầy và trò cùng nhau thảo luận, ai có ý kiến gì đều thật thà phát biểu. Điều gì chưa thông suốt, thì hỏi, bàn cho thông suốt. Dân chủ nhưng trò phải kính thầy, thầy phải quý trò, chứ không phải là "cá đối bằng

1. *Sđd*, t. 10, tr. 190.
2. *Sđd*, t. 8, tr. 81.

dầu". Đồng thời thầy và trò cần giúp đỡ những anh chị em phục vụ cho nhà trường. Các anh chị em nhân viên thì nên thi đua sao cho cơm lành canh ngọt để cho học sinh ăn no, học tốt. "Giáo dục là sự nghiệp của quần chúng. Cần phải *phát huy đầy đủ dân chủ xã hội chủ nghĩa*, xây dựng quan hệ thật tốt, đoàn kết thật chặt chẽ giữa thầy và thầy, giữa thầy và trò, giữa học trò với nhau, giữa cán bộ các cấp, giữa nhà trường và nhân dân để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ đó"[1].

- *Giáo dục phải gắn liền với thi đua.*

Hồ Chí Minh khuyên: "Đồng bào ta đang có phong trào thi đua sôi nổi: "Đại phong", "Duyên Hải", "Ba nhất", "Thành công". Vậy, các nhà trường cũng nên phát động một phong trào thi đua "2 tốt" - tức là dạy thật tốt, học thật tốt". Với học sinh, Người nói: "các cháu nên thi đua, thi đua học tập, thi đua trong mọi việc để trở nên những nhi đồng có tổ chức, có kỷ luật, có sáng kiến, có lực lượng"[2].

5. Vai trò của các thế hệ đi trước, của thầy giáo trong việc bồi dưỡng thế hệ trẻ

- *Hồ Chí Minh khẳng định, giáo dục thế hệ trẻ phải thực hiện phương pháp nêu gương.*

Hồ Chí Minh yêu cầu không chỉ học tập trong nhà trường mà còn học tập qua các gương sản xuất, chiến đấu.

---

1. *Sđd*, t. 12, tr. 403.

2. *Sđd*, t. 7, tr. 561.

Khi nói với học sinh trường Đại học nhân dân, Người nói: "Trường này là Trường đại học nhân dân, các cháu học với các thầy giáo, đồng thời phải học nhân dân. Trong bộ đội ta, trong dân công và những ngành hoạt động khác, có nhiều thanh niên gương mẫu... Mong các cháu noi theo những thanh niên kiểu mẫu ấy... để xứng đáng là lớp *đầu tầu* của Trường đại học nhân dân, để rèn luyện thành chủ nhân xứng đáng tương lai của nước nhà"[1]. Trong nhà trường, thầy nêu gương cho trò. Hồ Chí Minh nói: "Tri thức phải dễ hiểu, dễ nhớ, học mau. Ngoài tri thức phải có đạo đức cách mạng. Thầy giáo phải làm kiểu mẫu cho các cháu. Làm được như thế là làm tròn nhiệm vụ"[2]. Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò rất quan trọng của thầy cô giáo với sự nghiệp trồng người, coi nghề thầy giáo là rất quan trọng, rất vẻ vang. Theo Hồ Chí Minh, "Nhiệm vụ giáo dục rất quan trọng và vẻ vang, vì nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục"[3]. Nếu không có thầy giáo dạy dỗ con em nhân dân, thì làm sao xây dựng chủ nghĩa xã hội được. Vì vậy nghề thầy giáo rất là quan trọng, rất là vẻ vang.

- Phải xây dựng đội ngũ những "người thầy giáo tốt - thầy giáo xứng đáng là thầy giáo".

Về phẩm chất của người thầy, Hồ Chí Minh yêu cầu:

+ "Phải thật thà yêu nghề mình";

+ "Phải có đạo đức cách mạng. Phải có chí khí cao

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.7, tr. 456.

2, 3. *Sđd*, t. 8, tr. 184.

thượng, phải "tiên ưu hậu lạc" nghĩa là khó khăn thì phải chịu trước thiên hạ, sung sướng thì hưởng sau thiên hạ. Đấy là đạo đức cách mạng";

+ "Phải yên tâm công tác";

+ "Phải thật thà đoàn kết";

+ "Phải thương yêu các cháu như con em ruột thịt của mình";

+ "Phải luôn luôn ra sức thi đua công tác và học tập, thật thà phê bình và tự phê bình để cùng nhau tiến bộ mãi".

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau không chỉ thể hiện tình cảm yêu thương vô bờ bến và sự chăm lo của Người đối với thế hệ trẻ, mà còn là một nội dung quan trọng trong hệ thống các quan điểm lý luận của Người. Việc nghiên cứu quán triệt quan điểm của Người về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là nhiệm vụ của mọi cấp, mọi ngành, mọi cán bộ, đảng viên trong các lĩnh vực, nhưng trước hết là của thanh niên, học sinh trong các nhà trường.

Đối với thanh niên, học sinh, cùng với việc học tập tốt các môn học lý luận Mác - Lênin, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh là nhiệm vụ quan trọng để trang bị cho mình thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng, giúp cho việc học tập trong nhà trường được tốt, đồng thời chuẩn bị hành trang cần thiết cho cuộc đời lao động và học tập không ngừng, cống hiến được nhiều hơn cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

MỤC LỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRỊNH THÚC HUỲNH

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. HOÀNG PHONG HÀ

Biên tập nội dung: TS. TRỊNH ĐÌNH BẢY
NGUYỄN QUỲNH MAI

Biên tập kỹ, mỹ thuật: PHÙNG MINH TRANG

Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG

Chế bản vi tính: TRỊNH THÙY DƯƠNG

Sửa bản in: BAN SÁCH GIÁO KHOA - THAM KHẢO

Đọc sách mẫu: BAN SÁCH GIÁO KHOA - THAM KHẢO

In 10.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Công ty CP in Nghệ An. Giấy phép xuất bản số: 59-2006/CXB/43-12/CTQG, cấp ngày 2-8-2006
In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2006.